

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng
(Kèm theo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII
tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng)

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Chương trình hành động nhằm cụ thể hoá và tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, bám sát mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, định hướng phát triển, nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá chiến lược, đồng thời bảo đảm phù hợp với tình hình trong nước, quốc tế và đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước, bảo vệ Tổ quốc giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Chương trình hành động đề ra những nhiệm vụ, đề án, công trình, dự án quan trọng, có tính chiến lược trong giai đoạn 2026 - 2030, phân công trách nhiệm cụ thể, rõ nguồn lực, tiến độ và các điều kiện cần thiết để thực hiện, làm căn cứ quan trọng để các cấp, các ngành thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu Đại hội XIV đề ra.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình hành động, yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng phải nghiêm túc quán triệt sâu sắc phương châm: Phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển và không ngừng nâng cao đời sống nhân dân; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc; lấy sự hài lòng, tín nhiệm của người dân, doanh nghiệp và hiệu quả công việc làm tiêu chí đánh giá.

II- NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh và bền vững đất nước

a) Thể chế chính trị

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ.

- Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, ban hành các nghị quyết, kết luận, quy định của Đảng để triển khai kịp thời các quyết sách chiến lược của Đảng trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội.

- Thiết lập và vận hành hiệu quả hệ thống thông tin hai chiều giữa Nhà nước và người dân, thông qua các nền tảng số, các công cụ lấy ý kiến Nhân dân.

- Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong hệ thống chính trị, bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

- Vận hành thông suốt tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; tiếp tục phân định rõ thẩm quyền giữa cấp tỉnh và cấp xã, đồng thời xây dựng cơ chế phối hợp linh hoạt, hiệu quả giữa chính quyền, Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân.

- Hoàn thiện đồng bộ cơ chế hoạt động đề Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức, đoàn thể được tham gia sâu rộng trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước và bảo đảm an ninh, trật tự tại cơ sở.

- Hình thành các mô hình "tự quản - tự chủ - tự giám sát" ở cộng đồng dân cư, gắn kết chặt chẽ giữa chính quyền và Nhân dân, thực hành phát huy dân chủ tại cơ sở.

- Xây dựng các giải pháp cụ thể để nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, kiến tạo phát triển của Nhà nước.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong sinh hoạt Đảng, giám sát nội bộ, đánh giá cán bộ.

b) Thể chế kinh tế

- Rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến đầu tư kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, khoáng sản, sở hữu trí tuệ, phá sản, xây dựng...

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật cho phát triển công nghệ tài chính, tài sản mã hoá, trí tuệ nhân tạo và các mô hình kinh tế mới nổi khác.

- Tiếp tục cải cách mạnh mẽ, cắt giảm tối đa thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, giảm chi phí tuân thủ pháp luật, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm. Phấn đấu đến năm 2030, nâng cao xếp hạng môi trường đầu tư kinh doanh của Việt Nam thuộc nhóm 3 quốc gia hàng đầu của ASEAN và nhóm 30 quốc gia hàng đầu thế giới.

- Thành lập và vận hành hiệu quả Cổng đầu tư một cửa quốc gia để thu hút, xúc tiến và giải quyết các thủ tục đầu tư theo mô hình một cửa.

- Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền rõ ràng, đồng bộ trong các lĩnh vực tài chính, đầu tư, xây dựng, đất đai và các lĩnh vực khác.

- Xây dựng, triển khai các chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực tài chính, công nghệ, quản trị cho doanh nghiệp trong nước, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ để hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, quy mô lớn, đầu đàn để dẫn dắt chuỗi giá trị trong nước và mở rộng, tham gia thị trường toàn cầu.

- Ban hành cơ chế, chính sách giao, đặt hàng khu vực tư nhân tham gia vào các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, dự án, công trình, nhiệm vụ quan trọng quốc gia, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút hiệu quả các quỹ đầu tư quốc tế.

- Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực phát triển các công trình hạ tầng chiến lược như: Đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, điện hạt nhân, điện gió ngoài khơi, trung tâm dữ liệu quốc gia, đồng thời tập trung các mô hình kinh tế đột phá gồm: Đặc khu kinh tế, đặc khu công nghệ, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển mạnh mẽ kinh tế nông nghiệp số, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp xanh và nông nghiệp tuần hoàn; chính sách quản lý, sử dụng hợp lý, linh hoạt đất trồng lúa, chuyển đổi đất trồng lúa hiệu quả thấp sang sản xuất cây trồng, vật nuôi, sản xuất công nghiệp hoặc mục đích sử dụng khác có hiệu quả cao; cơ chế, chính sách về đất đai, đầu tư, bảo hiểm, hợp tác công tư... cho phát triển kinh tế nông nghiệp.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, mở rộng thị trường cho kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Hoàn thiện thể chế liên kết vùng, nâng cao hiệu quả điều phối và liên kết phát triển vùng.

c) Thể chế phát triển văn hoá và con người

- Ban hành hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam, tích hợp sâu rộng vào chương trình giáo dục, các hoạt động truyền thông đại chúng và hoạt động văn hoá cơ sở.

- Xây dựng các chính sách đột phá, hỗ trợ phát triển công nghiệp văn hoá, công nghiệp giải trí, bảo tồn và phát huy di sản và khuyến khích mạnh mẽ sự sáng tạo trong nghệ thuật, thiết kế, sản xuất nội dung số.

d) Thể chế quản lý phát triển xã hội

- Thiết lập và hoàn thiện các chính sách an sinh xã hội linh hoạt; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong thực hiện chính sách xã hội.

- Thiết lập các thể chế, chính sách nhằm bảo đảm công bằng trong tiếp cận cơ hội phát triển cho các nhóm yếu thế; tăng cường kết nối chặt chẽ, hiệu quả giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội.

đ) Thể chế quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu

- Xây dựng, hoàn thiện khung khổ pháp lý để phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế cacbon thấp, thiết lập và vận hành sàn giao dịch tín chỉ cacbon nội địa.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống giám sát môi trường thời gian thực; quy định bắt buộc báo cáo và kiểm soát chặt chẽ khí thải đối với các doanh nghiệp có quy mô lớn.

- Ban hành các cơ chế, chính sách đồng bộ nhằm cơ bản khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị lớn, đặc biệt là ô nhiễm ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

e) Thể chế quốc phòng, an ninh, đối ngoại

- Tiếp tục thể chế hoá đầy đủ, kịp thời các quan điểm, đường lối của Đảng về quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, đối ngoại độc lập, tự chủ, toàn diện và hiện đại.

- Hoàn thiện và ban hành các văn bản pháp lý điều chỉnh hoạt động của ba trụ cột đối ngoại: Đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân; đẩy mạnh phát triển các hình thức ngoại giao nhân dân, ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hoá, ngoại giao công nghệ, ngoại giao số.

- Rà soát, đôn đốc triển khai thực hiện có hiệu quả các cam kết, thỏa thuận quốc tế.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển cho các đặc khu, đảo như Phú Quốc, Côn Đảo, Vân Đồn, Côn Cỏ, Lý Sơn, Hòn Khoai và các đảo tiền tiêu khác...

2. Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính

a) Tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô và tăng cường huy động nguồn lực cho phát triển

- Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế điều hành chính sách tín dụng theo cơ chế thị trường.

- Hoàn thiện khung khổ pháp lý quản lý thị trường vàng; nghiên cứu, đề xuất thành lập Sở giao dịch vàng tại Việt Nam.

- Xây dựng Đề án tổng thể quản lý thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, minh bạch, bền vững, đáp ứng tốt hơn nhu cầu nhà ở của người dân.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực theo mô hình mới như "lãnh đạo công - quản trị tư", "đầu tư công - quản lý tư", "đầu tư tư - sử dụng công" và các hình thức hợp tác công - tư khác...

b) Xác lập mô hình tăng trưởng kinh tế mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá

- Xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2031 - 2040.
- Xây dựng Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng thời kỳ 2031 - 2040, tầm nhìn đến năm 2060.
- Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030.
- Xây dựng, triển khai Đề án về đổi mới mô hình phát triển đất nước dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính.
- Xây dựng, triển khai Đề án xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với chủ động hội nhập quốc tế; tập trung nâng cao năng lực sản xuất một số ngành công nghiệp chiến lược, tiến tới tự lực, tự chủ, tự cường về khoa học công nghệ.
- Xây dựng, triển khai Chương trình quốc gia Tăng năng suất lao động xã hội.
- Xây dựng, triển khai Chương trình phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp chiến lược, công nghiệp mới nổi.
- Xây dựng, triển khai Đề án phát triển kinh tế dữ liệu, công nghiệp dữ liệu.
- Xây dựng, triển khai Đề án phát triển công nghiệp năng lượng nguyên tử.
- Xây dựng, triển khai Đề án nâng cao năng lực khai thác, sử dụng không gian tâm thấp, không gian vũ trụ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh.
- Xây dựng, triển khai Chiến lược phát triển các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại hoá hệ sinh thái dịch vụ, phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh.
- Xây dựng, triển khai Đề án phát triển du lịch với các giải pháp chiến lược, đột phá để đạt mục tiêu thu hút 45 - 50 triệu lượt khách du lịch quốc tế vào năm 2030.

- Thành lập, phát triển các trung tâm tài chính quốc tế, khu thương mại tự do thế hệ mới có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế.

- Xây dựng, phát triển các trung tâm logistics lớn, đạt chuẩn quốc tế, gắn kết chặt chẽ với cảng biển, cảng hàng không trung chuyển quốc tế.

- Phát triển các cụm kinh tế biển đa ngành gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh. Phát triển đội tàu vận tải biển, đáp ứng nhu cầu thị trường vận tải nội địa, tham gia sâu vào các chuỗi cung ứng vận tải, từng bước gia tăng, chiếm lĩnh thị phần quốc tế.

- Triển khai Chiến lược phát triển ngành ngân hàng hướng tới hiện đại hoá Ngân hàng Nhà nước và phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng.

- Xây dựng, triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết về phát triển kinh tế nhà nước, khẳng định vai trò chủ đạo, dẫn dắt, định hướng; nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính công, tài sản công; đẩy mạnh cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

- Triển khai chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 68 về phát triển kinh tế tư nhân.

- Phấn đấu đến năm 2030 có khoảng 2 triệu doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh. Triển khai hiệu quả Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển các ngành công nghệ cao, công nghiệp mới nổi.

- Thực hiện mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng (TOD).

- Khai thác không gian ngầm, phát triển tàu điện ngầm tại các đô thị lớn.

3. Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hoá và con người Việt Nam

- Tổ chức thực hiện Hệ giá trị quốc gia, Hệ giá trị văn hoá, Hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá cho phát triển các loại hình văn hoá nghệ thuật dân tộc, gắn kết chặt chẽ với sự phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả của các ngành công nghiệp văn hoá, công nghiệp giải trí.

- Xây dựng, triển khai Đề án thúc đẩy các phong trào, hoạt động văn hoá cơ sở, lấy người dân làm chủ thể và trung tâm.

- Xây dựng các công trình văn hoá, thể thao ngang tầm khu vực và quốc tế, xứng đáng là biểu tượng của thời đại Hồ Chí Minh.

4. Xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới

- Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hoá, nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục, đào tạo.

- Triển khai lộ trình thực hiện phổ cập giáo dục mầm non; đến năm 2030, 100% tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

- Thực hiện dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông.

- Thực hiện Đề án tăng cường dạy và học ngoại ngữ, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

- Tăng cường đào tạo, trang bị kiến thức cơ bản về văn hoá, nghệ thuật và tăng cường hoạt động thể dục, thể thao, nâng cao thể chất cho học sinh.

- Xây dựng, triển khai Đề án đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Nghệ thuật, Toán học (STEAM) và nghiên cứu khoa học, phát triển năng lực số trong trường phổ thông.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá và tập trung đầu tư phát triển một số cơ sở giáo dục đại học trở thành các trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia ngang tầm các nước tiên tiến.

- Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục.

- Phát triển một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ngành, nghề đào tạo đạt trình độ tương đương với khu vực và thế giới.

- Xây dựng, triển khai Chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế, đặc biệt chú trọng đội ngũ cán bộ quản lý và nguồn nhân lực cho các ngành mũi nhọn về khoa học công nghệ, quản trị thông minh, khoa học cơ bản và các lĩnh vực ưu tiên, mới nổi¹.

1. Các ngành như trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, chuỗi khối, điện tử, chip bán dẫn, công nghệ số, công nghệ lượng tử, công nghệ sinh học, môi trường, năng lượng (bao gồm cả năng lượng nguyên tử), vật liệu tiên tiến, robot và tự động hóa, không gian vũ trụ, không gian biển, xây dựng công trình ngầm, vận hành đường sắt đô thị và đường sắt tốc độ cao.

- Xây dựng, triển khai Chương trình phát triển nguồn nhân lực số nhằm trang bị kỹ năng số toàn diện cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số và xã hội số.

5. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Thực hiện theo Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

6. Quản lý phát triển xã hội bền vững; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo đời sống nhân dân

- Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển.

- Tổ chức lại và nâng cao năng lực của hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng bảo đảm mọi người dân được tiếp cận thuận lợi và sử dụng hiệu quả các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu.

- Xây dựng, phát triển một số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngang tầm khu vực và quốc tế; hình thành, phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu hiện đại.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế, số sức khỏe điện tử của người dân.

- Hiện đại hoá và nâng cao chất lượng công tác dự báo cung - cầu, quản lý lao động, việc làm và giao dịch việc làm dựa trên nền tảng số.

- Hoàn thiện, phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội hiện đại, hội nhập quốc tế, hướng tới bao phủ toàn bộ lực lượng lao động.

- Hoàn thiện hệ thống trợ giúp xã hội, các chính sách an sinh đối với các đối tượng yếu thế; nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo hướng bảo đảm mức sống tối thiểu, sàn an sinh xã hội quốc gia.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Thành lập, sử dụng hiệu quả quỹ nhà ở quốc gia; đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội và nhà ở thương mại giá rẻ nhằm giải quyết cơ bản nhu cầu về nhà ở cho cư dân đô thị, người lao động tại các khu công nghiệp và cho các đối tượng yếu thế.

7. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu

- Sửa đổi, hoàn thiện các cơ chế về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, định giá đất, thu hồi đất và tháo gỡ cơ bản các điểm nghẽn về đất đai.

- Xây dựng, triển khai Đề án xử lý cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường không khí tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

- Xây dựng, triển khai Chương trình cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ số trong quản lý tài nguyên và môi trường.

- Xây dựng, triển khai Đề án bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống bản đồ rủi ro thiên tai, hệ thống cảnh báo sớm thiên tai.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, mô hình tái chế, tái sử dụng chất thải.

- Triển khai thực hiện Đề án thành lập và phát triển thị trường cacbon.

- Xây dựng các hồ chứa lớn tại miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ.

- Triển khai Chương trình phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long (hồ chứa nước, hệ thống giữ nước, công trình điều tiết nước, phòng, chống sạt lở, sụt lún, hạn hán, xâm nhập mặn...).

- Triển khai Đề án phòng, chống sạt lở, lũ ống, lũ quét tại miền Trung và trung du miền núi phía Bắc.

- Bố trí hợp lý khu dân cư và hỗ trợ phát triển nhà ở cho người dân tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, bão lũ, sạt lở đất.

8. Tăng cường quốc phòng, an ninh; xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

- Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; tiến tới xây dựng nền quốc phòng, an ninh vững mạnh, hiện đại gắn với phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh.

- Tăng cường xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, gắn với xây dựng thế trận lòng dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Xây dựng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở vững mạnh, rộng khắp, ngang tầm yêu cầu, nhiệm vụ.

- Tăng cường bảo vệ an ninh chế độ, an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hoá tư tưởng, an ninh thông tin truyền thông, an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, an ninh tại các địa bàn chiến lược, an ninh cơ sở.

- Chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo đúng tình hình, xử lý kịp thời các tình huống về quốc phòng, an ninh, các vấn đề trật tự, an toàn xã hội, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; ứng phó kịp thời, hiệu quả các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống.

- Tăng cường đầu tư, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh tự chủ, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại, gắn kết chặt chẽ và trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia, có sức cạnh tranh quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Bảo đảm an ninh số, an ninh mạng, an ninh, an toàn thông tin; bảo đảm an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Bảo đảm chủ quyền số quốc gia trên không gian mạng trong mọi tình huống và bảo đảm môi trường số an toàn, ổn định cho phát triển.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

- Tăng cường, mở rộng tiềm lực đối ngoại quốc phòng, an ninh.

9. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, sáng tạo hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả

- Cụ thể hoá các chủ trương, quan điểm mới của Đảng về đối ngoại; xây dựng và triển khai hiệu quả các kế hoạch, chương trình thực hiện các văn kiện của Đảng về đối ngoại, hội nhập quốc tế, trong đó có Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

- Đẩy mạnh khai thác các khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, đối tác chiến lược, đối tác toàn diện; tiếp tục xác lập, nâng cấp quan hệ với một số đối tác quan trọng, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế, thu hút nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam.

- Nâng cao vị thế, vai trò của Việt Nam tại các cơ chế đa phương; chủ động, tích cực tham gia định hình các thể chế đa phương.

- Nâng tầm đối ngoại đa phương và song phương.

- Đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đi vào chiều sâu - thực chất.

- Đẩy mạnh các hình thức ngoại giao mới (ngoại giao khoa học - công nghệ, ngoại giao số, ngoại giao văn hoá, ngoại giao công thương...).

- Phát triển đội ngũ cán bộ đối ngoại chuyên nghiệp, hiện đại.

10. Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của Nhân dân, dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

- Xây dựng cơ chế, chính sách để thực hiện hiệu quả phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".

- Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách để bảo đảm quyền Nhân dân được tham gia góp ý vào quá trình xây dựng đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm trách nhiệm giải trình của cơ quan đảng, nhà nước trước Nhân dân.

- Cụ thể hoá các giải pháp, điều kiện để thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách cụ thể nhằm thực hiện các mục tiêu xây dựng đối với các giai cấp, tầng lớp nhân dân; các chính sách về dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng và người Việt Nam ở nước ngoài.

- Tổ chức các đề án, đề tài nghiên cứu thực tiễn về thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

11. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- Thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

- Thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 27 về tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

- Phát triển và vận hành hiệu quả Công Pháp luật quốc gia phục vụ người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận pháp luật, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật trên môi trường số.

- Hoàn thiện các đề án vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Hoàn thiện cơ chế thu hút, tuyển dụng, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài vào làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Hoàn thiện pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản công, tài sản quốc gia.

- Xây dựng hệ thống đo lường chất lượng thực thi pháp luật ở các bộ, ngành, địa phương dựa trên mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

12. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng

a) Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị

- Xây dựng, thực hiện Đề án Tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1930 - 2030), định hướng lãnh đạo phát triển đất nước trong 100 năm

tiếp theo (2030 - 2130), và Tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, làm rõ những vấn đề mới phát sinh; xây dựng cơ sở khoa học phục vụ cho việc lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và bổ sung, phát triển Cương lĩnh chính trị của Đảng, sửa đổi Điều lệ Đảng, sửa đổi Hiến pháp phù hợp với yêu cầu, điều kiện, bối cảnh mới.

- Xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng ở Trung ương và địa phương. Thực hiện các chương trình nghiên cứu chuyên sâu cập nhật xu thế phát triển của thời đại, phân tích thực tiễn Việt Nam phục vụ hoạch định chủ trương của Đảng.

- Xây dựng và thực hiện các quy định về kiểm tra, đánh giá năng lực lãnh đạo của cấp uỷ các cấp, khắc phục tình trạng chùng chေo trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

b) Đẩy mạnh xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận

- Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về mô hình chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình nghiên cứu lý luận trọng điểm cấp quốc gia.

- Đổi mới nội dung, phương thức công tác tư tưởng theo hướng ứng dụng công nghệ số và truyền thông đa phương tiện.

- Đổi mới nội dung, phương pháp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức lý luận chính trị, quản lý nhà nước cho cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cấp chiến lược và cấp xã.

- Củng cố, phát triển đội ngũ cán bộ lý luận, tập trung quy hoạch, đào tạo, tuyển chọn, trọng dụng chuyên gia đầu ngành.

- Nâng cao chất lượng báo chí, xuất bản, truyền thông về xây dựng Đảng, tăng cường kiểm soát thông tin trên không gian mạng, gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

c) Tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức

- Nghiên cứu, hoàn thiện lý luận xây dựng Đảng về đạo đức, xây dựng Đảng thật sự "là đạo đức, là văn minh" trong tình hình mới.

- Ban hành quy định về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên theo chức vụ và phát động, tổ chức thực hiện phong trào nêu gương trong toàn hệ thống chính trị với cam kết chính trị - đạo đức cá nhân hằng năm.

- Xây dựng cơ chế thực hiện việc lấy ý kiến Nhân dân đánh giá về mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác của cán bộ và các tổ chức đảng, nhà nước.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát về đạo đức công vụ, công khai kết quả xử lý các sai phạm đạo đức.

- Định hướng chính trị, không ngừng nâng cao trình độ, bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm cách mạng, hình thành niềm tin khoa học và thực hành đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

- Giáo dục, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và các quy định của Đảng đối với tổ chức đảng, đảng viên.

- Quy chế hoá, chế độ hoá nhằm giữ vững và bảo đảm thực hiện nghiêm các nguyên tắc xây dựng Đảng trong thực tiễn.

d) Đổi mới công tác dân vận, thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

- Xây dựng và thực hiện các cơ chế để bảo đảm phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" và tổ chức lấy ý kiến Nhân dân trong xây dựng luật pháp, chính sách phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường tiếp xúc, đối thoại giữa người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền với Nhân dân và kịp thời giải quyết kiến nghị chính đáng, hợp pháp của Nhân dân; thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và Nhân dân nơi cư trú.

- Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo mô hình tổ chức mới, ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp xã, hướng mạnh về cơ sở.

- Kiện toàn tổ chức dân vận các cấp; xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận nắm chắc địa bàn, am hiểu văn hoá, tổ chức thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo.

đ) Bảo đảm hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân

- Tiếp tục hoàn thiện và vận hành mô hình tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị thông suốt, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả gắn với cải cách hành chính.

- Ban hành quy chế phối hợp liên thông giữa các cơ quan Đảng - Nhà nước - Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện việc phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp địa phương theo phương châm "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm"; tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai các quy định mới về phân cấp, phân quyền.

- Hoàn thiện chức năng tham mưu, tổ chức thực hiện công tác dân vận, tập hợp vận động quần chúng. Đổi mới, hoàn thiện mô hình quản lý các cơ quan truyền thông, báo chí quốc gia, 2 viện hàn lâm khoa học xã hội và khoa học công nghệ, hệ thống các trường đại học.

e) Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên

- Hoàn thiện và thực hiện tốt các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác, quy chế làm việc của các loại hình tổ chức cơ sở đảng phù hợp với thực tiễn, yêu cầu, nhiệm vụ mới.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ định kỳ; chấn chỉnh, khắc phục tình trạng sinh hoạt mang hình thức đối phó.

- Đổi mới hình thức sinh hoạt Đảng phù hợp, tạo điều kiện cho đảng viên ở đảng bộ cơ sở, chi bộ có tính đặc thù hoặc trong hoàn cảnh đặc biệt, chi bộ đông đảng viên thực hiện việc sinh hoạt Đảng theo Điều lệ.

- Xây dựng, thực hiện các chương trình tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác đảng cho cán bộ cấp ủy cơ sở.

- Xây dựng và phát triển tổ chức đảng, các tổ chức chính trị - xã hội và phát triển đảng viên trong khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước, nhất là doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng viên, đặc biệt trong đội ngũ trí thức, lực lượng vũ trang, học sinh, sinh viên, công nhân, người lao động, cán bộ quản lý trong doanh nghiệp; vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo, vùng sâu, vùng xa, khu dân cư.

g) Chú trọng xây dựng Đảng về cán bộ, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, trọng tâm là cấp chiến lược và cấp cơ sở, nhất là người đứng đầu

- Tiếp tục thực hiện nghiêm quy định về công tác cán bộ: đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm, đánh giá, miễn nhiệm, từ chức, thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ phù hợp với yêu cầu mới; chú trọng việc đánh giá cán bộ bảo đảm dân chủ, công khai, công tâm, khách quan, theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, có tiêu chí và thông qua sản phẩm cụ thể.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu cán bộ toàn quốc đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Triển khai Chiến lược quốc gia về thu hút và trọng dụng nhân tài, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững; nghiên cứu cơ chế tạo sự liên thông giữa khu vực công và khu vực tư; phát hiện, tuyển chọn, đào tạo cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc, cán bộ khoa học kỹ thuật; triển khai cơ chế khuyến khích và bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung.

- Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ; nắm chắc lịch sử chính trị, chú trọng vấn đề chính trị hiện nay; gắn công tác bảo vệ chính trị nội bộ với công tác quản lý cán bộ, đảng viên.

- Nghiên cứu cơ chế tạo sự liên thông về nhân lực giữa khu vực công và khu vực tư.

h) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

- Tăng cường kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên về chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ và Nghị quyết của Đảng.

- Đổi mới phương thức kiểm tra, giám sát chuyển từ "bị động" sang "chủ động".

- Đổi mới, nâng tầm cơ chế giám sát trong Đảng; tăng cường tự kiểm tra, giám sát trong nội bộ ngay từ chi bộ để phòng ngừa, phát hiện vi phạm từ sớm, từ xa.

- Xây dựng và thực hiện quy định kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kết luận sau kiểm tra, giám sát.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm gắn với nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, đơn vị; tổ chức các đoàn kiểm tra kịp thời đối với tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm.

- Thực hiện kịp thời, hiệu quả, đúng quy định việc giải quyết tố cáo, khiếu nại. Phối hợp chặt chẽ giữa uỷ ban kiểm tra đảng với cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử và giám sát xã hội.

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp thông qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu.

i) Kiên quyết, kiên trì đẩy mạnh đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực

- Hoàn thiện hệ thống thể chế về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực: Luật pháp, quy trình, chế tài.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập của cán bộ.

- Thực hiện nghiêm túc các quy trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng nghiêm trọng, công khai kết quả xử lý; thành lập các tổ công tác kiểm tra liên ngành tại những lĩnh vực nhạy cảm.

- Đẩy mạnh tuyên truyền về văn hoá liêm chính; ban hành cơ chế lương, thưởng phù hợp để giảm động cơ tham nhũng.

- Xây dựng và thực hiện quy chế về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

k) Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong điều kiện mới

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc của cấp uỷ các cấp theo hướng phân cấp, phân quyền rõ ràng.

- Đổi mới phong cách lãnh đạo của các cấp uỷ theo hướng linh hoạt, lãnh đạo, điều hành hiệu quả thông qua công nghệ, dữ liệu số.

- Phát triển hệ thống quản lý công việc nội bộ của Đảng trên nền tảng số, có chức năng giám sát kết quả thực hiện nghị quyết; định kỳ tổ chức sơ kết mô hình chuyển đổi số trong công tác lãnh đạo của các cơ quan Đảng từ Trung ương đến địa phương.

(Có Danh mục các đề án, nhiệm vụ kèm theo).

13. Các nhiệm vụ trọng tâm

a) Về xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách

- Xây dựng và triển khai Chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

- Xác định rõ và thực hiện lộ trình sửa đổi, bổ sung các luật quan trọng để hoàn thiện thể chế phát triển.

- Đẩy mạnh triển khai số hoá và tích hợp hệ tri thức pháp lý quốc gia, tạo nền tảng pháp lý mở, công khai, minh bạch phục vụ người dân, doanh nghiệp và bộ máy quản lý.

- Thí điểm cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong các lĩnh vực mới như công nghệ tài chính (FinTech), trí tuệ nhân tạo (AI), chuyển đổi năng lượng, công nghệ số...

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, cắt giảm các thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp.

b) Về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình chính quyền 3 cấp.

- Phát triển đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, trong đó đặc biệt chú trọng tiêu chuẩn hoá, trẻ hoá, chuyên môn hoá và gắn với quy hoạch, đào tạo liên thông.

- Đẩy mạnh triển khai cơ chế phối hợp liên thông giữa Đảng - chính quyền - Mặt trận và đoàn thể ở địa phương.

- Tổ chức hiệu quả các chương trình kiểm tra, giám sát việc thực thi nghị quyết và chính sách, gắn với xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và hệ thống chính trị.

- Tăng cường triển khai các hoạt động phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực, đi đôi với nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực từ bên trong và bên ngoài hệ thống chính trị.

c) Về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam đầy đủ, hiện đại, hội nhập quốc tế.

- Nâng cao hiệu quả khu vực kinh tế nhà nước, phát triển khu vực kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia. Tăng

cường kết nối khu vực kinh tế có vốn nước ngoài với các khu vực kinh tế của Việt Nam.

- Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của một số ngành công nghiệp quan trọng. Phát triển mạnh kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, thúc đẩy quá trình chuyển đổi năng lượng.

- Xây dựng các đặc khu kinh tế, khu thương mại tự do thế hệ mới, trung tâm tài chính quốc tế.

d) Về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

đ) Về phát triển nguồn lực con người, văn hoá, xã hội bền vững

- Ban hành hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam, tích hợp vào chương trình giáo dục, truyền thông đại chúng và hoạt động văn hoá cơ sở.

- Đầu tư phát triển con người Việt Nam thời đại số, với các chỉ tiêu về sức khoẻ, giáo dục, kỹ năng số, kỹ năng toàn cầu, khả năng học tập suốt đời.

- Xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại ngang tầm khu vực và thế giới.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá.

- Phát triển mạnh các ngành công nghiệp văn hoá, công nghiệp giải trí, dịch vụ văn hoá.

- Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, bao phủ toàn dân; có khả năng hỗ trợ kịp thời đối với nhóm yếu thế, người lao động phi chính thức.

- Đẩy mạnh cải cách mô hình quản lý xã hội, phát triển đô thị an toàn, đáng sống, thông minh và bền vững.

e) Về tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại

- Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

- Phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh tự chủ, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại.

- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận lòng dân vững chắc trong thời kỳ mới. Phát huy vai trò đối ngoại Công an tham gia giải quyết những khác biệt và những vấn đề còn tồn tại trong quan hệ giữa Việt Nam với các đối tác.

- Đẩy mạnh triển khai chiến lược đối ngoại toàn diện gắn với nâng tầm ngoại giao Việt Nam, kết hợp hài hoà đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân. Phát triển ngoại giao kinh tế, ngoại giao công nghệ.

- Mở rộng và thực hiện có hiệu quả các hiệp định hợp tác chiến lược về công nghệ, thương mại, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo với các quốc gia phát triển.

14. Về các đột phá chiến lược

a) Đột phá về thể chế

- Xây dựng khung khổ pháp lý đáp ứng yêu cầu thúc đẩy phát triển nền kinh tế số, nhất là công nghệ tài chính, tài sản mã hoá, trí tuệ nhân tạo, thương mại điện tử, các ngành công nghệ mới.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội để huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực phát triển các mô hình kinh tế mới, các công trình trọng điểm quốc gia.

- Áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt, có khả năng cạnh tranh quốc tế cho các vùng động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế, đặc khu kinh tế, đặc khu công nghệ, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế.

b) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và đổi mới công tác cán bộ

- Xây dựng cơ chế đặc thù để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển đột phá các ngành khoa học, công nghệ chiến lược, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mới nổi.

- Từng bước xây dựng "Hệ thống chấm điểm năng lực cán bộ" trên nền tảng số, tích hợp dữ liệu về kết quả công tác, sản phẩm đầu ra, chỉ số tín nhiệm và ý kiến phản hồi đa chiều.

- Xây dựng cơ chế đặc thù về thu nhập, môi trường làm việc, đề bạt, bổ nhiệm để thu hút, sử dụng các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, doanh nhân công nghệ, nhân tài là người Việt Nam ở nước ngoài.

c) Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại

- Tập trung đầu tư, xây dựng các trục giao thông đường bộ cao tốc quan trọng; các cảng biển cửa ngõ kết hợp trung chuyển quốc tế; các cảng hàng không lớn; tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, hệ thống đường sắt đô thị ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, các tuyến đường sắt kết nối quốc tế và các cảng biển trung chuyển quốc tế; phân đấu hoàn thành tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trước năm 2030.

- Đầu tư, xây dựng hạ tầng năng lượng đáp ứng yêu cầu phát triển đột phá kinh tế - xã hội, trong đó, xây dựng một số nhà máy điện hạt nhân với quy mô phù hợp, công nghệ tiên tiến, an toàn, nhất là nhà máy điện hạt nhân mô-đun nhỏ; phát triển các dự án năng lượng tái tạo.

- Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng số bảo đảm đồng bộ, hiện đại cho chuyên đổi số quốc gia; phát triển các nền tảng số quốc gia, tiện ích kỹ thuật số thiết yếu đáp ứng được yêu cầu Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số. Phát triển đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, trung tâm dữ liệu lớn bảo đảm kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ và khai thác phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.

Các nội dung về nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá được cụ thể hoá bằng các đề án cụ thể trong Phụ lục 3 của Chương trình hành động.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp uỷ đảng chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình hành động, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.

2. Đảng uỷ các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, các tỉnh uỷ, thành uỷ chỉ đạo nghiên cứu, rà soát các giải pháp huy động các nguồn lực, động lực mới cho tăng trưởng; tổ chức thực hiện kịp thời, linh hoạt, hiệu quả,

hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu ngành, lĩnh vực, chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế của địa phương tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 và Phụ lục 3.

3. Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hướng dẫn, vận động Nhân dân thực hiện các nhiệm vụ trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách.

4. Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với Đảng uỷ Chính phủ, Đảng uỷ Quốc hội, các ban đảng theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng theo định kỳ hằng năm. Xây dựng nền tảng số tổng hợp để theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện Chương trình hành động theo thời gian thực; tích hợp dữ liệu liên ngành, cơ chế cảnh báo sớm các nhiệm vụ chậm tiến độ hoặc thiếu nguồn lực.

5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị quyết định việc điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ cụ thể trong Chương trình hành động để phù hợp với tình hình thực tiễn, đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

PHỤ LỤC 1
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2026 - 2030	Cấp uỷ chủ trì
1	Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân/năm (%)	≥ 10,0	Bộ Tài chính
2	GDP bình quân đầu người (USD)	8.500	Bộ Tài chính
3	Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP (%)	28	Bộ Công Thương
4	Giá trị tăng thêm của ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người (USD)	2.400	Bộ Công Thương
5	Tỉ trọng kinh tế số trong GDP (%)	30	Bộ Khoa học và Công nghệ
6	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng (%)	> 55	Bộ Khoa học và Công nghệ
7	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	8,5	Bộ Tài chính
8	Tổng tích lũy tài sản so với GDP (%)	35 - 36	Bộ Tài chính
9	Tiêu dùng cuối cùng so với GDP (%)	61 - 62	Bộ Tài chính
10	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân/GDP (%)	40	Bộ Tài chính
11	Vốn đầu tư công so với tổng vốn đầu tư toàn xã hội (%)	20 - 22	Bộ Tài chính
12	Tỉ lệ huy động vào ngân sách nhà nước so với GDP (%)	18	Bộ Tài chính
13	Tỉ lệ bội chi ngân sách nhà nước so với GDP (%)	5	Bộ Tài chính
14	Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP/năm (%)	1 - 1,5	Bộ Công Thương
15	Tỉ lệ đô thị hoá (%)	> 50	Bộ Xây dựng
16	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (tuổi)	75,5	Bộ Y tế
17	Thời gian sống khoẻ (năm)	68	Bộ Y tế
18	Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội (%)	< 20	Bộ Tài chính
19	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (%)	35 - 40	Bộ Giáo dục và Đào tạo
20	Giảm tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) (%)	Giảm 1 - 1,5 điểm%/năm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2026 - 2030	Cấp uỷ chủ trì
21	Số bác sĩ/vận dân (người)	19	Bộ Y tế
22	Tỉ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khoẻ hằng năm	100%	Bộ Y tế
23	Tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	Đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân	Bộ Y tế
24	Chỉ số phát triển con người (HDI)	0,8	Bộ Tài chính
25	Tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (%)	100	Bộ Tài chính
26	Tỉ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông (%)	65 - 70	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
27	Tỉ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường (%)	98 - 100	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
28	Tỉ lệ giảm lượng phát thải khí nhà kính (%)	8 - 9	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
29	Tỉ lệ diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển trong diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia (%)	6	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
30	Tỉ lệ che phủ rừng (%)	42	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

PHỤ LỤC 2
MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG GDP, GRDP GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

TT	Ngành, lĩnh vực/Địa phương	Tốc độ bình quân 2026 - 2030 (%/năm)	Cấp uỷ chủ trì
	Cả nước	≥ 10,0	Bộ Tài chính
I	Theo ngành, lĩnh vực		
1	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	3,6	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	Khu vực công nghiệp và xây dựng	12,3	
	- Công nghiệp	11,8	Bộ Công Thương
	<i>Trong đó:</i> Công nghiệp chế biến chế tạo	12,4	Bộ Công Thương
	- Xây dựng	14,5	Bộ Xây dựng
3	Khu vực dịch vụ	9,5	
	<i>Trong đó:</i>		
	- Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô...	11,0	Bộ Công Thương
	- Vận tải, kho bãi	11,2	Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng
	- Dịch vụ lưu trú và ăn uống	12,4	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Công Thương
	- Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	11,5	Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước
	- Khoa học và công nghệ	12,0	Bộ Khoa học và Công nghệ
4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	9,0	Bộ Tài chính
II	Theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		Các tỉnh uỷ, thành uỷ
1	Thành phố Hà Nội	10,5 - 11,0	
2	Thành phố Hồ Chí Minh ^(*)	10,0	
3	Thành phố Hải Phòng	13,0 - 14,0	
4	Thành phố Huế	10,0	
5	Thành phố Đà Nẵng	11,0 - 11,5	
6	Thành phố Cần Thơ	10,0 - 10,5	

TT	Ngành, lĩnh vực/Địa phương	Tốc độ bình quân 2026 - 2030 (%/năm)	Cấp uỷ chủ trì
7	Lai Châu	10,0	
8	Điện Biên	10,0 - 11,0	
9	Sơn La	8,0 - 8,5	
10	Lào Cai	10,0	
11	Phú Thọ	10,5	
12	Tuyên Quang	10,5	
13	Cao Bằng	8,0 - 9,0	
14	Thái Nguyên	10,5	
15	Lạng Sơn	10,0 - 11,0	
16	Quảng Ninh	11,0 - 12,0	
17	Bắc Ninh	10,5	
18	Hưng Yên	10,0 - 11,0	
19	Ninh Bình	10,5 - 11,0	
20	Thanh Hoá	11,0	
21	Nghệ An	11,0 - 12,0	
22	Hà Tĩnh	10,0	
23	Quảng Trị	9,0 - 10,0	
24	Quảng Ngãi	9,0 - 9,5	
25	Gia Lai	10,0 - 10,5	
26	Đắk Lắk	11,0 - 11,5	
27	Khánh Hoà	11,0 - 12,0	
28	Lâm Đồng	10,0 - 10,5	
29	Đồng Nai	10,0	
30	Tây Ninh	10,0 - 10,5	
31	Đồng Tháp	8,5 - 9,0	
32	Vĩnh Long	10,0 - 10,5	
33	An Giang	9,5 - 10,0	
34	Cà Mau	10,0 - 10,5	

Ghi chú:

() Tốc độ tăng trưởng GRDP Thành phố Hồ Chí Minh không kể dầu khí khoảng 10,5 - 11,0%/năm.*

PHỤ LỤC 3
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG
GIẢI ĐOẠN 2026 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
I-	TIẾP TỤC XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN ĐỒNG BỘ THỂ CHẾ PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC				
1.	Sửa đổi Hiến pháp Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013	Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uỷ Chính phủ	Các cơ quan trong hệ thống chính trị	2028 - 2030	Ngân sách
2.	Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khoá XVI	Đảng uỷ Quốc hội	Các cơ quan trong hệ thống chính trị	Tháng 4/2026	Ngân sách
3.	Xây dựng và thực hiện các quy định về cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương; Các cơ quan trong hệ thống chính trị	2026 - 2030	Ngân sách
4.	Ban hành các nghị quyết, kết luận, quy định để triển khai kịp thời các quyết sách chiến lược của Đảng	Các ban đảng Trung ương	Các cơ quan trong hệ thống chính trị	2026 - 2030	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
5.	Thiết lập và vận hành hiệu quả hệ thống thông tin hai chiều giữa Nhà nước và người dân, thông qua các nền tảng số, các công cụ lấy ý kiến Nhân dân	Đảng uỷ Chính phủ	Các cơ quan trong hệ thống chính trị	2026 - 2030	Ngân sách
6.	Rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong hệ thống chính trị	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan trong hệ thống chính trị	2026 - 2030	Ngân sách
7.	Vận hành thông suốt tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; tiếp tục phân định rõ thẩm quyền giữa cấp tỉnh và cấp xã; xây dựng cơ chế phối hợp linh hoạt, hiệu quả giữa chính quyền, Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân	Đảng uỷ Chính phủ	Các cơ quan trong hệ thống chính trị	2026 - 2030	Ngân sách
8.	Hoàn thiện đồng bộ cơ chế hoạt động để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức, đoàn thể được tham gia sâu rộng trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước	Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương	Các cơ quan trong hệ thống chính trị	2026 - 2030	Ngân sách
9.	Hình thành các mô hình "tự quản - tự chủ - tự giám sát" ở cộng đồng dân cư, gắn kết chặt chẽ giữa chính quyền và Nhân dân, thực hành phát huy dân chủ tại cơ sở	Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương	Các cơ quan trong hệ thống chính trị	2026 - 2030	Ngân sách
10.	Xây dựng các giải pháp cụ thể để nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, kiến tạo phát triển của Nhà nước	Đảng uỷ Chính phủ	Các cơ quan trong hệ thống chính trị	2026 - 2030	Ngân sách
11.	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong sinh hoạt đảng, giám sát nội bộ, đánh giá cán bộ	Văn phòng Trung ương Đảng	Các cơ quan trong hệ thống chính trị	2026 - 2030	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực thương mại	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách
13.	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách
14.	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực văn hoá, thể thao và du lịch	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
15.	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, lao động...	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
16.	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, nhà ở, kiến trúc, hàng hải...	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
17.	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường...	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 -2030	Ngân sách
18.	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực tư pháp, đấu giá tài sản	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
19.	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực dầu khí	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành	2026	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
20.	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực quản lý nợ công, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa...	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
21.	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo		2026 - 2030	Ngân sách
22.	Hoàn thiện pháp luật về an ninh, trật tự	Bộ Công an	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách
23.	Hoàn thiện pháp luật tạo nền tảng phát triển kinh tế không gian tầm thấp	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Xây dựng, các bộ, ngành	2026 - 2030	Ngân sách
24.	Hoàn thiện khung pháp lý về mô hình đô thị trong hệ thống chính quyền địa phương hai cấp	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách
25.	Thành lập Cổng đầu tư một cửa quốc gia	Bộ Tài chính	Các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
26.	Xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý quản lý, thúc đẩy phát triển tài sản mã hoá, tiền kỹ thuật số	Bộ Tài chính	Ngân hàng Nhà nước	2026 - 2030	Ngân sách
27.	Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực phát triển đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị	Bộ Tài chính	Bộ Xây dựng, thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh	2026 - 2027	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
28.	Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực phát triển điện hạt nhân, điện gió ngoài khơi	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính	2026 - 2027	Ngân sách
29.	Xây dựng cơ chế, chính sách và tiêu chí thành lập các đặc khu kinh tế, đặc khu công nghệ, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế	Bộ Tài chính	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Ngân sách
II-	XÁC LẬP MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG MỚI, CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ, LẤY KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ LÀM ĐỘNG LỰC CHÍNH				Ngân sách
1.	Xây dựng Đề án về đổi mới mô hình phát triển đất nước dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Ban Chính sách, chiến lược Trung ương	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
2.	Xây dựng Đề án xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với chủ động hội nhập quốc tế; tập trung nâng cao năng lực sản xuất một số ngành công nghiệp chiến lược, tiến tới tự lực, tự chủ, tự cường về khoa học công nghệ	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
3.	Xây dựng, triển khai Chương trình quốc gia Tăng năng suất lao động xã hội.	Ban Chính sách, chiến lược Trung ương	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2031	Ngân sách
4.	Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế điều hành chính sách tín dụng theo cơ chế thị trường	Ngân hàng Nhà nước		2026 - 2030	Ngân sách
5.	Nghiên cứu, đề xuất thành lập Sở giao dịch vàng tại Việt Nam	Ngân hàng Nhà nước		2026 - 2027	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
6.	Xây dựng Đề án quản lý thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, đáp ứng nhu cầu nhà ở của người dân	Bộ Xây dựng	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Ngân sách
7.	Xây dựng cơ chế, chính sách để huy động và sử dụng nguồn lực theo mô hình "lãnh đạo công - quản trị tư", "đầu tư công - quản lý tư", "đầu tư tư - sử dụng công"	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành	2026 - 2030	Ngân sách
8.	Phát triển Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng	Bộ Tài chính, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng	Ngân hàng Nhà nước, các bộ, ngành	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
9.	Thành lập, phát triển các khu thương mại tự do tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Quảng Ninh, Khánh Hoà, Đồng Nai và các địa phương có điều kiện thuận lợi	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố		2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
10.	Xây dựng Chương trình phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp mới nổi	Bộ Công Thương	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	Ngân sách
11.	Xây dựng Đề án phát triển một số cụm liên kết ngành công nghiệp chuyên môn hoá và các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn	Bộ Công Thương	Các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
12.	Xây dựng Đề án phát triển công nghiệp đường sắt	Bộ Công Thương	Bộ Xây dựng	2026	Ngân sách
13.	Xây dựng Đề án phát triển công nghiệp ứng dụng năng lượng nguyên tử	Bộ Công Thương		2026	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
14.	Xây dựng Đề án phát triển công nghiệp năng lượng xanh, năng lượng sạch	Bộ Công Thương	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	Ngân sách
15.	Xây dựng Đề án tổng thể về khai thác, sử dụng có hiệu quả không gian vũ trụ quốc gia	Bộ Khoa học và Công nghệ		2026 - 2027	Ngân sách
16.	Xây dựng Chiến lược phát triển các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại hoá hệ sinh thái dịch vụ, phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh	Bộ Tài chính	Bộ Công Thương, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành	2026	Ngân sách
17.	Xây dựng Đề án phát triển du lịch với các giải pháp đột phá để đạt mục tiêu thu hút 45-50 triệu lượt khách du lịch quốc tế vào năm 2030	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
18.	Xây dựng chính sách hỗ trợ, kích cầu tiêu dùng, phát triển thị trường tiêu dùng nội địa	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính	2026	Ngân sách
19.	Xây dựng, phát triển các trung tâm logistics lớn gắn với cảng biển, cảng hàng không trung chuyển quốc tế	Bộ Công Thương	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác
20.	Triển khai Chiến lược phát triển ngành ngân hàng hướng tới hiện đại hoá Ngân hàng Nhà nước và phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng	Ngân hàng Nhà nước		2026 - 2030	Ngân sách
21.	Hoàn thiện cơ chế, chính sách về đất đai, đầu tư, bảo	Bộ Nông nghiệp		2026 - 2027	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
	hiêm, hợp tác công tư... cho phát triển kinh tế nông nghiệp nhanh, hiệu quả, bền vững	và Môi trường và các bộ, ngành			
22.	Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp gắn với hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm	Bộ Tài chính	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026	Ngân sách
23.	Xây dựng Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển các ngành công nghệ cao, công nghiệp mới nổi	Bộ Tài chính	Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	Ngân sách
24.	Rà soát, điều chỉnh các cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi và bình đẳng cho doanh nghiệp tư nhân trong nước trong tiếp cận vốn, đất đai, các chính sách ưu đãi và nguồn lực khác	Bộ Tài chính và các bộ, ngành		2026 - 2027	Ngân sách
25.	Xây dựng các chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực tài chính, công nghệ, quản trị cho doanh nghiệp trong nước, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị toàn cầu	Bộ Tài chính	Bộ Công Thương	2026 - 2027	Ngân sách
26.	Ban hành cơ chế, chính sách giao, đặt hàng khu vực tư nhân tham gia vào các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, dự án, công trình, nhiệm vụ quan trọng quốc gia, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh	Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an	Các bộ, ngành	2026 - 2027	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
27.	Xây dựng chính sách hỗ trợ để hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, quy mô lớn, đầu đàn để dẫn dắt chuỗi giá trị trong nước và mở rộng, tham gia thị trường toàn cầu	Bộ Tài chính		2026 - 2027	Ngân sách
28.	Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, mở rộng thị trường cho kinh tế tập thể, hợp tác xã	Bộ Tài chính	Các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
29.	Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo...	Bộ Tài chính	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	Ngân sách
30.	Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút hiệu quả các quỹ đầu tư quốc tế	Bộ Tài chính	Ngân hàng Nhà nước	2026	Ngân sách
31.	Xây dựng Đề án phát triển kinh tế bạc tại Việt Nam nhằm nâng cao phúc lợi, chất lượng cuộc sống người cao tuổi và phát huy nguồn lực từ người cao tuổi đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội	Ban Chính sách, chiến lược Trung ương	Các bộ, ngành	2026 - 2027	Ngân sách
32.	Xây dựng Đề án huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển, trong đó có nguồn lực trong Nhân dân	Bộ Tài chính	Ngân hàng Nhà nước	2026 - 2027	Ngân sách
33.	Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, lấy đô thị làm động lực phát triển vùng và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới				
33.1.	Đường bộ cao tốc, đường ven biển				

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
33.1.1.	Hà Nội - Hoà Bình - Sơn La - Điện Biên	Bộ Xây dựng/ Các tỉnh	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đoạn Hoà Bình - Mộc Châu: 2022 - 2028; Mộc Châu - Sơn La - Điện Biên: 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.1.2.	Bắc Kạn - Cao Bằng	Bộ Xây dựng/ Các tỉnh	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2028	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.1.3.	Bào Hà - Lai Châu	Bộ Xây dựng/Các tỉnh	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.1.4.	Quy Nhơn - Pleiku	Bộ Xây dựng/ Các tỉnh	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2025 - 2029	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
33.1.5.	Quảng Ngãi - Kon Tum	Bộ Xây dựng/ Các tỉnh	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.1.6.	Cà Mau - Đất Mũi	Bộ Quốc phòng	Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.1.7.	Cao tốc Bắc - Nam phía Tây qua Tây Nguyên	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố	Đoạn Gia Nghĩa - Chơn Thành: 2025 - 2027	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.1.8.	Một số tuyến cao tốc quan trọng kết nối vùng đồng bằng sông Cửu Long	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.1.9.	Vành đai 5 vùng Thủ đô Hà Nội	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
33.1.10.	Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố	2026 - 2028	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.1.11.	Hoàn thành đường ven biển theo quy hoạch	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố	Đến năm 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.1.12.	Xây dựng đoạn Vinh - Thanh Thủy thuộc tuyến cao tốc Viêng Chăn - Hà Nội	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.2.	Đường sắt				
33.2.1.	Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2025 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
33.2.2.	Đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.2.3.	Đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	Triển khai giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.2.4.	Đường sắt Móng Cái - Hạ Long - Hải Phòng	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	Triển khai giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.2.5.	Đường sắt Biên Hoà - Vũng Tàu	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	Triển khai giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.2.6.	Đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	Triển khai giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
33.2.7.	Đường sắt đô thị Hà Nội	Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội	Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính	Đến năm 2030, hoàn thành khoảng 100 km; đến năm 2035, hoàn thành khoảng 300 km	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.2.8.	Đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính	Đến năm 2030, hoàn thành khoảng 100 km; đến năm 2035, hoàn thành khoảng 300 km	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.2.9.	Đường sắt Thủ Thiêm - Long Thành	Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.2.10.	Nghiên cứu, xây dựng đường sắt Viêng Chăn - Vũng Áng	Bộ Xây dựng	Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao	2026 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
33.3.	Cảng biển				
33.3.1.	Đầu tư hoàn chỉnh cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện và Cái Mép - Thị Vải	Bộ Xây dựng	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.3.2.	Xây dựng cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ (Thành phố Hồ Chí Minh), cảng Liên Chiểu (Đà Nẵng), cảng Hòn Khoai (Cà Mau), cảng Nam Đồ Sơn (Hải Phòng), cảng Vân Phong (Khánh Hoà), cảng Trần Đề (Cần Thơ)	Bộ Xây dựng	Các tỉnh, thành phố	Nghiên cứu/triển khai giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.4.	Cảng hàng không quốc tế				
33.4.1.	Cảng hàng không quốc tế Long Thành (giai đoạn 2)	Bộ Xây dựng	Tỉnh Đồng Nai	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.4.2.	Nâng cấp, mở rộng cảng hàng không quốc tế Nội Bài	Bộ Xây dựng	Thành phố Hà Nội	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
33.4.3.	Cảng hàng không quốc tế Gia Bình	Bộ Công an	Bộ Xây dựng, tỉnh Bắc Ninh	2025 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
33.4.4.	Nâng cấp cảng hàng không quốc tế Phú Quốc	Tỉnh An Giang	Bộ Xây dựng	2025 - 2027	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.5.	Năng lượng				
33.5.1.	Nhà máy điện hạt nhân (xây dựng một số nhà máy điện hạt nhân với quy mô phù hợp, công nghệ tiên tiến, an toàn nhất là nhà máy điện hạt nhân mô-đun nhỏ)	Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ	Các tỉnh, thành phố	Khởi công giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.5.2.	Các dự án năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió trên đất liền và ngoài khơi...)	Bộ Công Thương	Bộ Quốc phòng, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, đầu tư tư nhân

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
33.6.	Hạ tầng số				
33.6.1.	Hạ tầng dữ liệu - Các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.6.2.	Hạ tầng số cho Chính phủ số	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.6.3.	Hạ tầng điện toán đám mây Chính phủ	Bộ Công an	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.6.4.	Nền tảng số quốc gia dùng chung	Bộ Công an và Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
33.6.5.	Nâng cấp Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
33.6.6.	Phát triển vùng, kinh tế biển, đô thị, nông thôn				
33.6.7.	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống dữ liệu, thông tin về kinh tế, xã hội, môi trường, đầu tư; tập trung hoàn thiện, nâng cao hiệu quả Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	Bộ Tài chính	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2027	Ngân sách
33.6.8.	Xây dựng hệ thống bản đồ số về đất đai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường		2026 - 2027	Ngân sách
33.6.9.	Xây dựng cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh cho các đặc khu, đảo như Phú Quốc, Côn Đảo, Vân Đồn, Vân Phong, Côn Cỏ, Lý Sơn, Hòn Khoai...	Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân các địa phương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2026 - 2027	Ngân sách
33.6.10.	Thành lập, sử dụng hiệu quả quỹ nhà ở quốc gia	Bộ Xây dựng	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
III-	PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ, TOÀN DIỆN VĂN HOÁ VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM				
1.	Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025 - 2035; phát triển các ngành công nghiệp văn hoá	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2025 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
2.	Kế hoạch triển khai đồng bộ hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Ngân sách
3.	Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá cho phát triển các loại hình văn hoá nghệ thuật dân tộc, gắn kết chặt chẽ với phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Ngân sách
4.	Xây dựng Đề án thúc đẩy các phong trào, hoạt động văn hoá cơ sở, lấy người dân làm trung tâm	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
IV-	XÂY DỰNG NỀN GIÁO DỤC QUỐC DÂN HIỆN ĐẠI, NGANG TẦM KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI				
1.	Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hoá, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2026 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
2.	Thực hiện Nghị quyết số 281/NQ-CP, ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
3.	Thực hiện Đề án tăng cường dạy và học ngoại ngữ, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
4.	Xây dựng Đề án đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Nghệ thuật, Toán học (STEAM) và nghiên cứu khoa học, phát triển năng lực số trong trường phổ thông	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
5.	Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá và tập trung đầu tư phát triển một số cơ sở giáo dục ngang tầm các nước tiên tiến	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các tỉnh, thành phố	2027 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
6.	Xây dựng Đề án phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	Ngân sách
7.	Xây dựng Đề án phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao đạt chuẩn quốc tế	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, và các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
8.	Xây dựng Chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế, nhất là các ngành mũi nhọn về khoa học công nghệ, quản trị thông minh, khoa học cơ bản và các lĩnh vực ưu tiên, mới nổi	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ	2026	Ngân sách
V-	ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA				
1.	Thực hiện theo Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia	Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Các ban, bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
2.	Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 11/NQ-CP, ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP	Chính phủ	Các ban, bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
VI-	QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI BỀN VỮNG; BẢO ĐẢM TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI, CHĂM LO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN				Ngân sách
1.	Đề án xây dựng xã hội lành mạnh, kỷ cương, văn minh, an toàn và phát triển	Ban Chính sách, chiến lược Trung ương	Các cơ quan có liên quan	2026	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
2.	Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khoẻ, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035	Bộ Y tế	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2026 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
3.	Xây dựng Đề án phát triển một số trung tâm y tế chuyên sâu	Bộ Y tế	Các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác
4.	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế, số sức khoẻ điện tử của người dân	Bộ Y tế	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách
5.	Xây dựng Đề án từng bước thực hiện chính sách miễn viện phí theo lộ trình, đối tượng ưu tiên trong phạm vi quyền lợi bảo hiểm y tế phù hợp với tăng mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định	Bộ Y tế		2028	Ngân sách
6.	Xây dựng chính sách lao động, việc làm để thích ứng với vấn đề già hoá dân số nhanh	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách
7.	Xây dựng Đề án đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
8.	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2026 - 2035	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
VII-	QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU				
1.	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Ngân sách
2.	Sửa đổi, hoàn thiện các cơ chế về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cơ chế định giá đất, cơ chế thu hồi đất, làm cơ sở đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và giải quyết cơ bản các điểm nghẽn về đất đai khi thực hiện các dự án liên quan đến sử dụng đất	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Ngân sách
3.	Xây dựng Đề án xử lý cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường không khí tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026	Ngân sách
4.	Xây dựng Chương trình cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
5.	Xây dựng Đề án hoàn thiện cơ chế quản lý hiệu quả, bền vững tài nguyên rừng gắn với bảo vệ đa dạng sinh học	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
6.	Xây dựng Đề án xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
7.	Xây dựng Đề án xây dựng, hoàn thiện hệ thống bản đồ	Bộ Nông nghiệp	Các tỉnh,	2026 - 2027	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
	rủi ro thiên tai, hệ thống cảnh báo sớm thiên tai	và Môi trường	thành phố		
8.	Xây dựng các hồ chứa lớn tại miền núi phía Bắc, vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Ngân sách
9.	Xây dựng Đề án phòng, chống sạt lở, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn vùng đồng bằng sông Cửu Long	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Ngân sách
10.	Xây dựng Đề án phòng, chống sạt lở, lũ ống, lũ quét tại miền Trung và trung du, miền núi phía Bắc	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Ngân sách
11.	Hoàn thiện Đề án bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Công an, Các tỉnh, thành phố	2026	Ngân sách
VIII-	TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG, AN NINH; XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN, CÔNG AN NHÂN DÂN CÁCH MẠNG, CHÍNH QUY, TINH NHUỆ, HIỆN ĐẠI; BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA				
1.	Tổng kết các nghị quyết, kết luận, chiến lược của Đảng về quân sự, quốc phòng, an ninh	Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2026 - 2030	Ngân sách
2.	Điều chỉnh tổ chức, biên chế, sáp nhập, thành lập mới một số lực lượng mới phù hợp với Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Chiến lược quốc phòng, Chiến lược quân sự Việt Nam, các chiến lược chuyên ngành và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, tổ chức quân sự địa phương tỉnh, gọn, mạnh	Quân uỷ Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2026 - 2030	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
3.	Một số chương trình, đề án về quốc phòng, an ninh; ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công nghiệp quốc phòng, an ninh	Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2026 - 2030	Ngân sách
4.	Tăng cường sức mạnh quốc phòng, phòng thủ dân sự, ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống. Nâng cao năng lực thực thi pháp luật của các lực lượng làm nhiệm vụ ở biên giới, biển, đảo; bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng và các môi trường không gian chiến lược mới	Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2026 - 2030	Ngân sách
5.	Điều chỉnh quy hoạch tổng thể thể trận quốc phòng gắn với phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, đối ngoại phù hợp với hình thái chiến tranh, phương thức tác chiến hiện đại và địa giới địa lý hành chính địa phương mới	Quân uỷ Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2026 - 2030	Ngân sách
6.	Xây dựng chương trình phát triển lý luận chiến tranh nhân dân, nghệ thuật quân sự trong tình hình mới và chiến tranh công nghệ cao. Hoàn thiện đồng bộ thể chế quân sự, quốc phòng. Tổng kết các nghị quyết, kết luận, chiến lược của Đảng về quân sự, quốc phòng	Quân uỷ Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2026 - 2030	Ngân sách
7.	Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút trọng dụng nhân tài đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại	Quân uỷ Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2026 - 2030	Ngân sách
8.	Huy động hiệu quả mọi nguồn lực trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, phòng thủ quân khu, khu vực phòng thủ và xây dựng Quân đội hiện đại	Quân uỷ Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2026 - 2030	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
9.	Xây dựng đề án phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo, hạt nhân, bán dẫn, chuyển đổi số trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng	Quân uỷ Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2026 - 2030	Ngân sách
10.	Xây dựng đề án phát triển tiềm lực đối ngoại quốc phòng, tham gia hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng. Hoạt động gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc, hỗ trợ nhân đạo, tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ thảm hoạ, khắc phục hậu quả chiến tranh. Đăng cai tổ chức các hoạt động đa phương về quân sự, quốc phòng các cấp	Quân uỷ Trung ương	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2026 - 2030	Ngân sách
11.	Điều chỉnh tổ chức, biên chế, sáp nhập, thành lập mới một số lực lượng mới phù hợp với Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới, Chiến lược bảo vệ an ninh mạng, an ninh dữ liệu trong tình hình mới, các chiến lược chuyên ngành về an ninh, trật tự và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, tổ chức Công an theo hướng "Bộ tinh, tinh toàn diện, xã vững mạnh, bám cơ sở"	Bộ Công an	Các bộ, ngành liên quan	2026 - 2030	Ngân sách
12.	Huy động hiệu quả mọi nguồn lực xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân vững mạnh, toàn diện, xuyên suốt, chặt chẽ và xây dựng Công an hiện đại; điều chỉnh phương án bảo vệ an ninh, trật tự phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới và địa giới địa lý hành chính địa phương mới; tăng cường bảo vệ yếu nhân, cán bộ cấp chiến lược, tinh hoa trong giới khoa học, công nghệ	Bộ Công an	Các bộ, ngành liên quan	2026 - 2030	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
13.	Xây dựng chương trình phát triển lý luận an ninh, nghệ thuật bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới. Hoàn thiện đồng bộ thể chế an ninh, trật tự, cơ chế bảo vệ lực lượng Công an nhân dân trong thực thi nhiệm vụ. Tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân	Bộ Công an	Các bộ, ngành liên quan	2026 - 2030	Ngân sách
14.	Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xây dựng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại	Bộ Công an	Các bộ, ngành liên quan	2026 - 2030	Ngân sách
15.	Xây dựng Đề án phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, lượng tử, mã hoá an ninh (mật mã an ninh), chuyển đổi số trong lĩnh vực an ninh, trật tự và quản lý nhà nước, quản trị xã hội về an ninh, trật tự	Bộ Công an	Các bộ, ngành liên quan	2026 - 2030	Ngân sách
16.	Xây dựng Đề án phát triển tiềm lực đối ngoại Công an và hội nhập quốc tế về an ninh, trật tự. Hoạt động gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc, cứu hộ, cứu nạn quốc tế; đăng cai tổ chức các hoạt động đa phương về đấu tranh phòng, chống tội phạm	Bộ Công an	Các bộ, ngành liên quan	2026 - 2030	Ngân sách
17.	Xây dựng Đề án tăng cường năng lực an ninh chủ động từ bên ngoài; chủ động tham gia các tổ chức thực thi pháp luật quốc tế	Bộ Công an	Các bộ, ngành liên quan	2026 - 2030	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
18.	Xây dựng Đề án bảo đảm an ninh trên các không gian, lĩnh vực mới (không gian tầm thấp, không gian vũ trụ, không gian ngầm...)	Bộ Công an	Các bộ, ngành liên quan	2026 - 2030	Ngân sách
19.	Xây dựng Đề án Chiến lược bảo vệ an ninh mạng, an ninh dữ liệu trong kỷ nguyên số (bao gồm tự chủ Internet dùng riêng tại Việt Nam, tự chủ hạ tầng số quốc gia)	Bộ Công an	Các bộ, ngành liên quan	2026 - 2030	Ngân sách
20.	Xây dựng Đề án Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới	Bộ Công an	Các bộ, ngành liên quan	2026 - 2030	Ngân sách
21.	Xây dựng Đề án phát triển kinh tế dữ liệu, công nghiệp dữ liệu; xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia số 2, số 3	Bộ Công an	Các bộ, ngành liên quan	2026 - 2030	Ngân sách
22.	Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm tạo đột phá phát triển công nghiệp an ninh tự lực, tự chủ, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại và thương mại an ninh	Bộ Công an	Các bộ, ngành liên quan	2026 - 2030	Ngân sách
23.	Xây dựng Đề án tăng cường đấu tranh phòng, chống gián điệp trong tình hình mới	Bộ Công an	Các bộ, ngành liên quan	2026 - 2030	Ngân sách
24.	Xây dựng Đề án bảo đảm an ninh môi trường	Bộ Công an	Các bộ, ngành liên quan	2026 - 2030	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
IX-	ĐẨY MẠNH TRIỂN KHAI ĐỒNG BỘ, SÁNG TẠO HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ SÂU RỘNG, TOÀN DIỆN, HIỆU QUẢ				
1.	Cụ thể hoá các chủ trương, quan điểm mới của Đảng về đối ngoại; xây dựng và triển khai hiệu quả các kế hoạch, chương trình thực hiện các văn kiện của Đảng về đối ngoại, hội nhập quốc tế, trong đó có Nghị quyết số 153/NQ-CP, ngày 31/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới	Bộ Ngoại giao	Các cơ quan, tổ chức đảng có liên quan	2026 - 2030	Ngân sách
2.	Xây dựng và thực hiện Đề án về công tác người Việt Nam ở nước ngoài	Bộ Ngoại giao	Bộ Công an, các cơ quan, tổ chức đảng có liên quan	2026 - 2030	Ngân sách
3.	Rà soát, đôn đốc triển khai thực hiện có hiệu quả các cam kết, thoả thuận quốc tế	Bộ Ngoại giao	Các cơ quan, tổ chức đảng có liên quan	2026 - 2030	Ngân sách
X-	PHÁT HUY MẠNH MỀ VAI TRÒ CHỦ THỂ CỦA NHÂN DÂN, DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC				
1.	Xây dựng quy chế, quy định để thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"	Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương	Các cơ quan, tổ chức đảng có liên quan	2026 - 2030	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
2.	Xây dựng và thực hiện các quy chế về quyền Nhân dân tham gia góp ý vào quá trình xây dựng đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm trách nhiệm giải trình của cơ quan Đảng, Nhà nước trước Nhân dân	Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương; các cơ quan, tổ chức đảng có liên quan	2026 - 2030	Ngân sách
3.	Cụ thể hoá các giải pháp, điều kiện để thực hiện dân chủ ở cơ sở	Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương	Các cơ quan, tổ chức đảng có liên quan	2026 - 2030	Ngân sách
4.	Xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách cụ thể nhằm thực hiện các mục tiêu xây dựng đối với các giai cấp, tầng lớp nhân dân	Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương	Các cơ quan, tổ chức đảng có liên quan	2026 - 2030	Ngân sách
5.	Xây dựng, thực thi các chính sách về dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Các cơ quan, tổ chức đảng có liên quan	2026 - 2030	Ngân sách
6.	Tổ chức các đề án, đề tài nghiên cứu thực tiễn về thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc	Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương	Các cơ quan, tổ chức đảng có liên quan	2026 - 2030	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẲNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
XI-	ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN, LIÊM CHÍNH, HÀNH ĐỘNG, PHỤC VỤ NHÂN DÂN; NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ XÃ HỘI				
1.	Thực hiện Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới	Đảng uỷ Chính phủ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2025 - 2030	Ngân sách
2.	Phát triển và vận hành hiệu quả Công pháp luật quốc gia	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành	2026 - 2030	Ngân sách
3.	Xây dựng, triển khai Đề án Chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong kỷ nguyên mới	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành	2026 - 2030	Ngân sách
4.	Hoàn thiện các đề án vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	Bộ Nội vụ - Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan đảng Trung ương, bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	Năm 2026	Ngân sách
5.	Hoàn thiện cơ chế thu hút, tuyển dụng, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài vào làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	Năm 2026	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
XII-	TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH TOÀN DIỆN; NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ LÃNH ĐẠO, CẢM QUYỀN CỦA ĐẢNG				
12.1.	Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị				
12.1.1.	Tổ chức các hội thảo, tọa đàm, nghiên cứu đề tài, đề án để bổ sung, hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới, chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về "bốn kiên định"; tiếp tục phát triển lý luận, bảo đảm vai trò tiên phong, tính dự báo, tầm nhìn vượt trước, dẫn dắt, định hướng; kim chỉ nam, quyết định sự đúng đắn trong đường lối lãnh đạo của Đảng và chiến lược phát triển đất nước	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, các cơ quan liên quan	Năm 2026 - 2030	Ngân sách
12.1.2.	Thực hiện Đề án tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1930 - 2030), định hướng lãnh đạo phát triển đất nước trong 100 năm tiếp theo (2030 - 2130)	Hội đồng Lý luận Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Văn phòng Trung ương Đảng, các cơ quan có liên quan	Năm 2026 - 2030	Ngân sách
12.1.3.	Thực hiện Đề án tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	Hội đồng Lý luận Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Văn phòng Trung ương Đảng, các cơ quan có liên quan	Năm 2026 - 2030	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.1.4.	Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình khoa học trọng điểm đặc biệt cấp quốc gia xây dựng cơ sở khoa học, thực tiễn phục vụ hoạch định chủ trương, đường lối, công tác lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Hội đồng Lý luận Trung ương	Các cơ quan và tổ chức khoa học có liên quan	Năm 2026 - 2030	Ngân sách
12.1.5.	Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình khoa học trọng điểm đặc biệt cấp quốc gia nghiên cứu về sự vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận về đường lối đổi mới của Đảng trong kỷ nguyên mới của dân tộc	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Các cơ quan và tổ chức khoa học có liên quan	Năm 2026 - 2030	Ngân sách
12.1.6.	Chủ động, tích cực đấu tranh phòng, chống có hiệu quả những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, xét lại, giáo điều, bảo thủ, bè phái, cục bộ, những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Ban Chỉ đạo 35 Trung ương, Ban Chỉ đạo 35 ban, bộ, ngành Trung ương, Ban Chỉ đạo 35 cấp tỉnh	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Tạp chí Cộng sản, Báo Nhân Dân và các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.1.7.	Đổi mới, nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới	Các ban đảng Trung ương, Đảng uỷ Chính phủ, Đảng uỷ Quốc hội	Các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.1.8.	Thể chế hoá, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, khắc phục những yếu kém, trì trệ, tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm; kiểm tra, giám sát chặt chẽ, xác định rõ trách nhiệm tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu	Các ban đảng Trung ương, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.2.	Xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng				
12.2.1.	Tuyên truyền sâu rộng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giáo dục truyền thống cách mạng của Đảng ta qua 100 năm thành lập và phát triển	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương	Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương chỉ đạo, tổ chức thực hiện	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.2.2.	Tiếp tục tăng cường công tác chính trị, tư tưởng tạo sự thống nhất cao trong Đảng, trong hệ thống chính trị và sự đồng thuận trong Nhân dân về cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương chỉ đạo, tổ chức thực hiện	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.2.3.	Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Các cơ quan liên quan	Tháng 12/2026	Ngân sách
12.2.4.	Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Ban Chỉ đạo 35 Trung ương	Ban Chỉ đạo 35 cấp tỉnh	Tháng 6/2026	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.2.5.	Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Chỉ đạo 35 Trung ương	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Ban Chỉ đạo 35 cấp tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.2.6.	Chủ động phổ biến, cập nhật kiến thức lý luận chính trị, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, khách quan để phòng, chống "diễn biến hoà bình", thông tin xấu, độc trên Internet, mạng xã hội	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Chỉ đạo 35 Trung ương	Ban Chỉ đạo 35 cấp tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.2.7.	Theo dõi sát thông tin đối nội và đối ngoại trên không gian mạng; dự báo, cảnh báo, kịp thời đấu tranh, phản bác, ngăn chặn, xử lý thông tin xấu độc, các quan điểm sai trái, thù địch, chống phá, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Ban Chỉ đạo 35 Trung ương, Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương	Ban Chỉ đạo 35 cấp tỉnh và các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.2.8.	Tổ chức các hội nghị toàn quốc và các hoạt động cần thiết để quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, các văn bản liên quan về hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các cơ quan liên quan	Thực hiện theo Chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.2.9.	Theo dõi, dự báo, nắm tình hình Nhân dân và dư luận xã hội về các sự kiện chính trị lớn, quan trọng	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các cấp uỷ, tổ chức đảng, tổ chức, cơ quan, đơn vị	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.2.10.	Nghiên cứu xây dựng chiến lược công tác tư tưởng trong bối cảnh chuyển đổi số	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 12/2026	Ngân sách
12.2.11.	Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học lý luận chính trị	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương - Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.2.12.	Ban hành Chỉ thị của Ban Bí thư về tăng cường, chỉ đạo, quản lý, phát huy vai trò của báo chí, xuất bản trong việc ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.2.13.	Ban hành Kết luận của Bộ Chính trị về tăng cường thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí đáp ứng yêu cầu của tình hình mới	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.2.14.	Thực hiện, theo dõi, kiểm tra, điều chỉnh (nếu có) Quy định về việc cán bộ, đảng viên thiết lập và sử dụng trang thông tin điện tử cá nhân trên Internet và mạng xã hội	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.2.15.	Chủ động, tích cực triển khai hiệu quả công tác thông tin đối ngoại, hợp tác quốc tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, góp phần khẳng định, nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương về công tác thông tin đối ngoại)	Đảng uỷ Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.2.16.	Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng, hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của Đảng trong tuyên truyền, vận động bảo đảm thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; tăng cường, củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các cơ quan, tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.2.17.	Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền về biển, đảo, biên giới lãnh thổ; nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm, tinh thần dân tộc và thúc đẩy hành động trong cán bộ, đảng viên, Nhân dân về chủ quyền, quyền chủ quyền, các lợi ích chính đáng của Việt Nam trên Biển Đông, góp phần bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia đồng thời giữ gìn, phát triển các mối quan hệ đối ngoại của Việt Nam	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các cơ quan, tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.3.	Tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức				
12.3.1.	Tiếp tục hoàn thiện lý luận xây dựng Đảng về đạo đức, xây dựng Đảng thật sự "là đạo đức, là văn minh" trong tình hình mới	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan liên quan	Năm 2026 - 2029	Ngân sách
12.3.2.	Hoàn thiện chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ, đề cao trách nhiệm nêu gương và ý thức, trách nhiệm phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, coi trọng danh dự, tự giác tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp; xử lý nghiêm tình trạng né tránh, đùn đẩy, không dám làm, thiếu trách nhiệm trong công việc	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.3.3.	Xây dựng Chỉ thị của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 9/2026	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.3.4.	Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khoá XII "Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.3.5.	Ban hành Chỉ thị của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với thanh niên trong tình hình mới nhằm nuôi dưỡng hoài bão, khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc; nêu cao tinh thần, trách nhiệm của thanh niên đối với đất nước, với xã hội	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương	Các cơ quan liên quan	Năm 2028	Ngân sách
12.4.	Tăng cường công tác dân vận, thắt chặt và làm sâu sắc hơn mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng				
12.4.1.	Vận hành hiệu quả, đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo mô hình tổ chức mới, ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp xã, hướng mạnh về cơ sở	Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.4.2.	Ban hành Kết luận của Bộ Chính trị về việc đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.4.3.	Tổng kết Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.4.4.	Phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.4.5.	Đổi mới phương thức lãnh đạo, vận động, tập hợp và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách về dân tộc, tôn giáo, tăng cường xây dựng lực lượng nòng cốt là người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào theo tôn giáo; nắm chắc tình hình Nhân dân, có cơ chế đặc thù, hiệu quả để theo dõi, tổng hợp tình hình Nhân dân, dân tộc, tôn giáo, các giai tầng xã hội, các vấn đề bức xúc trong Nhân dân; chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện xử lý dứt điểm những điểm nóng, vụ việc phức tạp	Đảng uỷ Chính phủ, Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.4.6.	Nghiên cứu tổng kết, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở	Đảng uỷ Chính phủ, Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương	Các cơ quan liên quan	Năm 2026	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.4.7.	Ban hành, thực hiện nghiêm túc Quy định về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp	Năm 2026, Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.4.8.	Xây dựng Đề án về tích cực phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị thông qua cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ" và phương châm "Lấy dân là gốc", "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương	Các cơ quan liên quan	Năm 2026	Ngân sách
12.4.9.	Đẩy mạnh thực hiện tốt phong trào thi đua "Dân vận khéo", "Bình dân học vụ số"	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương	Văn phòng Trung ương và các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.5.	Về xây dựng tổ chức bộ máy				
12.5.1.	Đánh giá 2 năm, 5 năm việc thực hiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo mô hình mới	Ban Tổ chức Trung ương, Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uỷ Chính phủ, Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương	- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương - Các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương	Năm 2027 và 2030	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.5.2.	Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy; tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bên trong cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương	Các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương	Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.5.3.	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện việc phân định thẩm quyền, trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp, trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương	Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uỷ Chính phủ, Đảng uỷ Toà án nhân dân tối cao, Đảng uỷ Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Tổ chức Trung ương	- Các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương - Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.5.4.	Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai các quy định về phân cấp, phân quyền	Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uỷ Chính phủ, Đảng uỷ Toà án nhân dân tối cao, Đảng uỷ Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	- Các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương - Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.5.5.	Cụ thể hoá, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước để xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch, hiệu quả	Đảng uỷ Chính phủ	Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.5.6.	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức bộ máy mới của toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, các cơ quan thanh tra, điều tra, thi hành án, hỗ trợ tư pháp	Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uy Chính phủ, Ban Tổ chức Trung ương, Đảng uỷ Toà án nhân dân tối cao, Đảng uỷ Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	- Các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương - Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.5.7.	Tiếp tục thực hiện đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ các cấp	Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương	- Các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương - Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Năm 2026	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.5.8.	Hoàn thiện chức năng tham mưu, tổ chức thực hiện công tác dân vận, tập hợp vận động quần chúng. Đổi mới, hoàn thiện mô hình quản lý các cơ quan truyền thông, báo chí quốc gia, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam và Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Quý IV/2026	Ngân sách
12.5.9.	Thực hiện số hoá tài liệu, quản lý và sử dụng hiệu quả trụ sở, tài sản sau sắp xếp tổ chức	Các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.5.10.	Ban hành Quy định của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị theo hướng phân cấp quản lý biên chế cho các cấp uỷ trực thuộc Trung ương	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Năm 2026	Ngân sách
12.5.11.	Sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, trường học, cơ sở giáo dục, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước theo đúng định hướng của Trung ương. Sắp xếp các thôn, tổ dân phố ở xã, phường và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới	Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uỷ Chính phủ	Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Quý II/2026	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.6.	Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên				
12.6.1.	Tổ chức Lễ Tuyên dương Bí thư chi bộ xuất sắc trong toàn Đảng hằng năm	Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Tạp chí Cộng sản, Đài Truyền hình Việt Nam, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Báo Nhân Dân, Hội Nhà báo Việt Nam và các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Địp kỷ niệm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 03/02 hằng năm	Ngân sách
12.6.2.	Ban hành quy định mới của Ban Bí thư về tổ chức đảng trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Năm 2026	Ngân sách
12.6.3.	Ban hành Kết luận của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW khoá XIII, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tăng cường củng cố xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới	Ban Tổ chức Trung ương	Các tỉnh, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.6.4.	Ban hành Kết luận của Ban Bí thư về việc thực hiện Chỉ thị về tăng cường xây dựng tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.6.5.	Ban hành Quy định mới của Ban Chấp hành Trung ương về đảng viên làm kinh tế tư nhân	Ban Chính sách, chiến lược Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.6.6.	Ban hành các quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các loại hình tổ chức cơ sở đảng	Ban Tổ chức Trung ương, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương	Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương	Năm 2025 - 2026	Ngân sách
12.6.7.	Ban hành Kết luận của Ban Bí thư về việc thực hiện Chỉ thị về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.6.8.	Ban hành Quy định của Ban Bí thư về kết nạp đảng viên đối với người theo tôn giáo và đảng viên là người theo tôn giáo tham gia sinh hoạt tôn giáo	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Quý III/2026	Ngân sách
12.6.9.	Ban hành Quy định của Ban Bí thư về kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Quý III/2026	Ngân sách
12.6.10.	Ban hành Chỉ thị về "Tăng cường công tác xây dựng tổ chức đảng, phát triển và quản lý đảng viên ở nước ngoài trong tình hình mới"	Ban Tổ chức Trung ương	Đảng ủy Bộ Ngoại giao	Tháng 10/2026	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.6.11.	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về tổ chức đảng, đảng viên, liên thông với hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Đảng uỷ Công an Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.6.12.	Hoàn thiện cơ chế, chính sách khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên; chế độ đảng phí; chính sách hỗ trợ hoạt động của tổ chức đảng ở những nơi khó khăn và cán bộ đảng, đoàn thể ở cơ sở	Văn phòng Trung ương Đảng	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.6.13.	Ban hành Quy định của Ban Bí thư về sinh hoạt đảng trực tuyến và sinh hoạt tổ đảng	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Năm 2026	Ngân sách
12.6.14.	Quy định của Ban Bí thư về kết nạp học sinh, sinh viên vào Đảng	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Năm 2026	
12.7.	Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ				
12.7.1.	Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Năm 2027 và thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.7.2.	Triển khai thực hiện đồng bộ các quy định, quy chế về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, cho thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm nguyên tắc "có vào, có ra", "có lên, có xuống", đánh giá cán bộ thường xuyên, liên tục, đa chiều, theo kết quả, sản phẩm cụ thể	Ban Tổ chức Trung ương	Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương; các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.7.3.	Thực hiện nghiêm Kết luận của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.7.4.	Tiếp tục thực hiện nghiêm Quy định về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.7.5.	Tăng cường thực hiện nghiêm Quy định của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.7.6.	Tiếp tục thực hiện nghiêm Quy định của Bộ Chính trị về tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và khung tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.7.7.	Đẩy mạnh thực hiện Quy định về thẩm quyền của người đứng đầu trong việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước	Ban Tổ chức Trung ương	Các tỉnh, thành uỷ và các cơ quan có liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.7.8.	Xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với Ủy viên chính thức, dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV và cán bộ chủ chốt của ban, bộ, ngành, địa phương	Ban Tổ chức Trung ương	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Tháng 9/2026	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.7.9.	Xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với cán bộ quy hoạch Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XV	Ban Tổ chức Trung ương	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Tháng 5/2029	Ngân sách
12.7.10.	Tăng cường bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước và chương trình hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ với nước ngoài	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.7.11.	Thực hiện nghiêm việc bố trí chức danh chủ tịch uỷ ban nhân dân và người đứng đầu các ngành, lĩnh vực: Quân đội, công an, viện kiểm sát, toà án nhân dân, thanh tra, thuế tỉnh, thành phố không phải là người địa phương	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.7.12.	Xây dựng Chiến lược quốc gia về thu hút và trọng dụng nhân tài, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững; nghiên cứu cơ chế tạo sự liên thông giữa khu vực công và khu vực tư	Đảng uỷ Chính phủ	Các cơ quan liên quan	Tháng 4/2027	Ngân sách
12.7.13.	Tiếp tục thực hiện nghiêm Quy định của Bộ Chính trị về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị; Quy chế bồi dưỡng cán bộ ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước; xây dựng quy định đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo chương trình hợp tác với nước ngoài	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.7.14.	Tiếp tục thực hiện nghiêm Quy định về danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.7.15.	Tăng cường thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung	Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị		Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.7.16.	Tiến hành cải cách chính sách tiền lương; quy định về chế độ phụ cấp kiêm nhiệm; chính sách nhà ở xã hội đối với cán bộ, công chức, viên chức có khó khăn về nhà ở; chính sách bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công phù hợp thực tiễn	Đảng uỷ Chính phủ, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng	Các cơ quan liên quan	Năm 2026	Ngân sách
12.7.17.	Ban hành Quy định về khoán phương tiện đi lại; các quy định về chế độ xe ô tô phục vụ công tác, điện thoại, khám chữa bệnh, nghỉ hè, nghỉ dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức	Đảng uỷ Chính phủ, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng	Các cơ quan liên quan	Năm 2026	Ngân sách
12.7.18.	Đánh giá hiệu quả, tác động của các chủ trương, mô hình thí điểm trong công tác cán bộ: Chủ trương bí thư cấp uỷ đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân cùng cấp; bí thư cấp uỷ không phải là người địa phương gắn với việc sử dụng; bố trí bí thư cấp uỷ đồng thời là chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã ở những nơi đủ điều kiện	Ban Tổ chức Trung ương	Các tỉnh, thành uỷ và các cơ quan có liên quan	Tháng 10/2026	Ngân sách
12.7.19.	Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện số hoá hồ sơ cán bộ từ cơ sở và kết nối liên thông đồng bộ giữa các cơ quan	Đảng uỷ Chính phủ, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.7.20.	Thực hiện nghiêm Quy định của Bộ Chính trị "Một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng"	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.7.21.	Triển khai nghiêm túc, thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình mới	Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.7.22.	Triển khai nghiêm túc, thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Kết luận của Ban Bí thư về tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ đối với cán bộ, đảng viên ra nước ngoài, quan hệ, làm việc với cá nhân, tổ chức nước ngoài	Tiểu ban Bảo vệ chính trị nội bộ	Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.8.	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng				
12.8.1.	Triển khai nghiêm túc, thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030	Ủy ban Kiểm tra Trung ương	Các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.8.2.	Thực hiện nghiêm việc bố trí chức danh chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh, cấp xã không phải là người địa phương	Ủy ban Kiểm tra Trung ương	Các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.8.3.	Thực hiện chuyển đổi số; kiểm tra, giám sát trên dữ liệu	Ủy ban Kiểm tra Trung ương	Các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.9.	Tiếp tục đẩy mạnh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực				
12.9.1.	Xây dựng Chương trình quốc gia về giáo dục liêm chính	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.9.2.	Ban hành Nghị quyết của Trung ương "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực trong tình hình mới"	Ban Nội chính Trung ương	Các cơ quan liên quan	Tháng 3/2026	Ngân sách
12.9.3.	Tập trung hoàn thiện, thực hiện đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả thể chế để "không thể" tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; nhất là hoàn thiện thể chế về kiểm soát quyền lực, kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong thi hành công vụ; về trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu; về bảo vệ, khuyến khích người tích cực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, sáng tạo vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uỷ Chính phủ	Các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.9.4.	Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực	Ban Nội chính Trung ương	Các cơ quan liên quan	Năm 2026	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.9.5.	Nghiên cứu, đề xuất việc thành lập thiết chế mới về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Ban Nội chính Trung ương	Các cơ quan liên quan	Quý IV/2026	Ngân sách
12.10.	Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng				
12.10.1.	Tổng kết Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới	Ban Nội chính Trung ương	Các cơ quan liên quan	Năm 2027	Ngân sách
12.10.2.	Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới	Cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp		Thực hiện thường xuyên	Ngân sách
12.10.3.	Xây dựng Đề án về đổi mới việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, nhất là việc ban hành nghị quyết	Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Các đảng uỷ trực thuộc Trung ương	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.10.4.	Tổng kết thi hành Điều lệ Đảng; đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng; sửa đổi, bổ sung quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng	- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư - Ban Tổ chức Trung ương	Các cơ quan liên quan	Năm 2026 - 2031	Ngân sách
12.10.5.	Ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XIV	- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư - Văn phòng Trung ương Đảng	Các cơ quan liên quan	Tháng 03/2026	Ngân sách

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	NGUỒN LỰC
12.10.6.	Ban hành Chương trình công tác của Ban Chấp hành Trung ương nhiệm kỳ khoá XIV	- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư - Văn phòng Trung ương Đảng	Các cơ quan liên quan	Tháng 03/2026	Ngân sách
12.10.7.	Ban hành Chương trình tổng thể về hoàn thiện thể chế của Đảng giai đoạn 2025 - 2045	Văn phòng Trung ương Đảng	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.10.8.	Xây dựng, triển khai kế hoạch tổng thể về đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo bước đột phá đi đầu về chuyển đổi số trong Đảng	Văn phòng Trung ương Đảng	Các cơ quan liên quan	Tháng 6/2026	Ngân sách
12.10.9.	Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về Đảng cầm quyền trên cơ sở khoa học, dân chủ, hiệu quả, thiết thực, sát thực tiễn, giữ vững nguyên tắc Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất cầm quyền ở Việt Nam; đổi mới mạnh mẽ tư duy, thống nhất nhận thức và thực hiện đồng bộ, có hiệu quả phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, không để xảy ra tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	- Hội đồng Lý luận Trung ương - Các ban đảng Trung ương	Năm 2026 - 2030	Ngân sách

PHỤ LỤC 4

ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 10 NĂM 2021 - 2030

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 được thực hiện trong bối cảnh thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Tình hình quốc tế và trong nước diễn biến nhanh, phức tạp, nhiều vấn đề chưa có tiền lệ, vượt ngoài dự báo. Đại dịch Covid-19 để lại hậu quả nặng nề; xung đột vũ trang ở Ucraina và khu vực Trung Đông, sự điều chỉnh chính sách thuế của các nước lớn, chiến tranh thương mại làm suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu; thiên tai, bão lũ, sạt lở diễn ra với tần suất cao, cường độ mạnh¹; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo có bước phát triển đột phá, cạnh tranh công nghệ ngày càng gay gắt. Kinh tế, xã hội nước ta phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn; trong khi vừa phải xử lý các hạn chế, bất cập nội tại kéo dài nhiều năm, vừa phải tập trung giải quyết những vấn đề phức tạp, đột xuất mới phát sinh.

Trong bối cảnh đó, chúng ta đã phòng, chống, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19, xoay chuyển tình thế, chuyển đổi trạng thái nhanh, hạn chế tác động đứt gãy chuỗi cung ứng, thúc đẩy phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Hai năm cuối nhiệm kỳ, đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, ban hành nhiều quyết sách mang tính lịch sử, có ý nghĩa chiến lược, mở ra bước ngoặt lớn trong tiến trình phát triển của đất nước, nhất là cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và đơn vị hành chính các cấp, tổ chức hoạt động chính quyền địa phương 2 cấp, tạo không gian phát triển mới; đổi mới xây dựng và thi hành pháp luật, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và cải cách, cắt bỏ thủ tục hành chính; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; hội nhập quốc tế; phát triển kinh tế tư nhân. Đã tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng kéo dài; đẩy nhanh tiến độ triển khai, xây dựng hệ thống đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, điện hạt nhân; xây dựng và triển khai phương án tăng trưởng kinh tế cao, tạo nền tảng tăng trưởng hai con số cho giai đoạn 2026 - 2030. Các chính sách xã hội lớn gắn với nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được thực hiện; miễn học phí cho học sinh từ mầm non đến trung học phổ thông công lập, cơ bản hoàn thành xóa nhà tạm, nhà dột nát, triển khai xây dựng 1 triệu căn nhà ở xã hội...

1. Con bão số 3 (năm 2024) là cơn bão lớn nhất trong vòng 30 năm qua trên Biển Đông và 70 năm qua trên đất liền, gây thiệt hại hơn 80 nghìn tỉ đồng.

I- KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC 5 NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

1. Về tình hình kinh tế vĩ mô và kết quả thực hiện mục tiêu Chiến lược

Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát², các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm, nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài được kiểm soát tốt³, thấp hơn nhiều so với mức cảnh báo, chính sách tiền tệ, chính sách tài khoá và các chính sách kinh tế vĩ mô khác được phối hợp đồng bộ, hài hoà, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả. Tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức khá cao so với khu vực và thế giới, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 6,2%/năm, trong đó năm 2025 tăng 8,02%.

Quy mô GDP từ 346,6 tỉ USD năm 2020, xếp thứ 37 trên thế giới, tăng lên trên 514 tỉ USD năm 2025⁴, gấp 1,48 lần so với năm 2020, xếp thứ 32 thế giới và thứ 4 trong khu vực ASEAN; GDP bình quân đầu người gấp 1,4 lần, tăng từ 3.552 USD lên khoảng 5.026 USD. Thu nhập quốc dân (GNI) bình quân đầu người tăng từ 3.400 USD năm 2020 lên 4.750 USD năm 2025, bước vào nhóm các nước có thu nhập trung bình cao⁵.

Quy mô xuất nhập khẩu hàng hoá không ngừng tăng lên, xếp thứ 20 thế giới; thặng dư thương mại liên tục ở mức cao. An ninh năng lượng, an ninh lương thực được bảo đảm. Đã nỗ lực phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước để bổ sung nguồn cho đầu tư phát triển, các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách về an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh. Tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt khoảng 18,7% GDP. Tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 3,1% GDP. Nợ công đến cuối năm 2025 khoảng 34,4% GDP, thấp hơn nhiều so với mức trần đặt ra. Huy động các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội đạt kết quả tích cực, tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2025 đạt 33,0% GDP, đạt mục tiêu đề ra (32 - 34%). Nhiều dự án tồn đọng, chậm tiến độ, kém hiệu quả, doanh nghiệp thua lỗ kéo dài nhiều năm, các tổ chức tín dụng yếu kém đã được xử lý quyết liệt, đạt kết quả rất tích cực, góp phần khơi thông nguồn lực lớn cho nền kinh tế. Đến cuối năm 2025, quy mô thị trường cổ phiếu đạt khoảng 78% GDP, quy mô thị trường trái phiếu khoảng 31% GDP.

2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 tăng 1,84%; năm 2022 tăng 3,15%; năm 2023 tăng 3,25%; năm 2024 tăng 3,63%; năm 2025 tăng 3,31%.

3. Năm 2025, tổ chức Moody's tiếp tục giữ xếp hạng Việt Nam ở mức Ba2, triển vọng ổn định; tổ chức Fitch Ratings tiếp tục giữ xếp hạng Việt Nam ở mức BB+, triển vọng ổn định và tổ chức S&P Global Ratings tiếp tục giữ xếp hạng Việt Nam ở mức BB+, triển vọng ổn định.

4. Theo Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), quy mô GDP năm 2025 của Việt Nam tính theo sức mua tương đương (PPP) khoảng 1.786 tỉ USD, xếp thứ 25 thế giới.

5. Năm 2025, ngưỡng thu nhập trung bình cao (theo GNI/người) của Ngân hàng Thế giới là 4.496 USD/người.

Chất lượng tăng trưởng có chuyển biến tích cực, năng suất lao động tăng bình quân 5,2%/năm, đóng góp của các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt khoảng 47%. Đầu tư công được phân bổ, sử dụng có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả hơn; chất lượng đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục được cải thiện...

2. Về phòng, chống dịch Covid-19 và phục hồi kinh tế

Thực hiện quyết liệt nhiều giải pháp không chệch, đẩy lùi dịch bệnh, trong đó có những giải pháp "chưa từng có"; thực hiện "mục tiêu kép", vừa tập trung phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh, vừa duy trì sản xuất, chống đứt gãy chuỗi cung ứng; và dần phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội theo hướng "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19"; đẩy mạnh chiến lược ngoại giao vắc xin, thành lập Quỹ vắc xin; triển khai Chiến dịch tiêm chủng vắc xin miễn phí toàn quốc lớn nhất từ trước đến nay. Sau tác động nặng nề của dịch Covid-19, nền kinh tế nước ta đã nhanh chóng phục hồi mạnh mẽ nhờ kiểm soát tốt dịch bệnh và chủ động xây dựng, tổ chức thực hiện quyết liệt, hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Đã hỗ trợ khoảng 105 nghìn tỉ đồng cho trên 1,4 triệu lượt người sử dụng lao động và trên 68,4 triệu lượt người lao động gặp khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19... Đã triển khai việc miễn giảm, gia hạn nhiều chính sách thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất; dành khoảng 175,5 nghìn tỉ đồng vốn đầu tư từ ngân sách trung ương cho Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội cho các dự án về kết cấu hạ tầng, y tế...

Mặc dù có 2 năm chịu tác động nặng nề của đại dịch Covid-19 và thương mại toàn cầu suy giảm, kinh tế nước ta vẫn đạt tốc độ tăng trưởng dương, tốc độ tăng GDP hai năm 2020 - 2021 vẫn đạt 2,71%/năm; kinh tế nước ta năm 2022 phục hồi mạnh, đạt 8,54%, được đánh giá là một "điểm sáng" của kinh tế toàn cầu.

3. Về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng

a) Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cơ cấu lại các ngành sản xuất và dịch vụ

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đạt kết quả tích cực. Tỷ trọng khu vực công nghiệp và dịch vụ trong GDP tăng từ 78,6% năm 2020 lên 80,4% năm 2025; khu vực nông nghiệp giảm từ 12,7% xuống còn 11,6%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm khoảng 8,0%.

Nền kinh tế bước đầu được cơ cấu lại theo hướng số hoá, xanh hoá, đa dạng hoá, tăng cường sức chống chịu, nâng cấp chuỗi giá trị dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tốc độ tăng trưởng kinh tế số bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 9,8%/năm, chiếm trên 14,0% GDP năm 2025; tỉ lệ người dân trưởng thành có tài khoản thanh toán chiếm trên 87%, vượt chỉ tiêu đề ra (80%), thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng phổ biến.

Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng bình quân 6,4%/năm. Công nghiệp chế biến, chế tạo có mức tăng trưởng khá, nhất là các ngành chủ lực như điện tử, dệt may, da giày, đồ gỗ...; tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP tăng từ 23,9% năm 2020 lên khoảng 24,5% năm 2025; giá trị tăng thêm công nghiệp chế biến, chế tạo bình quân đầu người đạt trên 1.230 USD. Đã hình thành một số ngành công nghiệp có quy mô lớn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế, từng bước hình thành năng lực tự chủ của nền kinh tế. Nhiều nhóm hàng công nghiệp có kim ngạch xuất khẩu trên 15 tỉ USD⁶, thuộc nhóm dẫn đầu khu vực và thế giới. Công nghiệp năng lượng tăng trưởng khá; tỉ trọng điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối trong tổng sản lượng điện của hệ thống tăng từ 4,9% năm 2020 lên 15% vào năm 2025. Diện tích khu công nghiệp tăng từ 117,3 nghìn ha năm 2020 lên khoảng 140 nghìn ha năm 2025⁷. Đã hình thành hai vùng công nghiệp lớn của cả nước là Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Hồng. Một số doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin chủ lực thực hiện tốt vai trò dẫn dắt về hạ tầng công nghệ, tạo nền tảng cho nền kinh tế số, xã hội số. Một số tập đoàn công nghiệp có quy mô lớn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Năng lực ngành xây dựng được nâng cao, có khả năng thiết kế, thi công các công trình hiện đại, phức tạp, có sức cạnh tranh. Chất lượng vật liệu xây dựng được nâng lên, nhiều sản phẩm vật liệu xây dựng mới, thông minh, tiết kiệm năng lượng được ứng dụng rộng rãi.

Nhiều ngành dịch vụ được tập trung phát triển như thông tin truyền thông, tài chính, ngân hàng, hàng không... Ứng dụng rộng rãi công nghệ hiện đại trong thương mại, ngân hàng, giáo dục đào tạo, y tế, bảo hiểm, vận tải... Áp dụng chuẩn mực quốc tế cho các hoạt động kế toán, kiểm toán, ngân hàng thương mại... Hạ tầng dịch vụ logistics tiếp tục được đẩy mạnh xây dựng⁸. Thương mại

6. Năm 2025, có 7 mặt hàng công nghiệp chế biến đạt kim ngạch xuất khẩu trên 15 tỉ USD, bao gồm: Điện tử, máy tính và linh kiện đạt 107,7 tỉ USD; điện thoại các loại và linh kiện đạt 56,7 tỉ USD; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng đạt 59,1 tỉ USD; hàng dệt, may đạt 39,6 tỉ USD; giày dép các loại đạt 24,2 tỉ USD; gỗ và sản phẩm gỗ 17,2 tỉ USD; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 17,5 tỉ USD.

7. Năm 2020, cả nước đã thành lập 380 khu công nghiệp với diện tích đất 117,3 nghìn ha; đến tháng 7/2025, có 478 khu công nghiệp với tổng diện tích khoảng 146 nghìn ha.

8. Hiện có 8 trung tâm logistics, 11 cảng cạn và 16 điểm thông quan hàng hoá (ICD), Việt Nam hiện có chỉ số LPI đứng trong nhóm 25 nước hoạt động ổn định, đứng vị trí thứ 43 trên thế giới năm 2023 (điểm LPI tăng lên mức 3,3 điểm so với mức 3,27 điểm năm 2018).

điện tử trở thành kênh phân phối quan trọng. Du lịch phục hồi mạnh mẽ, khách quốc tế đến Việt Nam đạt 21,2 triệu lượt vào năm 2025.

Năng suất lao động nông nghiệp tăng từ 71,9 triệu đồng/lao động năm 2020 lên trên 111 triệu đồng/lao động năm 2025. Nhóm 13 sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia⁹, chủ lực cấp tỉnh và sản phẩm đặc sản địa phương (OCOP) từng bước được nâng cao chất lượng; tỉ trọng sản phẩm chất lượng cao, qua chế biến tăng nhanh; có 10 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỉ USD, trong đó 3 nhóm mặt hàng trên 8 tỉ USD¹⁰; xuất khẩu nông sản Việt Nam đứng thứ 15 thế giới, thứ 2 Đông Nam Á và hiện có mặt ở trên 200 quốc gia, vùng lãnh thổ, nhiều loại nông sản Việt Nam thuộc nhóm dẫn đầu thế giới.

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả sang cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao hơn. Giá trị 1 ha đất trồng trọt tăng từ 102,7 triệu đồng năm 2020 lên 143,1 triệu đồng năm 2025; nhiều địa phương tạo ra một số mô hình đem lại giá trị cao, đạt từ 700 triệu - 1 tỉ đồng/ha. Nhiều mô hình nông nghiệp tập trung, ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi theo chuỗi khép kín, tuân thủ các quy trình kiểm soát chất lượng, cấp mã vùng trồng, sản phẩm đạt tiêu chuẩn thị trường các nước phát triển. Đã sản xuất được vắc xin phòng bệnh dịch tả lợn châu Phi phục vụ phòng, chống dịch bệnh trong nước và xuất khẩu. Nâng cao hiệu quả khai thác hải sản xa bờ gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia. Chương trình bảo vệ và phát triển rừng bền vững được thực hiện hiệu quả, mở rộng diện tích rừng trồng tập trung và cây phân tán.

Các mô hình nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao được phát triển. Lực lượng doanh nghiệp nông nghiệp tăng mạnh; hiệu quả hoạt động của các liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã nông nghiệp được nâng cao. Một số tổ hợp chế biến nông sản lớn với công nghệ tiên tiến được đầu tư; góp phần tăng tỉ lệ nông sản chế biến xuất khẩu lên 45% tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản.

b) Cơ cấu lại các lĩnh vực trọng tâm của nền kinh tế

Thế chế về đầu tư công tiếp tục được sửa đổi, hoàn thiện để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai dự án; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền. Chỉ đạo, điều hành quyết liệt đầu tư công, tập trung vốn đầu tư công cho các công trình trọng điểm quốc gia, có sự lan toả cao, kết nối vùng, liên vùng, khắc phục

9. Bao gồm: gạo, cà phê, cao su, điều, hồ tiêu, chè, rau quả, sản và sản phẩm từ sản, thịt lợn, thịt và trứng gia cầm, cá tra, tôm, gỗ và sản phẩm từ gỗ.

10. Bao gồm: rau quả, cà phê, gỗ và sản phẩm gỗ.

căn bản tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán¹¹. Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công đã có những bước cải thiện.

Cơ chế, chính sách về đổi mới, sắp xếp lại và nâng cao chất lượng hoạt động của doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được hoàn thiện. Việc xử lý các dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả, doanh nghiệp thua lỗ kéo dài đạt kết quả tích cực. Các doanh nghiệp nhà nước được phân cấp, phân quyền, trao quyền chủ động hơn. Một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước có quy mô lớn, thương hiệu tốt, hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, có khả năng cạnh tranh khu vực và quốc tế, giữ vững vị trí then chốt của nền kinh tế.

Khu vực kinh tế tư nhân phát triển năng động với số lượng doanh nghiệp ngày càng tăng, đóng góp khoảng 51% GDP¹², trên 30% thu ngân sách, sử dụng 82% lao động. Bước đầu hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân có quy mô lớn, hoạt động đa ngành, có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Đã thu hút được một số doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư cho nghiên cứu và triển khai khoa học công nghệ kết nối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Cơ chế, chính sách về kinh tế tư nhân có bước đổi mới mạnh mẽ, nhất là từ năm 2025, theo hướng phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia.

Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng được tích cực triển khai, bảo đảm hệ thống ngân hàng hoạt động an toàn, từng bước áp dụng chuẩn mực quốc tế. Tăng trưởng tín dụng đạt bình quân khoảng 15%/năm, tập trung cho sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên; mặt bằng lãi suất có xu hướng giảm. Mạng lưới phân phối sản phẩm dịch vụ ngân hàng phát triển nhanh, hiện đại, có độ phủ rộng khắp; năng lực tài chính, chất lượng quản trị, điều hành từng bước được củng cố, nâng cao. Phát triển dịch vụ ngân hàng mới, hiện đại hoá hệ thống công nghệ thông tin và thanh toán không dùng tiền mặt được đẩy mạnh. Cơ cấu lại, xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, xử lý nợ xấu¹³, sở hữu chéo trong hệ thống các tổ chức tín dụng đạt nhiều kết quả tích cực; sự ổn định, an toàn của hệ thống các tổ chức tín dụng được giữ vững.

11. Tổng số dự án vốn đầu tư công ngân sách trung ương giảm từ 11 nghìn giai đoạn 2016 - 2020 xuống còn dưới 5 nghìn giai đoạn 2021 - 2025.

12. Đến năm 2025, khu vực kinh tế nhà nước chiếm khoảng 20% GDP, khu vực kinh tế tư nhân khoảng 51% GDP (trong đó doanh nghiệp tư nhân chiếm 28% GDP, hộ sản xuất chiếm 23% GDP), khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài khoảng 21% GDP, thuế sản phẩm trừ trợ cấp khoảng 8% GDP.

13. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng tại các tổ chức tín dụng cơ bản trong tầm kiểm soát, đến cuối tháng 11/2025 là 3,79% (cuối năm 2024 là 4,05%).

4. Về 3 đột phá chiến lược

a) Về hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Công tác xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật được tập trung thực hiện và có nhiều đột phá. Đổi mới mạnh mẽ tư duy, cách nghĩ, cách làm, phương pháp xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới theo tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị; xây dựng luật đi đôi với xây dựng văn bản hướng dẫn, bảo đảm luật đi vào thực tiễn cuộc sống ngay khi có hiệu lực thi hành. Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ sở pháp lý để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn trong thực thi, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp. Nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoàn thiện khung khổ pháp lý của nền kinh tế thị trường, tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng, kiến tạo sự phát triển trên không gian số, thể chế hoá đầy đủ quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân... được nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi. Chất lượng văn bản pháp luật được nâng lên. Cơ bản hoàn thành việc rà soát, loại bỏ những mâu thuẫn, chồng chéo, xung đột, thủ tục hành chính không còn phù hợp trong pháp luật đầu tư kinh doanh. Chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện đáng kể.

Các loại thị trường tiếp tục được hình thành đồng bộ, phát triển nhanh, gắn với thị trường khu vực và thế giới. Một số loại thị trường mới đã và đang được hoàn thiện các điều kiện để hình thành và phát triển như thị trường tín chỉ cacbon, tài chính xanh...

Phân cấp, phân quyền giữa các cơ quan trung ương và chính quyền địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương được đẩy mạnh. Thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù, phân cấp cho một số địa phương và từng bước mở rộng phạm vi áp dụng.

Hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm toán được đẩy mạnh, tập trung vào những lĩnh vực trọng yếu để phát sinh tiêu cực. Công tác hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, đăng ký giao dịch bảo đảm cơ bản đáp ứng yêu cầu của người dân, doanh nghiệp.

b) Về phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam

Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển dịch tích cực, tỉ lệ lao động nông nghiệp giảm từ 33,1% năm 2020 xuống còn khoảng 25,7% năm 2025. Chất lượng nguồn nhân lực ngày càng được nâng cao; tỉ lệ lao động qua đào tạo tăng từ

64,5% năm 2020 lên 70% năm 2025, trong đó tỉ lệ lao động có bằng, chứng chỉ tăng từ 24,1% năm 2020 lên khoảng 29,2% năm 2025.

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đạt được một số kết quả tích cực. Hệ thống giáo dục quốc dân cơ bản được hoàn thiện theo hướng mở, liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Phương thức giáo dục đa dạng và linh hoạt, đào tạo trực tuyến ngày càng phổ biến. Trình độ đào tạo và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục các cấp được nâng lên. Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy, học được đầu tư, từng bước được cải thiện. Chất lượng giáo dục phổ thông cả đại trà và mũi nhọn ngày càng nâng cao.

Giáo dục nghề nghiệp có nhiều chuyển biến, chất lượng đào tạo nghề từng bước được nâng lên. Quan tâm phát triển nhân lực chất lượng cao, nhất là trong lĩnh vực sản xuất chip và bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ thông tin...

Đổi mới giáo dục đại học gắn với tăng cường tự chủ đã tạo ra động lực mới, tạo chuyển biến mạnh về chất lượng, hiệu quả trong đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học. Chất lượng đào tạo được nâng lên, số lượng công bố khoa học quốc tế tăng mạnh, một số cơ sở giáo dục đại học và nhóm ngành đào tạo được xếp hạng cao trong khu vực châu Á và thế giới¹⁴.

Hệ thống giáo dục thường xuyên được mở rộng và đa dạng hoá các hình thức học tập, thúc đẩy xã hội học tập và học tập suốt đời. Giáo dục tại các vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và giáo dục hoà nhập được quan tâm hơn. Tập trung triển khai trường học liên cấp ở các xã biên giới đất liền; trong đó, khởi công 100 trường trong năm 2025. Xã hội hoá giáo dục được đẩy mạnh; mạng lưới các cơ sở đào tạo ngoài công lập phát triển nhanh.

Cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số có sự đổi mới bước đầu mang tính căn bản theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đã triển khai xây dựng, hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia và Trung tâm dữ liệu quốc gia; qua đó góp phần tạo động lực thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, đổi mới mô hình tăng trưởng và nâng cao giá trị gia tăng của nền kinh tế. Một số lĩnh vực khoa học tự nhiên đạt trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới. Số lượng công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế tiếp tục tăng. Nhiều thành tựu khoa

14. Năm 2025, Việt Nam có 10 cơ sở giáo dục đại học lọt vào Bảng xếp hạng các đại học trên thế giới năm 2026 (QS WUR 2026); 25 cơ sở giáo dục đại học lọt vào bảng xếp hạng các đại học châu Á năm 2026.

học, công nghệ hiện đại được ứng dụng nhanh chóng và rộng rãi trong các lĩnh vực y tế, nông nghiệp, công nghiệp, thông tin...

Hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia được hình thành và phát triển. Đã hình thành mạng lưới đổi mới sáng tạo Việt Nam, hợp tác với mạng lưới toàn cầu. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam liên tục được cải thiện, thuộc nhóm dẫn đầu trong các quốc gia thu nhập trung bình¹⁵. Thị trường khoa học và công nghệ có bước phát triển; hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia được hình thành và phát triển. Các khu công nghệ cao được đẩy mạnh đầu tư. Hệ thống tiêu chuẩn, đo lường chất lượng, bảo hộ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ tiếp tục được củng cố, phát triển, phù hợp với các tiêu chuẩn, cam kết quốc tế.

Đội ngũ trí thức, khoa học công nghệ phát triển cả về số lượng và chất lượng, trong đó một số nhà khoa học có uy tín được thế giới công nhận, vinh danh. Việc chuyển đổi tổ chức khoa học và công nghệ công lập sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm được đẩy mạnh. Một số tổ chức khoa học và công nghệ tiên tiến tầm quốc tế đã được thành lập ở cả khu vực công và tư¹⁶.

Việc phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia được triển khai thực hiện một cách mạnh mẽ, quyết liệt từ Trung ương đến địa phương. Chuyển đổi số quốc gia được đẩy mạnh, phát triển Chính phủ số¹⁷, kinh tế số, xã hội số đạt kết quả tích cực.

Nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của giá trị văn hoá, con người Việt Nam đối với sự phát triển bền vững đất nước được nâng lên rõ rệt và lan toả trong xã hội. Xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá Việt Nam. Công nghiệp văn hoá từng bước phát triển, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

c) Về phát triển kết cấu hạ tầng

Việc thực hiện đột phá chiến lược về phát triển kết cấu hạ tầng được triển khai quyết liệt và đạt được nhiều kết quả nổi bật. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có bước phát triển bứt phá, chất lượng được cải thiện, nhiều công trình hạ tầng quan trọng quy mô lớn được đầu tư, nâng cấp, góp phần làm thay đổi rõ rệt diện mạo đất nước và mở ra không gian phát triển mới. Nhiều công

15. Theo Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), năm 2025, Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Việt Nam đứng thứ 44/139 quốc gia, tăng 4 bậc so với năm 2022.

16. Viện Khoa học và công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc (V-KIST), Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán, Viện nghiên cứu và phát triển Viettel, Viện Nghiên cứu dữ liệu lớn thuộc Vintech và Viện Nghiên cứu công nghệ cao Vin Hi-Tech...

17. Theo Báo cáo khảo sát Chính phủ điện tử năm 2024 của Liên hợp quốc, Việt Nam đã vươn lên vị trí thứ 71/193 quốc gia, tăng 15 bậc so với năm 2022.

trình giao thông quan trọng, quy mô lớn được đầu tư, nâng cấp. Đến năm 2025, cả nước có 3.335 km đường bộ cao tốc, cơ bản hoàn thành đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông và triển khai xây dựng một số tuyến đường bộ cao tốc trục ngang¹⁸. Hai cảng biển cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện và Cái Mép - Thị Vải và các luồng vào cảng lớn được đầu tư nâng cấp, mở rộng. Các công trình cảng hàng không quan trọng được hoàn thành¹⁹, xây dựng cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1. Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường thủy nội địa quan trọng, liên vùng²⁰. Triển khai xây dựng một số tuyến đường vành đai²¹ và đưa vào hoạt động một số tuyến đường sắt đô thị tại hai đô thị lớn²². Chuẩn bị đầu tư đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam và các tuyến kết nối quốc tế, kết nối cảng biển cửa ngõ.

Hạ tầng cấp điện được tập trung đầu tư, nhiều công trình lớn (trên 1.000 MW) được hoàn thành; chú trọng phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch. Tích cực tháo gỡ khó khăn, đưa nhiều dự án có vai trò quan trọng đi vào vận hành²³. Hoàn thành Dự án đường dây 500 KV mạch 3 Quảng Trạch (Quảng Bình) - Phó Nội (Hưng Yên) trong thời gian ngắn kỷ lục. Hạ tầng thủy lợi²⁴, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu được quan tâm đầu tư.

Hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng số tiếp tục được mở rộng, hiện đại hoá và phát triển mạnh. Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng số theo hướng hiện đại hoá và đi trước một bước để thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia²⁵. Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia được hình thành²⁶, từng bước tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương. Hạ tầng bưu chính từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế số, đặc biệt là của thương mại điện tử.

18. Khánh Hoà - Buôn Ma Thuột, Biên Hoà - Vũng Tàu, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Ninh Bình - Hải Phòng, Gia Nghĩa - Chơn Thành...

19. Hoàn thành nâng cấp đường cát, hạ cánh và đường lăn tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài và Tân Sơn Nhất, Cảng hàng không Điện Biên, nhà ga hành khách Cảng hàng không quốc tế Phú Bài; hoàn thành xây dựng nhà ga T3 Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, mở rộng nhà ga T2 Cảng hàng không quốc tế Nội Bài...

20. Hoàn thành kênh nối Đáy - Ninh Cơ và nâng cấp kênh Chợ Gạo giai đoạn 2; triển khai dự án nâng cao tỉnh không các cầu đường bộ cắt ngang tuyến đường thủy nội địa quốc gia - giai đoạn 1 (khu vực phía Nam), dự án nâng tỉnh không cầu Đuống...

21. Vành đai 4 vùng Thủ đô Hà Nội, Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

22. Tuyến Cát Linh - Hà Đông, đoạn trên cao tuyến Nhón - ga Hà Nội; tuyến Bến Thành - Suối Tiên.

23. Như dự án nhà máy điện Sông Hậu 1, dự án nhà máy điện Thái Bình 2, dự án nhà máy nhiệt điện BOT Văn Phong 1, BOT Nghi Sơn 2... Tháo gỡ khó khăn trong khâu chuẩn bị đầu tư cho dự án điện khí Ô Môn.

24. Một số công trình thủy lợi lớn đã được hoàn thành và phát huy tác dụng như: Hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé (An Giang), hồ chứa nước Krông Pách Thượng (Đắk Lắk), hồ chứa nước sông Chò (Khánh Hoà), hồ chứa nước Cánh Tạng (Phú Thọ)...

25. Độ phủ sóng 4G của Việt Nam đạt 99,8%, cao hơn các nước có thu nhập cao (99,4%). 100% xã, phường có hạ tầng băng rộng cáp quang; độ phủ cáp quang đến từng hộ gia đình đạt 80,1%, cao hơn trung bình thế giới (khoảng 60%). Tỷ lệ người dùng điện thoại thông minh (smartphone)/người dùng điện thoại di động ước đạt 84,4%, cao hơn trung bình thế giới (63%).

26. Như cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, về đăng ký doanh nghiệp, về bảo hiểm, về cán bộ, công chức, viên chức...

Nhiều công trình hạ tầng cho giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, y tế và các thiết chế văn hoá, thể thao... đã được chú trọng đầu tư. Hạ tầng nông thôn được quan tâm đầu tư, góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn.

5. Về phát triển kinh tế vùng, kinh tế biển, đô thị và xây dựng nông thôn mới

a) Phát triển vùng

Phát triển kinh tế - xã hội các vùng, liên vùng được đặc biệt quan tâm, từng bước xây dựng các hành lang kinh tế, vùng động lực, cực tăng trưởng nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế các vùng, các địa phương. Cơ chế điều phối vùng được hoàn thiện hơn; vai trò của các hội đồng điều phối vùng được phát huy; liên kết vùng được đẩy mạnh. Nhiều dự án có quy mô vùng và có tính chất liên kết vùng được triển khai thực hiện.

Công tác quy hoạch có bước đột phá. Chất lượng quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành, vùng, các địa phương được nâng cao, bảo đảm tính liên kết và đồng bộ, tạo thêm các động lực tăng trưởng và không gian phát triển mới.

b) Phát triển kinh tế biển

Kinh tế biển được thúc đẩy phát triển, đạt kết quả tích cực; hệ thống cảng biển, đường ven biển, hệ thống đê, kè biển, hạ tầng các đảo... được quan tâm đầu tư; đời sống vật chất và tinh thần của người dân khu vực ven biển và hải đảo được cải thiện. Nghiên cứu khoa học, điều tra cơ bản về biển đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng tiếp tục được chú trọng. Đã ban hành cơ chế lấn biển tạo thêm không gian phát triển mới.

Hình thành và phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch gắn với chuỗi đô thị ven biển; triển khai nghiên cứu, hình thành các khu thương mại tự do tại một số địa phương. Các lợi thế của biển được phát huy hiệu quả hơn, từng bước thực hiện mục tiêu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh, an toàn.

c) Phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới

Đô thị hoá và phát triển đô thị đã và đang trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội; đến năm 2025, tỉ lệ đô thị hoá đạt khoảng 45%. Chất lượng đô thị tiếp tục được nâng cao; bước đầu đã hình thành cực tăng trưởng kinh tế và trung tâm đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ, giáo

dục, đào tạo tại các đô thị lớn. Hạ tầng đô thị được đầu tư, mở rộng và hoàn thiện theo hướng hiện đại, đồng bộ.

Tính đến ngày 30/6/2025, cả nước có 80% xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 42,2% xã nông thôn mới nâng cao, 12,2% xã nông thôn mới kiểu mẫu; có 24 tỉnh, thành phố có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; có 13 tỉnh được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới²⁷. Đã có trên 18,2 nghìn sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên với hơn 9 nghìn chủ thể OCOP. Cơ cấu kinh tế, trình độ sản xuất và diện mạo khu vực nông thôn thay đổi rõ rệt.

6. Về phát triển văn hoá, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân

a) Về văn hoá

Phát triển văn hoá, xã hội và con người có nhiều mặt tiến bộ. Nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của văn hoá được nâng lên rõ rệt và lan toả trong xã hội. Quan điểm, cơ chế, chính sách phát triển văn hoá được bổ sung, hoàn thiện. Xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025 - 2035. Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam được tập trung xây dựng. Từng bước thực hiện mục tiêu xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thực sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội.

Giá trị văn hoá truyền thống và di sản văn hoá của dân tộc được kế thừa, bảo tồn và phát huy; văn hoá trong chính trị, kinh tế được coi trọng hơn. Cơ bản đã hình thành hệ thống thiết chế văn hoá theo nhiều cấp độ từ Trung ương đến địa phương, đáp ứng nhu cầu của người dân, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về hưởng thụ văn hoá giữa các vùng, miền. Sản phẩm văn hoá, nghệ thuật ngày càng đa dạng, phong phú. Ngành công nghiệp văn hoá đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hoá, danh lam thắng cảnh, văn hoá các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt được kết quả tích cực. Nhiều di sản văn hoá được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc công nhận là di sản thế giới. Việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, thiên nhiên gắn với phát triển du lịch bền vững được chú trọng.

27. Số liệu tính theo số tỉnh, xã khi chưa sáp nhập.

Phát triển con người Việt Nam đạt được nhiều thành tựu về tầm vóc, thể lực và trình độ; xếp hạng chỉ số hạnh phúc được nâng lên từ thứ 83 năm 2020 lên thứ 46 năm 2025, tăng 37 bậc²⁸. Chỉ số phát triển con người của Việt Nam được cải thiện rõ rệt, đạt 0,766 điểm, cao hơn nhiều so với các nước có cùng mức thu nhập. Phong trào thể thao quần chúng được phát triển mạnh. Hệ thống cơ sở thể dục, thể thao được đầu tư, xây dựng. Thể thao thành tích cao đạt được một số kết quả tích cực.

b) Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân

Tuổi thọ và chỉ số sức khoẻ người dân bình quân của cả nước được cải thiện, năm 2025 tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh là 74,8 năm, số năm sống khoẻ khoảng 67 năm. Phòng, chống đại dịch Covid-19 được triển khai quyết liệt, linh hoạt, hiệu quả. Mạng lưới cơ sở y tế phát triển rộng khắp; năng lực và chất lượng khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế các tuyến được nâng lên. Thực hiện đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế. Mở rộng hoạt động khám chữa bệnh từ xa, chuyển giao kỹ thuật, kịp thời hỗ trợ cho tuyến dưới. Hệ thống y tế tư nhân tiếp tục được phát triển và mở rộng. Trình độ chuyên môn và năng lực của đội ngũ nhân lực y tế được nâng lên; làm chủ nhiều kỹ thuật cao, nhất là ghép tạng. Lĩnh vực dược, thiết bị y tế có bước tiến bộ. Vắc xin sản xuất trong nước cơ bản đã đáp ứng chương trình tiêm chủng mở rộng²⁹.

Kết hợp giữa y học cổ truyền và y học hiện đại ngày càng chặt chẽ³⁰. Cơ chế hoạt động, tài chính, giá dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập được đổi mới; nhiều bệnh viện công lập đã tự chủ được tài chính. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế tăng từ 90,9% năm 2020 lên 95,2% năm 2025. Y tế dự phòng, y tế cơ sở, mô hình bác sĩ gia đình được tăng cường; hình thành hệ thống trung tâm kiểm soát dịch bệnh ở các cấp. Các dịch bệnh truyền nhiễm được kiểm soát, quản lý bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng bước đầu được triển khai hiệu quả. Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, môi trường y tế, kiểm soát các nguy cơ đối với sức khoẻ có kết quả tích cực. Từng bước chuyển trọng tâm từ công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển; bỏ quy định về giới hạn sinh con. Chất lượng dân số từng bước cải thiện, giảm tử vong bà mẹ và trẻ em.

c) Chính sách người có công với cách mạng, trợ giúp xã hội, an sinh xã hội, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân

Các chính sách giảm nghèo được triển khai rộng khắp và có hiệu quả; đời sống của người nghèo từng bước được cải thiện, nhất là ở khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Tỷ lệ hộ nghèo đa

28. Theo Báo cáo Hạnh phúc thế giới năm 2025.

29. Đến thời điểm hiện tại đã sản xuất được 11/12 vắc xin trong tiêm chủng mở rộng.

30. Tỷ lệ bệnh viện y học hiện đại có khoa hoặc tổ y học cổ truyền chiếm 89,6%.

chiều theo chuẩn nghèo của Chính phủ giảm từ 4,2% năm 2022 xuống còn khoảng 1,3% năm 2025.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng. Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, huy động nguồn lực xã hội chăm lo đời sống người có công với cách mạng được đẩy mạnh. Đời sống người có công và thân nhân người có công tiếp tục được cải thiện, nâng cao hơn.

Chính sách an sinh xã hội chuyển từ "bảo đảm và ổn định" sang "ổn định và phát triển". Số người hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên được mở rộng, năm 2025 trên 3,5 triệu người, trong đó trên 55% là người cao tuổi. Đối tượng yếu thế, người có hoàn cảnh khó khăn trong xã hội được quan tâm hỗ trợ³¹.

Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em được tăng cường; thường xuyên quan tâm phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em, phòng ngừa, ứng phó với xâm hại, bạo lực đối với trẻ em. Giáo dục đạo đức lối sống cho thanh, thiếu niên được quan tâm.

Công tác chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm. Số người cao tuổi có lương hưu, được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tăng lên, trên 95% người cao tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế, được quan tâm khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe.

Bình đẳng giới ngày càng thực chất, vai trò và địa vị của phụ nữ được cải thiện, nâng lên rõ rệt. Công tác phòng, chống bạo lực gia đình đạt được kết quả tích cực. Chỉ số xếp hạng về bình đẳng giới của Việt Nam năm 2025 đứng thứ 74/148 quốc gia, tăng 13 bậc so với năm 2021³².

Thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tiền lương. Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tiếp tục mở rộng. Quản lý nhà nước về quan hệ lao động có sự chuyển biến tích cực, quan hệ lao động được cải thiện. Đã từng bước thực hiện cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

Công tác giải quyết việc làm cho người lao động được quan tâm, duy trì tỉ lệ thất nghiệp luôn ở mức thấp dưới 3%. Thực hiện hiệu quả các giải pháp hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động trong và sau đại dịch Covid-19, góp phần ổn định, phục hồi và phát triển thị trường lao động. Phát triển nhà ở xã hội được đặc biệt quan tâm đầu tư; tích cực thực hiện Đề án đầu tư xây dựng ít

31. Bảo đảm 100% đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; 100% người dân bị thiệt hại do thiên tai lũ lụt, thiếu đói được trợ giúp đột xuất kịp thời, không người dân nào bị đói.

32. Theo Báo cáo khoảng cách giới toàn cầu công bố năm 2025 của Diễn đàn Kinh tế thế giới.

nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội; thành lập "Quỹ nhà ở xã hội quốc gia". Đến năm 2025, cơ bản hoàn thành xoá nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước.

Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo; khôi đại đoàn kết dân tộc được củng cố và tăng cường. Ưu tiên nguồn lực đầu tư, hỗ trợ cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và địa bàn đặc biệt khó khăn; đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào được cải thiện rõ rệt. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân được quan tâm, bảo đảm. Phòng, chống tệ nạn xã hội được đẩy mạnh; quản lý sau cai nghiện và hỗ trợ tìm việc làm, hỗ trợ sinh kế cho người sau cai nghiện đạt hiệu quả tích cực. Thực hiện mục tiêu phát triển bền vững (SDG) đã đạt được những kết quả tích cực.

d) Công tác thông tin, truyền thông

Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các sự kiện lớn của đất nước. Truyền thông, báo chí, xuất bản đã góp phần truyền tải ra thế giới những thông tin sinh động, đa chiều về đất nước, con người Việt Nam. Hệ thống thông tin cơ sở được củng cố và hiện đại hoá. Đấu tranh hiệu quả với các hành vi đưa, lan truyền thông tin xấu, độc, sai sự thật, xuyên tạc, các quan điểm, tư tưởng sai trái, nhất là trên không gian mạng.

7. Về quản lý và sử dụng tài nguyên; bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

Công tác điều tra cơ bản, quy hoạch, quản lý và khai thác tài nguyên, quan trắc, đánh giá, giám sát chất lượng môi trường tiếp tục được tăng cường; các nguồn tài nguyên được quy hoạch, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả hơn. Chính sách, pháp luật về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường tiếp tục được đổi mới, hoàn thiện; tháo gỡ nhiều bất cập trong quy định về quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường. Các thị trường quyền sử dụng đất, quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản, tín chỉ cacbon... từng bước được hình thành.

Quản lý chất thải và kiểm soát môi trường khu công nghiệp có nhiều tiến bộ. Việc kiểm soát ô nhiễm môi trường các lưu vực sông, đô thị, làng nghề được quan tâm triển khai. Việc xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được đẩy mạnh. Bảo vệ, phát triển, nâng cao chất lượng rừng được chú trọng, nhất là rừng đầu nguồn; độ che phủ rừng được duy trì³³. Công

33. Công tác trồng rừng được triển khai tích cực, bình quân hàng năm trồng được hơn 280 nghìn ha rừng trồng tập

tác bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng, khu bảo tồn biển có nhiều tiến bộ. Các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh được thúc đẩy phát triển. Năm 2025, tỉ lệ thu gom, xử lý chất thải nguy hại đạt khoảng 97%, tỉ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt khoảng 95%; tỉ lệ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn của dân cư thành thị và nông thôn đạt lần lượt 99% và 60%; tỉ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường là 95,5%; tỉ lệ che phủ rừng là 42,03%.

Phòng, chống thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển, nhất là tại đồng bằng sông Cửu Long và công tác bảo vệ, phát triển tài nguyên nước, ứng phó với các thách thức về nguồn nước xuyên biên giới được các cấp, các ngành quan tâm, chỉ đạo.

8. Về củng cố, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia

Tiềm lực quốc phòng, an ninh được củng cố, tăng cường trên nhiều mặt; an ninh chính trị được giữ vững. Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại đạt được nhiều kết quả quan trọng; cơ bản hoàn thành điều chỉnh sắp xếp tổ chức Quân đội, Công an tinh, gọn, mạnh; lấy xây dựng vững mạnh về chính trị làm cơ sở, nâng cao chất lượng tổng hợp, trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức mạnh chiến đấu đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, chất lượng ngày càng cao; dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp ở các ngành, địa phương, nhất là khu vực biển, đảo và các địa bàn chiến lược, trọng điểm.

Xây dựng "thế trận lòng dân" gắn với thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc; thiết lập thế trận quốc phòng, an ninh liên hoàn bên trong, bên ngoài biên giới quốc gia và trên không gian mạng. Đã phát huy vai trò nòng cốt của các khu kinh tế - quốc phòng gắn với phát triển kinh tế - xã hội ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển, đảo, vùng đặc biệt khó khăn. Chất lượng xây dựng, hoạt động của các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố và phòng thủ quân khu được nâng lên; phòng thủ dân sự được chú trọng; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận an ninh nhân dân và xây dựng thế trận lòng dân vững chắc được quan tâm đẩy mạnh và đạt được kết

trung (bao gồm trồng mới và trồng lại rừng sau khai thác), trong đó 95% là rừng sản xuất. Đến nay, diện tích rừng trồng đạt 4,74 triệu ha; tỉ lệ che phủ rừng đạt 42,03%.

quả quan trọng, bền vững. Đã quan tâm đầu tư phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh lưỡng dụng, áp dụng công nghệ cao, sản phẩm đa dạng.

Đã chủ động phát hiện, dự báo đúng tình hình, kịp thời đề ra đối sách phù hợp, không để bị động, bất ngờ; ngăn ngừa từ sớm, từ xa các nguy cơ chiến tranh, xung đột, mất an ninh. Bảo đảm tuyệt đối an ninh, an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị, văn hoá, kinh tế, xã hội quan trọng của đất nước. Triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh văn hoá, an ninh thông tin, truyền thông, an ninh kinh tế, an ninh, an toàn thông tin mạng³⁴, an ninh môi trường. Giữ vững chủ quyền số quốc gia trên không gian mạng. Bảo đảm ngày càng vững chắc an ninh xã hội, an ninh tôn giáo, dân tộc, an ninh tại các địa bàn chiến lược, trọng điểm, không để xảy ra các "điểm nóng"; kịp thời phát hiện, chủ động xử lý hiệu quả các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự gây bức xúc trong dư luận, củng cố niềm tin của Nhân dân.

Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được đẩy mạnh. Xây dựng Công an cấp xã, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự, đưa Công an gần dân, sát dân để phục vụ. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm được triển khai quyết liệt, đồng bộ, kiểm soát sự gia tăng tội phạm một cách căn bản và bền vững. Đã điều tra, khám phá có hiệu quả nhiều vụ án về tội phạm sử dụng công nghệ cao, các vụ án về tội phạm ma túy có yếu tố nước ngoài, hoạt động xuyên quốc gia..., góp phần xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, lành mạnh.

Công tác khắc phục hậu quả chiến tranh, ứng phó thảm hoạ, thiên tai, dịch bệnh, phòng, chống cháy nổ, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ được tăng cường. Đóng góp tích cực vào hoạt động phòng, chống khủng bố, bảo đảm an ninh mạng, phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Tham gia có hiệu quả lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc và hoạt động cứu hộ, cứu nạn quốc tế.

9. Về công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế

Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế tiếp tục đi vào chiều sâu, hiệu quả, đạt nhiều thành tựu quan trọng, nổi bật, có ý nghĩa chiến lược và lâu dài, tạo cục diện đối ngoại mới, rộng mở, thuận lợi cho an ninh và phát triển, nâng cao vị thế đất nước, thể hiện vai trò là một mặt trận tiên phong trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, huy động các nguồn lực, tranh thủ các điều

34. 100% bộ, cơ quan ngang bộ, uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai và duy trì mô hình an toàn thông tin mạng 4 lớp. Đang thực hiện phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản thông qua sử dụng các nền tảng Make in Vietnam.

kiện thuận lợi bên ngoài cho phát triển đất nước và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân được mở rộng, làm sâu sắc quan hệ với các đối tác, trọng tâm là các nước láng giềng, các nước lớn, bạn bè truyền thống; nâng cấp, nâng tầm quan hệ với các đối tác chủ chốt; đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 194 nước, trong đó quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 14 nước, đối tác chiến lược với 14 nước, đối tác toàn diện với 14 nước. Công tác phân định, giải quyết một số vấn đề biên giới lãnh thổ đạt được những kết quả rất quan trọng, củng cố đường biên giới hoà bình, hữu nghị và ổn định.

Ngoại giao kinh tế được đẩy mạnh, khai thác hiệu quả các cơ hội hợp tác kinh tế. Công tác ngoại giao vắc xin đã đóng góp tích cực, hiệu quả trong phòng, chống đại dịch Covid-19³⁵. Tích cực triển khai các hiệp định thương mại tự do, tham gia một số sáng kiến liên kết kinh tế, khuôn khổ hợp tác kinh tế mới. Đối ngoại đa phương chuyển từ tham gia sang chủ động đề xuất nhiều sáng kiến, giải pháp tại các cơ chế hợp tác quan trọng³⁶ để giải quyết các vấn đề chung của thế giới. Tham gia tích cực, hiệu quả lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc, cứu hộ, cứu nạn quốc tế.

Công tác người Việt Nam ở nước ngoài được đẩy mạnh; Đảng và Nhà nước chăm lo, giúp người Việt Nam ở nước ngoài củng cố tâm thế, vị thế và tăng cường uy tín của kiều bào; nguồn lực của kiều bào ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Công tác thông tin đối ngoại và ngoại giao văn hoá tiếp tục góp phần xây dựng thương hiệu, lan toả giá trị, nâng cao hình ảnh, vị thế đất nước và đã trở thành trụ cột quan trọng góp phần nâng cao sức mạnh mềm quốc gia trong thời kỳ mới. Làm tốt công tác bảo hộ công dân, nỗ lực bảo đảm an toàn tính mạng, sức khoẻ và quyền lợi hợp pháp, chính đáng của công dân Việt Nam ở nước ngoài.

10. Về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Việc thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng được thực hiện quyết liệt, trọng tâm, trọng điểm và hiệu quả hơn. Tập trung rà soát hệ thống pháp luật, loại bỏ các quy định còn chồng chéo, không phù hợp, gây cản trở cho phát

35. Tính đến tháng 9/2022, Việt Nam đã nhận tổng số hơn 258 triệu liều vắc xin Covid-19, trong đó nguồn viện trợ đạt gần 120 triệu liều, chiếm gần 50% số vắc xin tiếp nhận được, tiết kiệm cho ngân sách nhà nước hơn 900 triệu USD. Việt Nam là nước có số lượng tiêm, tốc độ tiêm và tỉ lệ bao phủ vắc xin cao thứ 4 thế giới.

36. Nhr ASEAN, Liên hợp quốc, Tiểu vùng Mê Công, APEC, AIPA, IPU, BRICS, G20...

triển và hoàn thiện theo hướng toàn diện, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, dễ tiếp cận, phù hợp, khả thi. Phương thức quản lý nhà nước đã từng bước điều chỉnh phù hợp hơn với yêu cầu phát triển đất nước và thông lệ quốc tế. Công tác tổ chức thực hiện pháp luật có nhiều chuyển biến tích cực; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên.

Đã quyết liệt thực hiện cuộc cách mạng về sắp xếp, tinh gọn tổ chức, bộ máy của cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương để nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, mở rộng không gian phát triển và tạo điều kiện thuận lợi cho phân cấp, phân quyền, cắt giảm thủ tục hành chính, tiết kiệm chi thường xuyên. Thực hiện sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã; thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập đã có nhiều chuyển biến tích cực.

Đã thực hiện một bước cải cách chế độ tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức. Quyết liệt đơn giản hoá, cắt giảm thủ tục hành chính, hướng tới xây dựng Chính phủ số. Năm 2025, thực hiện cắt giảm hơn 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính; bãi bỏ hơn 30% điều kiện kinh doanh không cần thiết; giảm hơn 30% chi phí tuân thủ pháp luật; mọi thủ tục liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch và hiệu quả, bảo đảm minh bạch, giảm tối đa giấy tờ; 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, thực hành tiết kiệm được đẩy mạnh. Nhiều vụ án tham nhũng, tiêu cực lớn đặc biệt nghiêm trọng, tồn đọng lâu, xảy ra trên diện rộng được xử lý nghiêm. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được quan tâm, tỉ lệ giải quyết các vụ việc đạt cao, nhiều vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, phức tạp, kéo dài được xem xét, giải quyết dứt điểm. Kỷ luật, kỷ cương hành chính, kỷ luật công vụ được tăng cường; hiệu quả, hiệu lực chỉ đạo, điều hành được nâng cao. Công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra; xử lý cán bộ vi phạm được đẩy mạnh hơn.

II- HẠN CHẾ, YẾU KÉM

1. Về tình hình kinh tế vĩ mô, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng

Ổn định kinh tế vĩ mô chưa thật vững chắc, chất lượng tăng trưởng cải thiện còn chậm, cơ cấu kinh tế và mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu chưa có nhiều thay đổi đáng kể. Chất lượng, hiệu quả, năng lực tự chủ và

sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Tăng trưởng kinh tế mới đạt xấp xỉ mục tiêu đề ra³⁷. Chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, năng lượng mới, vật liệu mới... chưa thực sự trở thành động lực tăng trưởng mới.

Năng suất lao động vẫn còn thấp hơn nhiều nước trong khu vực³⁸, chậm được cải thiện. Hệ số ICOR vẫn còn cao (6,4) do tập trung đầu tư cho hệ thống kết cấu hạ tầng và ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Đầu tư tư nhân tăng chậm³⁹; có thời điểm nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp quy mô sản xuất, cắt giảm sản lượng.

Thị trường tài chính còn tiềm ẩn rủi ro, có lúc xuất hiện nguy cơ tác động đến an toàn hệ thống. Tỷ lệ nợ xấu có xu hướng tăng. Thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp chưa thực sự trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn hiệu quả cho doanh nghiệp. Huy động các nguồn lực từ doanh nghiệp, người dân, quốc tế trong phát triển kết cấu hạ tầng còn hạn chế. Thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức; thiếu hụt nguồn cung ở một số phân khúc. Quản lý thị trường vàng còn chưa linh hoạt. Cán cân thương mại với một số thị trường lớn chưa bền vững, xuất khẩu chậm đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật mới trong thương mại quốc tế; giá trị xuất siêu chủ yếu dựa vào khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài⁴⁰.

Nền tảng công nghiệp hoá, hiện đại hoá chưa vững chắc, năng lực tự chủ công nghệ chậm cải thiện. Công nghiệp chủ yếu phát triển theo chiều rộng, khâu sản xuất gia công, lắp ráp, chế biến thô vẫn chiếm tỉ trọng lớn, giá trị gia tăng còn thấp, chưa tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn phát triển chậm; chưa làm chủ được công nghệ nguồn trong công nghiệp cơ khí chế tạo; đổi mới công nghệ, máy móc, thiết bị còn hạn chế. Công nghiệp hỗ trợ phát triển chậm, chưa đáp ứng yêu cầu.

Liên kết sản xuất giữa khu vực doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài và doanh nghiệp trong nước còn yếu, chậm cải thiện. Việc hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp, hệ sinh thái liên kết sản xuất còn hạn chế, chưa hình thành rõ nét những trung tâm công nghiệp có tính chuyên môn hoá, có sức cạnh tranh quốc tế.

37. Bình quân 5 năm 2021 - 2025 đạt khoảng 6,2%/năm, trong khi mục tiêu đề ra là 6,5 - 7,0%/năm.

38. Năng suất lao động theo PPP (năm 2021) của Việt Nam năm 2024 chỉ bằng 11,6% mức năng suất của Xingapo; 27% của Hàn Quốc; 30,6% của Nhật Bản; 37,5% của Malaixia; 66,9% của Thái Lan; 56,8% của Trung Quốc; 87,2% của Indônêxia và gấp 1,1 lần của Philippin.

39. Vốn đầu tư khu vực ngoài nhà nước theo giá so sánh năm 2010 giai đoạn 2021 - 2025 tăng bình quân 4,1%/năm, chỉ bằng gần 1/3 mức tăng giai đoạn 2015 - 2019 (13,4%).

40. Tỷ trọng xuất khẩu của khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài trong tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2020 là 72,3% và tăng lên 73% vào năm 2023; năm 2024 là 71,7%; năm 2025 là 77,3%.

Chất lượng dịch vụ chưa cao, sức cạnh tranh trên thị trường khu vực và quốc tế còn thấp; doanh nghiệp dịch vụ có quy mô nhỏ, ứng dụng công nghệ cao còn hạn chế. Nhập siêu dịch vụ còn cao, chậm khắc phục thâm hụt cán cân xuất nhập khẩu dịch vụ, nhất là ngành logistics. Chậm ứng dụng cơ chế, chính sách phát triển các ngành dịch vụ mới, dịch vụ ứng dụng công nghệ cao. Năng lực cạnh tranh của ngành du lịch chưa cao, thiếu sự hợp tác, liên kết theo chuỗi giữa các ngành, lĩnh vực; sản phẩm du lịch chưa thực sự đặc sắc, hấp dẫn đối với du khách, nhất là khách quốc tế. Kết nối giữa các phương thức vận tải hạn chế; thị phần vận tải hàng hoá xuất nhập khẩu thấp, đội tàu vận tải biển kém phát triển.

Phát triển nông nghiệp còn nhiều yếu tố thiếu bền vững, chậm chuyển đổi từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, sản xuất hàng hoá tập trung, quy mô lớn và tiêu chuẩn cao của thị trường quốc tế. Chất lượng và sức cạnh tranh của một số nông sản chưa cao, thị trường tiêu thụ tại một số thời điểm còn thiếu ổn định. Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản chưa phát triển mạnh, nhất là ở khâu bảo quản và chế biến sâu; đầu vào cho sản xuất còn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu⁴¹; tổn thất sau thu hoạch còn cao. Chưa tham gia sâu vào các khâu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Đầu tư công chưa thực sự phát huy vai trò dẫn dắt, kích hoạt hiệu quả các nguồn lực ngoài nhà nước. Còn nhiều khó khăn, vướng mắc trong đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng... Xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém gặp nhiều khó khăn. Năng lực, hiệu quả quản trị rủi ro tại một số tổ chức tín dụng còn bất cập; tình trạng "sở hữu chéo", cho vay các doanh nghiệp "nội bộ", "sân sau" còn phức tạp. Quy mô, mức độ an toàn vốn, năng lực tài chính và cạnh tranh của hệ thống các tổ chức tín dụng còn hạn chế so với các nước trong khu vực. Tiến độ cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp chậm, chưa đạt mục tiêu⁴². Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước còn thấp, chưa tương xứng với nguồn lực nắm giữ. Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước chưa có tác động tích cực rõ nét đến cơ cấu lại nền kinh tế.

Doanh nghiệp phát triển chậm, còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng⁴³. Khu vực doanh nghiệp tư nhân trong nước chủ yếu có quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, tạo ra giá trị gia tăng thấp, sức cạnh tranh, hiệu quả hoạt

41. Bao gồm: giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp, phân bón...

42. Kế hoạch tại Quyết định số 1479/QĐ-TTg, ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Cổ phần hoá 19 doanh nghiệp, sắp xếp lại 26 doanh nghiệp, trong đó 21 sắp xếp theo phương án riêng; thoái vốn 141 doanh nghiệp.

43. Năm 2024, số doanh nghiệp đang hoạt động tại thời điểm 31/12 là hơn 940 nghìn doanh nghiệp (mục tiêu đến năm 2025 là có hơn 1,5 triệu doanh nghiệp), khu vực kinh tế tư nhân đóng góp khoảng 50% GDP (mục tiêu đến năm 2025 là 55%).

động, kỹ năng quản trị còn hạn chế. Thiếu các tập đoàn, doanh nghiệp tư nhân trong nước quy mô lớn có khả năng dẫn dắt và tạo lập, phát triển mạng lưới sản xuất, cung ứng.

2. Về thực hiện 3 đột phá chiến lược

a) Về công tác hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế

Thể chế phát triển vẫn còn những yếu tố chưa thông thoáng, thuận lợi để huy động được tối đa các nguồn lực cho thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn thiếu đồng bộ, chưa đầy đủ để bảo đảm thị trường vận hành thông suốt, hiệu quả, chưa tạo khung khổ pháp lý đầy đủ, toàn diện, thuận lợi để khơi thông nguồn lực trong dân và giải phóng sức sản xuất của nền kinh tế. Tư duy xây dựng pháp luật còn nặng về quản lý hơn là kiến tạo phát triển, nhất là đối với những vấn đề, mô hình kinh tế mới; vẫn còn tư duy "quản được đến đâu thì mở đến đó", "không quản được thì cấm"⁴⁴. Một số chính sách, pháp luật chưa đáp ứng yêu cầu, chưa theo kịp với tình hình thực tiễn; còn tình trạng mâu thuẫn, chồng chéo trong một số văn bản pháp luật; việc áp dụng pháp luật đôi khi thiếu thống nhất. Phân cấp, phân quyền chưa mạnh mẽ, chưa rõ trách nhiệm, còn nhiều vướng mắc; mức độ trao quyền cho địa phương còn thấp. Vẫn còn nhiều thủ tục hành chính không cần thiết; dịch vụ công trực tuyến cải thiện chậm, chưa thuận tiện, thông suốt.

Hệ thống pháp luật, quy định về các mô hình kinh tế mới như kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn... chậm được ban hành, hoàn thiện. Các thị trường lao động, khoa học công nghệ, chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, đất đai, bất động sản còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Niềm tin thị trường của các nhà đầu tư, doanh nghiệp suy giảm.

b) Về nhân lực, giáo dục - đào tạo, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

Chất lượng nguồn nhân lực chưa có chuyên môn rõ nét; thiếu nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành kinh tế mũi nhọn, công nghệ cao, kinh tế số... Công tác đào tạo chưa gắn kết chặt chẽ, thường xuyên với yêu cầu sử dụng lao động và nhu cầu xã hội. Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo chưa đồng bộ, thiếu tính hệ thống, còn lúng túng. Còn tình trạng thiếu trường, lớp mầm non và phổ thông ở một số thành phố lớn, khu công nghiệp và miền núi. Một bộ phận nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục còn thụ

44. Theo Báo cáo Chỉ số tự do kinh tế thế giới công bố tháng 10/2024 (Viện Fraser, Canada), Việt Nam xếp thứ 99/165 quốc gia, vùng lãnh thổ. Trong khi đó, Xingapo xếp thứ 2, Malaixia thứ 29, Philippin và Indônêxia thứ 59, Thái Lan thứ 65.

động, ngại đổi mới, năng lực chưa đáp ứng yêu cầu. Liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo và thực hiện chủ trương phân luồng học sinh sau trung học cơ sở còn bất cập. Chất lượng giáo dục đại học chưa đáp ứng yêu cầu nhân lực cho các ngành kinh tế mới, công nghệ cao. Giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng ngoại ngữ⁴⁵, năng lực sáng tạo cho học sinh, sinh viên chưa theo kịp yêu cầu; sự phối hợp giữa giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội còn hạn chế. Chính sách, cơ chế tài chính cho giáo dục còn bất cập; cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị dạy học còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục, đào tạo.

Khoa học và công nghệ chưa trở thành động lực quan trọng cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo còn chậm, chưa có đột phá. Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia còn khoảng cách xa so với nhóm các nước phát triển. Sự liên kết trong hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, giữa các viện nghiên cứu, trường đại học với các doanh nghiệp chưa thực sự hiệu quả; doanh nghiệp chưa thực sự đóng vai trò trung tâm, quyết định cho đổi mới sáng tạo; thương mại hoá các kết quả nghiên cứu còn chậm⁴⁶. Nghiên cứu ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ chưa có bước đột phá, chưa làm chủ được công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ nguồn. Nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao còn thiếu; hạ tầng chưa đồng bộ, nhất là hạ tầng số còn nhiều hạn chế; an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu còn nhiều thách thức.

c) Về phát triển kết cấu hạ tầng

Hệ thống kết cấu hạ tầng còn thiếu đồng bộ, hiện đại; mức độ kết nối liên vùng chưa cao; chi phí logistics còn cao so với khu vực và quốc tế. Kết cấu hạ tầng giao thông tại các vùng kinh tế trọng điểm, đô thị lớn chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Giao thông đường bộ tại một số khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa còn khó khăn. Một số tuyến đường bộ cao tốc mới được đầu tư quy mô 2 làn xe hoặc 4 làn xe hạn chế. Tuyến đường ven biển chậm hoàn thành, nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long. Hệ thống đường sắt quốc gia lạc hậu; đường

45. Theo báo cáo của Tổ chức giáo dục Education First (tháng 11/2025), trình độ tiếng Anh của người Việt Nam xếp thứ 64/123 quốc gia, vùng lãnh thổ, tụt 6 bậc so với năm 2023.

46. Vương mắc về giao quyền sử dụng hoặc sở hữu tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; vướng mắc trong việc định giá kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; vướng mắc về phân chia lợi nhuận thu được từ thương mại hoá kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ được tạo ra từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; vướng mắc về thành lập doanh nghiệp khởi nguồn trên cơ sở nghiên cứu của đơn vị sự nghiệp công lập; vướng mắc trong cơ chế góp vốn và tổ chức hoạt động của doanh nghiệp dạng khởi nguồn công nghệ (spin-off) từ viện nghiên cứu, trường đại học.

sắt đô thị triển khai chậm; thiếu kết nối với các cảng biển và vận tải đa phương thức. Đầu tư một số cảng biển còn manh mún, thiếu đồng bộ, hiện đại, một số chưa khai thác hết công suất⁴⁷. Chưa phát huy tiềm năng của đường thủy nội địa tại các khu vực có lợi thế⁴⁸. Tỷ lệ khai thác công suất ở nhiều cảng hàng không ở mức thấp.

Kết cấu hạ tầng đô thị tại các thành phố lớn còn hạn chế dẫn tới tình trạng tắc nghẽn giao thông, ngập úng, ô nhiễm môi trường... kéo dài, chậm được xử lý. Hạ tầng xử lý rác thải, nước thải ở khu vực nông thôn chậm được đầu tư. Công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch phát triển hạ tầng điện còn nhiều bất cập; một số cơ chế, chính sách phát triển năng lượng chậm được ban hành; có thời điểm còn xảy ra tình trạng thiếu điện cục bộ. Hạ tầng số phát triển chậm, mạng thông tin di động 5G triển khai chưa đạt kỳ vọng. Hạ tầng logistics, kho chứa hàng hoá chưa theo kịp nhu cầu. Số lượng khách sạn, cơ sở lưu trú đạt chuẩn chưa tương xứng với tăng trưởng khách du lịch. Hạ tầng đa mục tiêu phục vụ sản xuất và phòng, chống thiên tai vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và bảo đảm an toàn, nhất là các hồ chứa nước, đập, đê lớn, hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá. Hạ tầng xã hội ở nhiều vùng nông thôn, nhất là các vùng miền núi còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu dịch vụ xã hội cơ bản.

3. Về phát triển kinh tế vùng, kinh tế biển, đô thị và xây dựng nông thôn mới

Tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng kinh tế của các vùng còn thấp so với mục tiêu đề ra; chưa khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng vùng và từng địa phương. Không gian phát triển vẫn còn bị chia cắt theo địa giới hành chính; cơ chế liên kết vùng chưa đi vào thực chất để hình thành không gian phát triển thống nhất, phân bổ hiệu quả nguồn lực trong vùng. Còn nhiều vướng mắc về thể chế thúc đẩy liên kết vùng; giải quyết những vấn đề có tính liên vùng như ô nhiễm môi trường, hạ tầng kết nối... còn khó khăn.

Phát triển các ngành kinh tế biển và sử dụng không gian biển chưa thực sự hiệu quả. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng ven biển còn thiếu trọng tâm, trọng điểm, chưa tập trung đầu tư cho phát triển một số trung tâm kinh tế biển

47. Một số cảng xây dựng đã lâu, quy mô nhỏ, hệ thống máy móc bốc dỡ hàng hoá lạc hậu, công suất thấp; các bến cảng biển hầu hết nằm trên các sông phía trong đất liền, luồng hàng hải kết nối đến các bến cảng có độ sâu tương đối hạn chế, phải nạo vét, duy tu hằng năm, khai thác 1 lần.

48. Như tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng đồng bằng sông Hồng.

lớn, khu kinh tế ven biển đủ sức cạnh tranh khu vực và quốc tế. Quản lý tổng hợp về biển hiệu quả chưa cao. Gắn kết giữa phát triển kinh tế biển với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường khu vực ven biển còn hạn chế. Các nguồn vốn tự nhiên của biển chưa được quan tâm, quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững.

Tỉ lệ đô thị hoá thấp, tốc độ đô thị hoá chậm, chất lượng chưa cao. Đô thị chủ yếu phát triển theo chiều rộng, mức độ tập trung kinh tế còn thấp, chưa gắn kết chặt chẽ với công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Hệ thống đô thị phân bố và phát triển thiếu sự liên kết trong từng vùng và giữa các vùng. Liên kết đô thị với nông thôn còn yếu, tác động lan toả của đô thị còn hạn chế. Năng lực quản trị đô thị còn yếu, chậm được đổi mới. Cơ chế, chính sách, tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới chưa phù hợp với vùng, miền, nhất là khu vực miền núi, vùng dân tộc thiểu số; việc duy trì bền vững các tiêu chí đạt chuẩn còn nhiều thách thức.

4. Về văn hoá, xã hội

Cơ chế, chính sách phát triển văn hoá còn có điểm bất cập, thiếu đồng bộ; đầu tư cho văn hoá hiệu quả chưa cao, chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ phát triển văn hoá. Tình trạng xuống cấp về đạo đức, văn hoá đáng lo ngại, nhất là trên không gian mạng. Chưa xây dựng được những công trình văn hoá mang tầm cỡ quốc tế và khu vực. Công nghiệp văn hoá chưa khai thác hết thế mạnh của văn hoá truyền thống các dân tộc Việt Nam. Việc bảo tồn, phát huy, khai thác các giá trị di sản văn hoá đạt hiệu quả chưa cao. Thiếu cơ chế, chính sách để khuyến khích phát triển thể thao, nhất là thể thao chuyên nghiệp; thành tích tại các giải thi đấu quốc tế lớn chưa đáp ứng kỳ vọng.

Tình trạng mất cân đối cung - cầu lao động cục bộ diễn ra ở một số địa phương, vùng miền trong một số giai đoạn, thời điểm. Lao động phi chính thức còn nhiều. Tỉ lệ thất nghiệp của thanh niên còn cao. Bất bình đẳng về cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, tiếp cận thị trường, việc làm giữa các vùng, nhóm dân cư còn lớn. Đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo. Mức sinh có xu hướng giảm, thấp hơn mức sinh thay thế; tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh còn cao. Các chỉ số sức khoẻ cơ bản còn khác biệt giữa các vùng. Năng lực hệ thống y tế cơ sở chăm sóc sức khoẻ ban đầu và hệ thống y tế dự phòng chưa đáp ứng được yêu cầu. Cơ chế tài chính y tế chậm đổi mới; thực hiện cơ chế tự chủ của một số bệnh viện còn gặp nhiều khó khăn. Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm còn nhiều bất cập.

Tình hình tai nạn, thương tích trẻ em, xâm hại, bạo lực trẻ em vẫn còn diễn ra. Bình đẳng giới ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn nhiều bất cập. Tệ nạn xã hội diễn ra dưới các hình thức tinh vi, phức tạp, nhất là về ma túy. Đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động chống phá, xử lý thông tin xấu, độc trên không gian mạng còn khó khăn. Quản lý về thông tin, truyền thông có lúc chưa theo kịp sự phát triển của các loại hình truyền thông mới. Thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững còn gặp nhiều khó khăn, thách thức.

5. Về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu

Cơ chế, chính sách quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên còn thiếu đồng bộ và chưa theo kịp nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu còn bị động, chấp hành chưa nghiêm. Công tác điều tra, quy hoạch, quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên còn nhiều bất cập; thị trường quyền sử dụng đất, quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên hoạt động chưa hiệu quả. Các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh còn mang tính tự phát, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Tình trạng ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, lưu vực sông, làng nghề chưa có nhiều chuyển biến. Các hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học tiếp tục suy giảm, nhất là chất lượng và tính đa dạng sinh học của rừng. Ô nhiễm môi trường biển một số nơi còn diễn ra nghiêm trọng, các hệ sinh thái biển, đa dạng sinh học biển bị suy giảm. Chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai còn có mặt hạn chế; năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu chưa có bước cải thiện rõ rệt. Các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính còn hạn chế.

6. Về hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Khắc phục những hạn chế, bất cập về cơ chế, chính sách pháp luật trên nhiều lĩnh vực còn nhiều khó khăn, thách thức, nhất là đất đai, tài sản công, tài chính, chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp... Tình trạng tham nhũng, tiêu cực trên một số lĩnh vực diễn biến phức tạp, nghiêm trọng. Lãng phí, nhất là lãng phí đất đai, tài sản công, trụ sở... còn diễn ra khá phổ biến, gây ra nhiều hệ lụy cho phát triển.

Công tác tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức chưa thực chất, hiệu quả. Kỷ luật, kỷ cương hành chính có lúc, có nơi chưa nghiêm. Tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp chưa được ngăn chặn hiệu quả.

Cải cách hành chính còn hạn chế, chuyên đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số còn chậm. Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành còn chậm được triển khai; kết nối, chia sẻ dữ liệu còn hạn chế, chưa thông suốt. Nhiều dịch vụ công trực tuyến chưa thuận tiện, tỉ lệ người sử dụng chưa cao. Việc tổ chức vận hành bộ phận "một cửa" các cấp ở nhiều nơi chưa hiệu quả.

Tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, nhất là vệ sinh an toàn thực phẩm, thực phẩm chức năng, dược phẩm, quảng cáo sai sự thật... còn diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến sức khỏe, quyền lợi, niềm tin của người tiêu dùng và môi trường đầu tư, kinh doanh.

7. Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại

a) Về quốc phòng, an ninh

Xây dựng tiềm lực, lực lượng, thế trận quốc phòng, an ninh trên một số lĩnh vực, địa bàn có mặt còn hạn chế. An ninh xã hội tiềm ẩn yếu tố phức tạp; an ninh tôn giáo, dân tộc, an ninh mạng, an ninh kinh tế, an ninh trong đầu tư nước ngoài, an ninh chính trị nội bộ, an ninh thông tin truyền thông chưa vững chắc. Cơ chế quản lý sử dụng đất quốc phòng, an ninh còn bất cập; phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh chưa thật sự đi vào chiều sâu.

Công nghiệp quốc phòng, an ninh chưa làm chủ được một số công nghệ nền, công nghệ lõi, vật liệu đặc chủng và một số lĩnh vực mũi nhọn như hoá chất, cơ khí chế tạo, luyện kim, hợp kim đặc biệt, vật liệu mới...; thiếu cơ chế, chính sách, nguồn lực đột phá để đẩy mạnh phát triển. Tội phạm công nghệ cao, hoạt động trên không gian mạng gia tăng. Còn xảy ra nhiều vụ tai nạn giao thông, cháy nổ gây hậu quả nghiêm trọng.

b) Về đối ngoại

Mức độ tham gia, năng lực đóng góp, đề xuất sáng kiến trong khuôn khổ đa phương vẫn còn hạn chế, chưa đồng bộ giữa các lĩnh vực. Chưa khai thác, phát huy hết những tiềm năng trong một số khuôn khổ, lĩnh vực hợp tác. Phối hợp giữa các cấp, các ngành trong triển khai hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, thường xuyên. Việc triển khai các thoả thuận, cam kết quốc tế còn nhiều khó khăn, bất cập. Công tác nghiên cứu, tham mưu dự báo chiến lược có mặt còn chưa theo kịp với chuyển biến nhanh, phức tạp, khó lường của tình hình thế giới và khu vực.

III- NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Nguyên nhân

Đạt được những kết quả trên có nhiều nguyên nhân, cả khách quan và chủ quan. Trước hết, là nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện, sáng suốt, sâu sát, kịp thời của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và sự đoàn kết, thống nhất, phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng của cả hệ thống chính trị; cùng với sự đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp; quản lý, điều hành quyết liệt, năng động, sáng tạo, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả của Chính phủ và chính quyền các cấp; sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; sự đồng thuận, đồng tình, ủng hộ của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp và sự hỗ trợ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế.

Bên cạnh đó, là nhờ sự chủ động, có quyết sách đúng đắn, kịp thời, nắm chắc tình hình và yêu cầu thực tiễn, đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành và chính quyền địa phương gắn với nâng cao trách nhiệm người đứng đầu.

Những hạn chế, yếu kém đã nêu có nguyên nhân khách quan là tình hình thế giới biến động nhanh, phức tạp, chưa có tiền lệ, vượt quá khả năng dự báo, nhất là đại dịch Covid-19, thiên tai, bão lũ, xung đột tại Ucraina và khu vực Trung Đông, kinh tế toàn cầu tăng trưởng thấp, lạm phát cao, chính sách thuế đối ứng ảnh hưởng tới thương mại và đầu tư...

Tuy nhiên, bên cạnh những nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu:

- Thể chế phát triển, cơ chế, chính sách, pháp luật vẫn là một điểm nghẽn kéo dài, trong đó có tư duy xây dựng pháp luật và bản lĩnh trong tổ chức thi hành, chưa theo kịp yêu cầu phát triển, trong một số lĩnh vực còn chông chéo, vướng mắc, thiếu ổn định, chậm khắc phục. Một số văn bản dưới luật tạo ra nhiều thủ tục; các quy định về giải thích, áp dụng pháp luật chưa đầy đủ, gây khó khăn, lúng túng trong xử lý các vấn đề cụ thể.

- Thủ tục hành chính còn rườm rà, dịch vụ công trực tuyến chưa thuận tiện, thông suốt. Chậm ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp đột phá huy động nguồn lực và tạo động lực mạnh để phát triển. Năng lực dự báo tình hình, tư duy và tầm nhìn chiến lược còn hạn chế; phản ứng chính sách của một số cơ quan, địa phương còn chậm, chưa kịp thời.

- Phối hợp giữa các bộ, ngành, các địa phương có lúc, có nơi còn hình thức, hiệu quả thấp. Một bộ phận cán bộ thực thi còn chưa quyết liệt, kịp thời, còn có tâm lý né tránh, sợ trách nhiệm trong thực thi công vụ. Phân cấp, phân quyền còn nhiều bất cập; trách nhiệm của người đứng đầu trong một số trường hợp chưa được phát huy đầy đủ.

- Niềm tin của nhà đầu tư, doanh nghiệp có lúc suy giảm, tâm lý xã hội thiếu ổn định. Quản trị xã hội, quản trị rủi ro chưa theo kịp với thực tiễn, chưa chủ động được phương án ứng phó với tình huống bất ngờ phát sinh, nhất là ở cấp cơ sở. Kỹ năng ứng phó với thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ của người dân còn thấp.

2. Bài học kinh nghiệm

(1) Tiếp tục đường lối đổi mới, có tầm nhìn chiến lược, tư duy đột phá, tạo ra nguồn lực và động lực cho phát triển. Nêu cao tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái; phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng của cả hệ thống chính trị; phát huy hiệu quả sức mạnh của Nhân dân và khôi đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại.

(2) Nhất quán, kiên định về chiến lược, linh hoạt, mềm dẻo về sách lược; giữ bản lĩnh vững vàng; phân công, phân định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp; nắm chắc tình hình, đề ra quyết sách linh hoạt, phù hợp, hiệu quả để lãnh đạo, chỉ

đạo với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả; tổ chức thực hiện bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ sản phẩm, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền. Đối với những vấn đề hệ trọng, phức tạp, chưa có tiền lệ, cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thảo luận dân chủ, thẳng thắn, có quyết định phù hợp với tình hình.

(3) Tập trung nâng cao chất lượng thể chế phát triển, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, tháo gỡ các điểm nghẽn cản trở phát triển. Bảo đảm tính nhất quán trong việc hiểu, áp dụng các quy định pháp luật. Tổ chức thực hiện pháp luật công bằng, nghiêm minh, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm thượng tôn hiến pháp và pháp luật. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

(4) Mọi chủ trương, chính sách phải xuất phát từ nguyện vọng, lợi ích chính đáng và hạnh phúc của Nhân dân, bảo đảm công khai, minh bạch. Lấy sự hài lòng, tín nhiệm của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá cán bộ và hiệu quả công việc. Khơi dậy tinh thần cống hiến vì đất nước, phát huy ý chí tự lực, tự cường, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, sáng tạo, quyết liệt hành động và chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

(5) Làm tốt công tác đối ngoại, hội nhập, tranh thủ mọi nguồn lực bên ngoài và sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế. Nâng cao chất lượng công tác dự báo, kịp thời tổng kết thực tiễn, đưa ra các cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp, hiệu quả.

BẢNG 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 10 NĂM 2021 - 2030, PHƯƠNG HƯỚNG,
NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021 - 2025

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu		Thực hiện	
		Chiến lược 2021 - 2030	Kế hoạch 2021 - 2025	2025	2021 - 2025
1.	Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân/năm (%)	~ 7,0	6,5 - 7,0	8,02	6,20
2.	GDP bình quân đầu người (USD)	7.500	4.700 - 5.000	5.026	5.026
3.	Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP (%)	~ 30	> 25	24,5	24,5
4.	Tỉ trọng kinh tế số trong GDP (%)	~ 30	~ 20	14,02	14,02
5.	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng (%)	50	~ 45		47,0
6.	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	> 6,5	> 6,5	6,8	5,2
7.	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân/GDP (%)	33 - 35	32 - 34	32,3	33,0
8.	Tỉ lệ nợ công/GDP (%)	≤ 60	≤ 60	34,4	34,4
9.	Tỉ lệ đô thị hoá (%)	> 50	~ 45	45	45
10.	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (tuổi)	75	~ 74,5	74,8	74,8
11.	Thời gian sống khoẻ (năm)	> 68	> 67	67	67
12.	Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội (%)	< 20	~ 25	25,7	25,7
13.	Tỉ lệ lao động qua đào tạo (%)		70	70	70
14.	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ (%)	35 - 40	28 - 30	29,2	29,2
15.	Tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị (%)		< 4	2,5	2,5
16.	Tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) (%)		Giảm 1 - 1,5 điểm%/năm	1,3	Giảm bình quân 1 điểm%/năm
17.	Số bác sĩ/vạn dân (người)	11	10	15	15

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu		Thực hiện	
		Chiến lược 2021 - 2030	Kế hoạch 2021 - 2025	2025	2021 - 2025
18.	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế (%)	> 95	95	95,2	95,2
19.	Chỉ số phát triển con người (HDI)	> 0,7	> 0,7	0,766 ⁴⁹	0,766
20.	Tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (%)	> 90	ít nhất 80	80,0	80,0
21.	Tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (%)		10	12,2	12,2
22.	Tỉ lệ dân cư thành thị sử dụng nước sạch theo quy chuẩn (%)		95 - 100	99	99
23.	Tỉ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch theo quy chuẩn (%)		55 - 60	60	60
24.	Tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (%)	100	92	92	92
25.	Tỉ lệ che phủ rừng (%)	42	42	42,03	42,03

⁴⁹ Theo Báo cáo Phát triển con người của Chương trình Phát triển của Liên hợp Quốc (UNDP) công bố năm 2025.

PHỤ LỤC 5
VỀ TỔNG KẾT CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG
NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIII VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ,
GIẢI PHÁP CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIV

Công tác xây dựng Đảng 5 năm qua đã được đặt đúng vị trí "then chốt", tiến hành thường xuyên, triển khai quyết liệt, toàn diện, đồng bộ cả về "xây" và "chống" với quyết tâm chính trị cao của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, tạo được bước đột phá mạnh mẽ với nhiều thành tựu, khẳng định nhân tố quyết định thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

I- KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIII

1. Ưu điểm và nguyên nhân

Việc thực hiện 10 nhiệm vụ về xây dựng Đảng, 3 nhiệm vụ trọng tâm và 3 giải pháp đột phá Đại hội XIII đề ra, nhất là một số chủ trương, nhiệm vụ mang tính cách mạng và thời đại đã được Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư tập trung lãnh đạo, chỉ đạo với phương pháp tổ chức thực hiện rất mới, quyết liệt, hiệu quả, toàn diện, đồng bộ, sâu sắc, đạt được những kết quả rất quan trọng, tạo nền tảng để đất nước ta vững vàng bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng.

Công tác xây dựng Đảng về chính trị tiếp tục được chú trọng, tăng cường, tạo nền tảng vững chắc để nâng cao bản lĩnh, tính tiên phong, năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. Bản lĩnh chính trị, trí tuệ, tư duy chiến lược, sức chiến đấu và vị thế của Đảng ngày càng được nâng lên, thể hiện rõ sự vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách. Năng lực dự báo, hoạch định đường lối, chủ trương, định hướng chiến lược của Đảng tiếp tục được đổi mới, hoàn thiện; kịp thời, khẩn trương ban hành những quyết sách đúng đắn, sáng tạo, xác định các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, đồng bộ, thích ứng nhanh với diễn biến tình hình; lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, tập trung, nghiêm túc, đạt hiệu quả cao các mục tiêu nhiệm kỳ Đại hội XIII¹.

¹ Các chủ trương về ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát; thực hiện ba đột phá chiến lược; phục hồi kinh tế - xã hội sau đại dịch Covid-19; Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; định hướng quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; định hướng, chủ trương lớn triển khai

Công tác xây dựng Đảng về tư tưởng tiếp tục được đổi mới mạnh mẽ, ngày càng đi vào chiều sâu, góp phần nâng cao nhận thức, tăng cường đoàn kết, thống nhất cao trong Đảng và hệ thống chính trị, đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin trong Nhân dân. Tư duy lý luận được chú trọng đổi mới, tăng cường tổng kết thực tiễn gắn với nghiên cứu, phát triển lý luận, góp phần tiếp tục bổ sung, phát triển hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được triển khai quyết liệt, đồng bộ và hiệu quả hơn². Dự báo, nắm tình hình tư tưởng, xử lý thông tin, định hướng dư luận xã hội kịp thời, thường xuyên. Chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền được nâng lên³. Lĩnh vực văn hoá, văn nghệ được quan tâm, đạt nhiều kết quả quan trọng. Đổi mới căn bản việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng⁴. Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị có nhiều chuyển biến tích cực, đổi mới về nội dung và phương pháp.

Công tác xây dựng Đảng về đạo đức được đặc biệt đề cao, có vai trò quan trọng trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phát huy nội lực quốc gia, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Việc giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng được tiến hành thường xuyên gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh⁵. Cán bộ, đảng viên tích cực nêu cao tinh thần nêu gương "tự soi", "tự sửa", tính tiên phong,

đường lối đối ngoại; định hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh các vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; bổ sung phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên; đổi mới toàn diện công tác xây dựng, thực thi pháp luật; phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân; hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Lần đầu tiên, Bộ Chính trị ban hành và quán triệt phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh 6 vùng (Trung du, miền núi Bắc Bộ; đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung; Tây Nguyên; đồng bằng sông Cửu Long; Đông Nam Bộ) đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và một số nghị quyết của Bộ Chính trị cho các địa phương (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Khánh Hoà). Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ thể chế hoá cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội XIII thành 43 luật, 735 nghị quyết, 4 pháp lệnh, 402 nghị định (Từ tháng 8/2021 đến tháng 8/2024). Cấp uỷ cấp tỉnh cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội XIII thành 175.535 văn bản (tính đến tháng 6/2024).

² Trên các phương tiện truyền thông xã hội, nhiều tài khoản tham gia công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, như: nhóm "Đấu tranh chống luận điệu xuyên tạc", trang "Chống luận điệu xuyên tạc", trang "Tiếng nói thế hệ trẻ".

³ Tuyên truyền, lan toả các tư tưởng, thông điệp, quan điểm, chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm trong các bài viết: "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một"; "Vươn mình trong hội nhập quốc tế"; "Chống lãng phí"; "Phát triển kinh tế tư nhân - đòn bẩy cho một Việt Nam thịnh vượng"; "Trương lai cho thế hệ vươn mình"; "Đột phá thể chế, pháp luật để đất nước vươn mình"; "Động lực mới cho phát triển kinh tế"; "Thực hành tiết kiệm"...

⁴ Các hội nghị học tập, quán triệt nghị quyết được triển khai từ Trung ương đến cơ sở, với tổng số lên đến hơn 16 nghìn điểm cầu và khoảng 1,4 triệu đại biểu tham dự 1 hội nghị.

⁵ Việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã trở thành nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của mỗi tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên; có nhiều cách làm mới, sáng tạo, đạt kết quả tích cực. *Điểm nổi bật của chuyển biến từ học tập sang làm theo Bác và nêu gương thể hiện rõ nét:* (1) Công tác xây dựng Đảng về đạo đức được đẩy mạnh, kết hợp hài hoà giữa "xây" và "chống"; (2) Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo tinh thần "*không có vùng cấm, không có ngoại lệ*" được đẩy mạnh; (3) Công tác biểu dương, tuyên truyền, nhân rộng các tấm gương, điển hình tiêu biểu trong học tập và làm theo Bác kịp thời, có sức thuyết phục.

gương mẫu, danh dự, lòng tự trọng. Các cấp uỷ, tổ chức đảng đã tích cực biểu dương điển hình tiên tiến, kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện lệch lạc, xử lý nghiêm hành vi vi phạm đạo đức, lối sống. Phần lớn cấp uỷ, người đứng đầu các địa phương, cơ quan, đơn vị đã chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định của Đảng về xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên; quy định về trách nhiệm nêu gương, kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI, khoá XII, Kết luận Trung ương 4 khoá XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị⁶.

Công tác dân vận, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được tăng cường⁷. Tiếp tục phát triển, hoàn thiện quan điểm, chủ trương "dân là gốc". Các hình thức thực hiện dân chủ từng bước được hoàn thiện, đổi mới và được bảo đảm bằng Hiến pháp, pháp luật, nhất là Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. Tăng cường công tác tiếp công dân, tiếp xúc, đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền các cấp với Nhân dân, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, giải quyết kịp thời những bức xúc, kiến nghị chính đáng của Nhân dân⁸. Thực hiện có hiệu quả phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Phát huy đầy đủ hơn vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong công tác dân vận; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân. Phong trào thi đua "Dân vận khéo" đã trở thành hoạt động thường xuyên, ngày càng lan toả sâu rộng trong xã hội.

Việc đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị được Trung ương và các cấp uỷ, tổ chức đảng tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đạt được kết quả rất quan trọng. Đặc biệt là từ tháng 10/2024, kế thừa kết quả thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII, với tầm nhìn chiến lược và quyết tâm chính trị cao nhất, với phương pháp tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, nhất quán, công khai, dân chủ, khoa học, kiên định mục tiêu, yêu cầu đề ra, đúng các nguyên tắc, Điều lệ Đảng, Hiến pháp, pháp luật; Ban Chấp hành Trung

⁶ Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 09/5/2024 về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới; Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 13/01/2025 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; Quy định số 37-QĐ/TW, ngày 25/10/2021 về những điều đảng viên không được làm.

⁷ Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc; Quyết định số 23-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị; Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 26/10/2022 của Ban Bí thư về phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

⁸ Năm 2023, HĐND cấp tỉnh đã tiếp 4.509 lượt công dân, nhận được 7.127 đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đã có báo cáo kết quả giải quyết đơn gửi về Thường trực HĐND theo quy định, nhiều tỉnh có tỉ lệ giải quyết rất cao, đạt tỉ lệ 100%.

ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp uỷ, các ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, đã hoàn thành vượt mức trước 5 năm các nhiệm vụ, mục tiêu do Nghị quyết số 18-NQ/TW đề ra đến năm 2030. Trong đó, một số kết quả nổi bật là: (1) Hệ thống tổ chức bộ máy các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước từ Trung ương đến địa phương được sắp xếp, tổ chức lại đồng bộ, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; giảm cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương, cấp tỉnh, đầu mối bên trong và biên chế với quy mô lớn, góp phần tiết kiệm chi thường xuyên rất lớn, tăng chi đầu tư phát triển và an sinh xã hội. (2) Sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã, không tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện, thống nhất vận hành hệ thống hành chính 3 cấp (Trung ương, tỉnh, xã). (3) Ban hành đồng bộ các chủ trương, chính sách, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức và chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị tác động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, tạo cơ sở chính trị, pháp lý vững chắc cho việc triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đáp ứng yêu cầu của tình hình thực tiễn.

Việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy đã được triển khai tổng thể, triệt để và đồng bộ trong cả nước với quy mô lớn: Giảm 34,9% đầu mối trực thuộc Trung ương, 100% đảng đoàn, ban cán sự đảng; giảm 46% đơn vị hành chính cấp tỉnh, 66,9% đơn vị hành chính cấp xã; lần đầu tiên kể từ năm 1945, nước ta giảm một cấp hành chính (không tổ chức cấp huyện), thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp. Hoàn thành việc xây dựng vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức làm cơ sở để xác định, giao và quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2026 - 2031; phân cấp quản lý biên chế cho các cấp uỷ trực thuộc Trung ương. Những kết quả đạt được trong thời gian qua thể hiện quyết tâm cải cách tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị một cách căn bản, mạnh mẽ của Đảng và Nhà nước ta; đã khẳng định sự đột phá, đổi mới tư duy trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, thực sự là cuộc cách mạng, "sắp xếp lại giang sơn". Sau sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính đã mở ra không gian và tầm nhìn dài hạn phát triển đất nước; chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước được tổ chức nhanh, kịp thời hơn, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối của Đảng đối với hệ thống chính trị và xã hội; tăng cường hiệu lực, hiệu quả, năng lực điều hành của chính quyền địa phương, trách nhiệm của người đứng đầu được đề cao; từng bước hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, mô hình tổ chức của cấp xã, giảm tầng nấc trung gian, rút ngắn quy trình xử lý công việc, giảm chi ngân sách, thời gian của người dân và

doanh nghiệp; cán bộ cấp xã dần bắt nhịp với khối lượng và cường độ công việc trong giai đoạn mới, chuyển từ mô hình quản lý hành chính sang mô hình kiến tạo phát triển, phục vụ Nhân dân, thúc đẩy quản trị quốc gia, quản trị địa phương, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đề ra, thực sự gần dân, sát dân, phục vụ người dân tốt hơn, tháo gỡ điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực, tạo dư địa cho huy động các nguồn lực để thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển đất nước; tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, 3 đột phá chiến lược; góp phần phát triển kinh tế - xã hội, tăng trưởng GDP năm 2025 của nước ta ước đạt 8% (cao nhất trong 10 năm qua), tạo nền tảng vững chắc cho mục tiêu tăng trưởng từ 10% trở lên từ năm 2026 và các năm tiếp theo; niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước ngày càng được củng cố vững chắc.

Kết quả đổi mới, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính vừa qua thực sự là cuộc cách mạng mang tính lịch sử, cho thấy đây là một chủ trương rất đúng, rất trúng được cán bộ, đảng viên và Nhân dân đồng tình ủng hộ, dư luận quốc tế đánh giá cao.

Việc củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên ngày càng đi vào chiều sâu và chuyển biến tích cực hơn⁹. Tổ chức cơ sở đảng được rà soát, kiện toàn đồng bộ với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập. Chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc mẫu của một số loại hình tổ chức cơ sở đảng được bổ sung, sửa đổi, ban hành kịp thời¹⁰. Sinh hoạt cấp uỷ, sinh hoạt chi bộ được đổi mới về nội dung và hình thức¹¹. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên đi vào thực chất, khách quan, thiết thực hơn, từng bước khắc phục tình trạng bệnh thành tích¹². Đội ngũ cấp uỷ viên thường xuyên được củng cố, kiện toàn, nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo. Chất lượng đội ngũ đảng viên chuyển biến tích cực hơn. Công tác phát triển đảng viên trong các doanh nghiệp tư nhân và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo, biên

⁹ Tính đến ngày 30/11/2025, toàn Đảng có **50.852** tổ chức cơ sở đảng (gồm 14.782 đảng bộ cơ sở và 36.700 chi bộ cơ sở); 214.919 chi bộ trực thuộc; 2.861 đảng bộ bộ phận; với 5.647.312 đảng viên trong toàn Đảng, giảm 1.108 tổ chức cơ sở đảng, tăng 423.156 đảng viên so với đầu nhiệm kỳ.

¹⁰ Ban Bí thư bổ sung, sửa đổi và ban hành 12 quy định.

¹¹ Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 23/7/2025 về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong giai đoạn mới.

Mô hình sinh hoạt điểm, sinh hoạt mẫu; kể chuyện tám gương đạo đức Hồ Chí Minh; thực hiện "tự soi, tự sửa" trong mỗi buổi sinh hoạt chi bộ.

¹² Tại thời điểm theo quy định, số tổ chức cơ sở đảng đã đánh giá, xếp loại chất lượng đạt trung bình 98,72%, trong đó, số xếp loại HTXS NV đạt trung bình 18,28%; số đảng viên đã đánh giá, xếp loại chất lượng trung bình 89,16%, trong đó, số xếp loại HTXS NV đạt trung bình 14,69%. Năm 2023 là năm đầu tiên 67/67 ban chấp hành đảng bộ cấp tỉnh và tương đương tự đánh giá, xếp loại đối với đảng bộ, đạt kết quả như sau: 53,73% HTXS NV; 43,29% HTTNV; 1,49% HTNV; 1,49% Không HTNV.

giới, hải đảo, trong học sinh, sinh viên được tăng cường, cơ bản xoá được tình trạng "trắng" đảng viên ở thôn, bản¹³. Công tác quản lý, rà soát, sàng lọc đảng viên được thực hiện ngày càng nghiêm túc, chặt chẽ, đúng quy định; kịp thời biểu dương các đồng chí bí thư chi bộ xuất sắc, tiêu biểu. Tiến hành đổi thể đảng viên trong toàn Đảng, đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học công nghệ và nâng cao hiệu quả công tác quản lý đảng viên¹⁴.

Công tác cán bộ được đặc biệt coi trọng, có nhiều đổi mới, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp từng bước trưởng thành, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Nhiều chủ trương, giải pháp về công tác cán bộ được thể chế hoá, cụ thể hoá bằng các quy định, quy chế, quy trình bảo đảm đồng bộ, dân chủ, minh bạch và chặt chẽ. Tiến hành sửa đổi, ban hành cơ bản toàn diện, đồng bộ hệ thống các quy định về công tác cán bộ¹⁵: Quy hoạch, phân cấp quản lý; tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá cán bộ; hệ thống chức danh, chức vụ; đào tạo lý luận chính trị; bảo vệ chính trị nội bộ...; tập trung vào những khâu quan trọng như đánh giá cán bộ thường xuyên, liên tục; công tác đánh giá cán bộ ngày càng dân chủ, khách quan, thực chất hơn; gắn đánh giá phẩm chất, năng lực, uy tín của cán bộ với chức trách, nhiệm vụ được giao, sản phẩm cụ thể, kịp thời thay thế cán bộ yếu kém; định hướng số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, số lượng uỷ viên ban chấp hành, ban thường vụ, phó bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ nhiệm kỳ 2025 - 2030¹⁶ bảo đảm đồng bộ, thống nhất về số lượng cấp uỷ viên, số lượng cấp phó giữa các địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị phù hợp thực tiễn và không cào bằng, có tính đến đặc thù đối với các đơn vị thực hiện hợp nhất, sáp nhập. Chất lượng quy hoạch cán bộ được nâng

¹³ Tính đến ngày 30/11/2025, nhiệm kỳ qua, toàn Đảng đã kết nạp 911.964 đảng viên mới, đạt 16,15% tổng số đảng viên, trong đó: 570.365 đảng viên nữ, 552.341 đoàn viên thanh niên công sản Hồ Chí Minh, 153.006 người dân tộc thiểu số, 24.580 người theo tôn giáo, 3.465 chủ doanh nghiệp tư nhân, 79.655 học sinh, sinh viên. Đã khai trừ 12.090 đảng viên; xoá tên 41.854 đảng viên (trong đó có 11.600 đảng viên dự bị); 24.975 đảng viên xin ra khỏi Đảng.

¹⁴ Chỉ thị số 51-CT/TW, ngày 08/8/2025 của Ban Bí thư về đổi Thể đảng viên; Quyết định số 347-QĐ/TW, ngày 18/8/2025 của Ban Bí thư về ban hành đổi Thể đảng viên.

¹⁵ Quy định số 377-QĐ/TW, ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ, quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ (thay thế Quy định số 80-QĐ/TW; Quy định số 41-QĐ/TW; Quy định số 50-QĐ/TW; Thông báo số 20-TB/TW; Quy định số 148-QĐ/TW); Quy định số 350-QĐ/TW, ngày 29/8/2025 của Ban Bí thư về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị (thay thế Quy định số 57-QĐ/TW); Quy định số 365-QĐ/TW, ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị về tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và khung tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp (thay thế Quy định số 89-QĐ/TW, Quy định số 214-QĐ/TW); Quy định số 366-QĐ/TW, ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị về kiêm nhiệm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị (thay thế Quy định số 124-QĐ/TW); Quy định số 367-QĐ/TW, ngày 04/9/2025 của Bộ Chính trị về một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng (thay thế Quy định số 58-QĐ/TW); Quy định số 368-QĐ/TW, ngày 08/9/2025 của Bộ Chính trị về danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị (thay thế Kết luận số 35-KL/TW); Kết luận số 205-KL/TW, ngày 07/11/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá trong tuyên dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ.

¹⁶ Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành Kết luận số 187-KL/TW, ngày 29/8/2025 về định hướng số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị. Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 188-KL/TW, ngày 29/8/2025 về định hướng số lượng uỷ viên ban chấp hành, ban thường vụ, phó bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ nhiệm kỳ 2025 - 2030.

lên; thực hiện nghiêm nguyên tắc lấy quy hoạch cán bộ cấp dưới làm căn cứ xây dựng quy hoạch cán bộ cấp trên, bảo đảm sự kế thừa, liên thông; gắn chặt công tác quy hoạch với công tác đánh giá cán bộ. Công tác luân chuyển cán bộ có nhiều đổi mới, đạt kết quả tích cực¹⁷. Việc kiện toàn, sắp xếp, bố trí cán bộ ở các cơ quan Trung ương, địa phương khi sắp xếp, sáp nhập được triển khai kịp thời, bài bản, với cách làm chặt chẽ, thận trọng, phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu chính trị đặt ra, qua đó tạo được sự đồng thuận, thống nhất cao trong hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ, đảng viên¹⁸; đặc biệt, lần đầu tiên hoàn thành việc bố trí 100% bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ, chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp tỉnh, cấp xã không phải là người địa phương. Nội dung, chương trình, hình thức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ từng bước được đổi mới, sát với yêu cầu nhiệm vụ¹⁹. Chính sách cán bộ được quan tâm thực hiện đầy đủ, kịp thời. Chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung bước đầu được triển khai tích cực. Tuyển chọn, bố trí, sử dụng và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp có nhiều đổi mới, đồng bộ hơn. Công tác quản lý cán bộ ngày càng nền nếp, chặt chẽ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương. Việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ được các cấp uỷ chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc, tạo chuyển biến bước đầu trong văn hoá từ chức đối với cán bộ. Xử lý nghiêm, đồng bộ giữa kỷ luật của Đảng với xử lý bằng pháp luật đối với cán bộ vi phạm, kể cả khi cán bộ đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu. Công tác xử lý cán bộ vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước, nhất là đối với một số cán bộ lãnh đạo cấp cao, kể cả lãnh đạo chủ chốt đã được Trung ương chỉ đạo chặt chẽ, nghiêm minh, kịp thời, đồng thời nhanh chóng

¹⁷ Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương đã rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh bí thư, phó bí thư cấp uỷ nhiệm kỳ 2020 - 2025 và lãnh đạo cơ quan Nhà nước nhiệm kỳ 2021 - 2026 diện Trung ương quản lý đối với 2.804 lượt cán bộ. Bộ Chính trị phê duyệt 227 đồng chí quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương và 27 đồng chí quy hoạch Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Tính đến 31/3/2024, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương đã điều động, luân chuyển, bố trí đối với 5.527 lượt cán bộ (trong đó, diện Trung ương quản lý 148 lượt, cấp tỉnh 322 lượt, cấp huyện 1.476 lượt, cấp xã 3.581 lượt).

Qua mỗi kỳ đại hội, cấp uỷ các cấp đổi mới khoảng 40%; Ban Chấp hành Trung ương được đổi mới qua từng khoá: Khoá IX là 42%, khoá X là 54,7%, khoá XI là 47%, khoá XII là 48%, khoá XIII là 38%. Nhiệm kỳ 2020 - 2025: Tỷ lệ cấp uỷ viên cấp tỉnh trẻ (dưới 40 tuổi) là 6,4%; tỉ lệ cấp uỷ viên cấp huyện trẻ (dưới 40 tuổi) là 15,31%; tỉ lệ cấp uỷ viên cấp cơ sở trẻ (dưới 35 tuổi) là 13,01%. Nhiệm kỳ 2025 - 2030: Tỉ lệ cấp uỷ viên cấp tỉnh trẻ (dưới 42 tuổi) là 3,87%; tỉ lệ cấp uỷ viên cấp cơ sở trẻ (dưới 40 tuổi) là 13,92%.

¹⁸ Đã sắp xếp, bố trí đối với 134 lượt nhân sự thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, công tác ở các bộ, ban, ngành, đơn vị ở Trung ương và 222 lượt nhân sự ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư của 4 đảng uỷ trực thuộc Trung ương mới thành lập; 1.853 lượt nhân sự tham gia ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư và chức danh lãnh đạo chủ chốt của 23 địa phương sau sáp nhập, hợp nhất (tính cả 11 địa phương không hợp nhất, sáp nhập là 2.411 nhân sự).

¹⁹ Trong giai đoạn 2019 - 2024, số lượng cán bộ được đào tạo cao cấp lý luận chính trị là 76.679 người; trung cấp lý luận chính trị là 213.096 người; bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đối tượng 3 và 4 lần lượt là 14.152 và 534.641 người; bồi dưỡng cập nhật kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng là 1.021.170 người; bồi dưỡng cán bộ ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước (Đề án 165 trước kia và Kết luận 39 hiện nay) là 1.542 người; bồi dưỡng thông qua kênh hợp tác quốc tế là 482 người. Năm 2023 bồi dưỡng kiến thức cho đối tượng 1 và 2 (Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, phó bí thư, chủ tịch hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân là 286 người).

kiện toàn nhân sự thay thế đã khẳng định bản lĩnh chính trị, sức mạnh đoàn kết, thống nhất cao trong toàn Đảng, cùng ý chí quyết tâm xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh²⁰. Nhìn chung, đa số cán bộ có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống giản dị, gương mẫu, có ý thức rèn luyện, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao, có những đóng góp hiệu quả vào công cuộc đổi mới đất nước. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được tăng cường, thực hiện nghiêm túc, thận trọng, kỷ lưỡng, đúng quy định góp phần giữ vững chế độ, bảo đảm an ninh chính trị, vấn đề chính trị hiện nay.

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng đi vào chiều sâu; các cấp uỷ, tổ chức đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, thiết thực, góp phần siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Chất lượng, hiệu lực, hiệu quả kiểm tra, giám sát được nâng lên và đạt được kết quả nổi bật, khá toàn diện, có bước đột phá, góp phần quan trọng vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị²¹. Hệ thống thể chế về kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được sửa đổi, bổ sung, ban hành kịp thời, bảo đảm đồng bộ, thống nhất và chặt chẽ hơn. Tăng cường tính chủ động, quyết liệt thực hiện nhiệm vụ rất khó, chưa có tiền lệ; mở rộng đối tượng kiểm tra, bảo đảm không có vùng cấm, không có ngoại lệ²². Giám sát chuyên đề được chú trọng, thực chất hơn, góp phần cảnh báo, phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm của các tổ chức đảng, đảng viên. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên đạt kết quả tích cực. Nhiều vụ việc phức tạp, tồn đọng, kéo dài, dư luận quan tâm đã được xử lý nghiêm minh, dứt điểm; nhiều vụ việc mới phát sinh được kiểm tra, kết luận, xử lý kịp thời²³. Các cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra các cấp đã tăng cường

²⁰ Trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, đã kỷ luật 17.808 công chức, viên chức, cho nghỉ việc, thôi việc 10.880 người, cho từ chức, miễn nhiệm, thôi giữ chức vụ đối với 94 cán bộ diện Trung ương quản lý, trong đó có 7 Ủy viên Bộ Chính trị, 1 Ủy viên Ban Bí thư và 18 Ủy viên Trung ương Đảng, có cả lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước, trên 1.000 cán bộ diện ban thường vụ, uỷ viên ban chấp hành cấp uỷ cấp tỉnh.

²¹ Trong nhiệm kỳ, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp uỷ các cấp đã kiểm tra 232.401 tổ chức đảng và 1.284.298 đảng viên (Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã xây dựng, ban hành Chương trình kiểm tra hàng năm và thành lập 31 đoàn kiểm tra do các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng làm trưởng đoàn, kiểm tra đối với 83 tổ chức đảng trực thuộc Trung ương), giảm 12% tổ chức đảng, tăng 4,91% đảng viên, tăng 6% cấp uỷ viên so với nhiệm kỳ XII. Qua kiểm tra, đã kết luận 8.549 tổ chức và 26.538 đảng viên thực hiện chưa tốt nội dung được kiểm tra, trong đó có 4.567 tổ chức và 14.842 đảng viên có khuyết điểm vi phạm, phải thi hành kỷ luật 78 tổ chức và 1.115 đảng viên, đã thi hành kỷ luật 42 tổ chức và 900 đảng viên.

Các cấp uỷ đã giám sát 176.229 tổ chức đảng và 596.688 đảng viên, giảm 4,2% tổ chức đảng, tăng 12,87% đảng viên so với nhiệm kỳ XII. Thi hành kỷ luật 1.624 tổ chức đảng (khiển trách 1.160, cảnh cáo 464), trong đó Bộ Chính trị, Ban Bí thư kỷ luật 65 tổ chức; kỷ luật 73.135 đảng viên (Khiển trách 57.471, Cảnh cáo 11.439, Cách chức 1.527, Khai trừ 2.718), tăng 22% tổ chức đảng và 5,11% đảng viên so với nhiệm kỳ XII, có 13.302 cấp uỷ viên (chiếm 18%); trong đó Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thi hành kỷ luật 228 trường hợp (Ủy viên Trung ương và nguyên Ủy viên Trung ương Đảng là 86 trường hợp); ngoài ra, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương và các cơ quan liên quan đã báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định cho thôi giữ chức vụ 14 trường hợp là cán bộ diện Trung ương quản lý. Giải quyết khiếu nại của 282 đảng viên (giữ nguyên hình thức kỷ luật 216 trường hợp, tăng 9 trường hợp, giảm 20 trường hợp, xoá kỷ luật 21 trường hợp).

²² Thực hiện kiểm tra, giám sát các đồng chí uỷ viên Bộ Chính trị, uỷ viên Ban Bí thư, Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

²³ Uỷ ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 13.612 tổ chức đảng và 38.385 đảng viên (có 85.639 cấp uỷ viên); kết luận 8.766 tổ chức đảng và 30.107 đảng viên có vi phạm; phải thi hành kỷ luật 1.156 tổ chức đảng

lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc kê khai, công khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập nhằm phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Việc kết hợp kiểm tra, giám sát thường xuyên với kiểm tra, giám sát theo chuyên đề, khi có dấu hiệu vi phạm đạt kết quả tích cực. Chủ động phát hiện sớm để phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên ngay từ khi còn manh nha, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn, kéo dài và lan rộng. Ủy ban kiểm tra các cấp đã phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với các cơ quan chức năng trong khối nội chính, cơ quan quản lý nhà nước trong thực thi nhiệm vụ; có nhiều đổi mới trong cách thức, phương pháp thực hiện nhiệm vụ, bám sát các chủ trương mới của Trung ương để triển khai nhiệm vụ một cách kịp thời, khẩn trương. Việc công khai kết luận kiểm tra và xử lý vi phạm đối với tổ chức đảng, đảng viên đã góp phần cảnh tỉnh, răn đe và giáo dục cán bộ, đảng viên.

Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ toàn diện, đi vào chiều sâu, với quyết tâm chính trị rất cao, không ngừng, không nghỉ, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, có bước tiến mạnh, đột phá lớn, đạt nhiều kết quả rất quan trọng; từng bước hoàn thiện cơ chế phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực để cán bộ, đảng viên "không thể", "không dám", "không muốn", "không cần" tham nhũng, tiêu cực²⁴. Tham nhũng, lãng phí, tiêu cực từng bước được kiềm chế, ngăn chặn, đẩy lùi, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng

và 13.847 đảng viên. Riêng Ủy ban Kiểm tra Trung ương kiểm tra 99 tổ chức đảng, 297 đảng viên; qua kiểm tra đã thi hành kỷ luật 84 tổ chức đảng và 29 đảng viên; đề nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thi hành kỷ luật 26 tổ chức đảng và 61 đảng viên (có 10 đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng); yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới thi hành kỷ luật 70 tổ chức đảng và 185 đảng viên.

Từ năm 2023, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản, thu nhập đối với 131 cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, ủy ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản, thu nhập 216 trường hợp; số đảng viên được ủy ban kiểm tra các cấp tiến hành xác minh tài sản, thu nhập 16.642 trường hợp. Qua kiểm tra đã phát hiện 182 trường hợp vi phạm, số vi phạm đến mức phải kỷ luật là 06 trường hợp, đã thi hành kỷ luật 05 trường hợp (có 1 trường hợp cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý).

Ủy ban kiểm tra các cấp đã giám sát 123.906 tổ chức đảng và 174.472 đảng viên. Ủy ban kiểm tra các cấp đã giải quyết tố cáo đối với 170 tổ chức đảng, 4.347 đảng viên, kết luận đúng, đúng một phần là 75 tổ chức và 2.000 đảng viên (trong đó có 60 tổ chức đảng vi phạm và 1.327 đảng viên, phải thi hành kỷ luật 07 tổ chức đảng và 758 đảng viên và đã thi hành kỷ luật 4 tổ chức đảng và 637 đảng viên).

Ủy ban kiểm tra các cấp đã giải quyết khiếu nại của 352 đảng viên, kết quả giữ nguyên hình thức kỷ luật 240 trường hợp, tăng hình thức kỷ luật 21 trường hợp, giảm hình thức kỷ luật 35 trường hợp, xoá kỷ luật 29 trường hợp.

²⁴ Trong nhiệm kỳ XIII, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật hơn 2.380 đảng viên do tham nhũng, 313 đảng viên do vi phạm về kê khai tài sản, thu nhập; hơn 29.600 đảng viên do suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm trách nhiệm nêu gương và những điều đảng viên không được làm. Trong đó, có 176 cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, cả đương chức và đã nghỉ hưu. Qua thanh tra, kiểm toán kiến nghị xử lý, thu hồi gần 640 nghìn tỉ đồng, hơn 2.530 ha đất; kiến nghị xử lý trách nhiệm hơn 16.300 tập thể và hơn 33.500 cá nhân sai phạm; kiến nghị xử lý hơn 3.000 văn bản pháp luật có sơ hở, bất cập. Các cơ quan tiến hành tố tụng cả nước đã khởi tố, điều tra hơn 17.900 vụ án và hơn 38.200 bị can về các tội tham nhũng, kinh tế, chức vụ; trong đó có 3.352 vụ án, 8.387 bị can về tội tham nhũng.

Các cơ quan chức năng qua kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán đã phát hiện, chuyển gần 1.900 vụ việc có dấu hiệu tội phạm đến cơ quan điều tra để xem xét, xử lý theo quy định.

cổ niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ. Nhiều vụ án tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, kể cả những vụ tòn đọng kéo dài và các vụ, việc mới phát sinh đã được phát hiện, xử lý nghiêm minh, đồng bộ, công khai; thu hồi được nhiều tài sản cho Nhà nước²⁵. Xây dựng, hoàn thiện thể chế trên các lĩnh vực tiếp tục được đẩy mạnh, ngày càng hoàn thiện, đồng bộ, từng bước hình thành cơ chế phòng ngừa chặt chẽ²⁶. Công tác cải cách hành chính, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong hoạt động công vụ được tăng cường. Thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực có nhiều đổi mới; vai trò giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, của Nhân dân và báo chí trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được phát huy tốt hơn²⁷. Công tác đấu tranh phòng, chống

²⁵ Như: Các vụ án xảy ra tại Công ty Việt Á, AIC, Cục Lãnh sự (Bộ Ngoại giao), Tập đoàn FLC, Tân Hoàng Minh, Vạn Thịnh Phát, Ngân hàng SCB, Tập đoàn Phúc Sơn, Tập đoàn Thuận An hay các vụ án liên quan đến quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản, đấu thầu, đấu giá, quản lý, sử dụng tài sản nhà nước xảy ra tại Bình Dương, Bình Thuận, Khánh Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh, Yên Bái, Vĩnh Phúc, Lâm Đồng, Đồng Nai, An Giang; các vụ án xảy ra tại Cục Đăng kiểm Việt Nam và trung tâm đăng kiểm các địa phương. Đặc biệt, đã khởi tố, điều tra 117 vụ án/437 bị can về các tội danh lãng phí tài sản nhà nước; khởi tố, điều tra một số vụ án sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm, thực phẩm chức năng, thuốc chữa bệnh, giám định pháp y tâm thần, với tính chất đặc biệt nghiêm trọng, có sự cấu kết, móc nối giữa doanh nghiệp, bị can với cán bộ thoái hoá, biến chất trong các cơ quan nhà nước gây bức xúc trong dư luận.

Trong nhiệm kỳ XIII, có 176 cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị xử lý kỷ luật (gồm 49 Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng và 24 sĩ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang); trong đó, có 66 trường hợp bị xử lý hình sự, (gồm 20 Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, 11 sĩ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang).

Các cơ quan tiến hành tố tụng cả nước đã thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản, phong toà tài khoản trị giá trên 760 nghìn tỉ đồng. Riêng các vụ án thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo dõi, chỉ đạo, trong giai đoạn thi hành án dân sự đã thu hồi được trên 77.498 tỉ đồng. Đã xử lý kỷ luật hơn 1.200 cán bộ trong các cơ quan chức năng phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, trong đó có hơn 430 trường hợp bị xử lý hình sự.

Từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII đến hết tháng 11/2025, Việt Nam đã ký kết và tham gia 11 hiệp định tương trợ tư pháp với các nước; tăng cường hợp tác truy bắt các đối tượng bỏ trốn và thu hồi tài sản tham nhũng tẩu tán ra nước ngoài, điển hình như đã phối hợp với các cơ quan chức năng của Singapore thu hồi gần 2,7 triệu đô la Mỹ và 127 nghìn đô la Singapore của Phan Sào Nam.

²⁶ Trong nhiệm kỳ qua, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo đã ban hành hơn 300 văn bản về xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Quốc hội đã thông qua 158 luật, pháp lệnh; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành hơn 1.300 nghị định, nghị quyết, quyết định; các bộ, ngành, địa phương đã ban hành trên 72.400 văn bản pháp luật về quản lý kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

²⁷ Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo Trung ương đã tổ chức 5 hội nghị toàn quốc về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tính hết năm 2025, các bộ, ngành, địa phương đã tổ chức hơn 837 nghìn lớp tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho hơn 28 triệu lượt cán bộ, Nhân dân; xuất bản hơn 2,9 triệu đầu sách, tài liệu tuyên truyền pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, nhất là đã triển khai đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng sâu rộng đến cấp chi bộ để quán triệt, nghiên cứu, học tập nội dung Tác phẩm "Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh" của Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và tuyên truyền sâu rộng các thông điệp, quan điểm chỉ đạo mới về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm trong giai đoạn cách mạng mới. Các cơ quan thông tấn, báo chí đã đăng tải trên 74.340 tin, bài về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực (tăng gấp 5 lần so với nhiệm kỳ Đại hội XII); nhất là đã mở nhiều chuyên mục mới, diễn đàn nghiên cứu, trao đổi, phân tích chuyên sâu về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở địa phương có sự chuyên biến rõ rệt, khắc phục hiệu quả tình trạng "trên nóng, dưới lạnh"²⁸.

Phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng có nhiều đổi mới, hiệu quả hơn, xác định rõ hơn quan điểm, nguyên tắc, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành toàn diện, đồng bộ nhiều chủ trương, quyết sách có tính chiến lược, đặc biệt coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo thể chế hoá, cụ thể hoá đường lối, chủ trương của Đảng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ những nút thắt, điểm nghẽn, ứng phó nhanh, rất kịp thời, hiệu quả với các tình huống khó khăn, phức tạp, chưa từng có tiền lệ, được cán bộ, đảng viên, nhân dân đồng tình, đánh giá cao; kịp thời ban hành các chủ trương, chính sách đột phá về đổi mới toàn diện công tác xây dựng, thực thi pháp luật; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xây dựng lực lượng sản xuất mới; phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân; hội nhập quốc tế trong tình hình mới, hướng đến chủ động hội nhập sâu rộng, tận dụng các cơ hội và vượt qua thách thức đưa đất nước phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới²⁹. Cấp uỷ các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tổ chức

²⁸ Trong nhiệm kỳ XIII, các cơ quan tiến hành tố tụng địa phương đã khởi tố, điều tra hơn 2.780 vụ án tham nhũng, cao hơn hai lần số vụ án tham nhũng của cả nước đã khởi tố trong nhiệm kỳ Đại hội XII. Nhiều địa phương đã phát hiện, điều tra, xử lý dứt điểm các vụ án, vụ việc tồn đọng kéo dài từ nhiều năm trước; khởi tố, điều tra cả bị can là cán bộ diện tinh uỷ, thành uỷ quản lý, trong đó có cả bị can là cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, điển hình như: Vĩnh Phúc, Thanh Hoá, Lào Cai, Phú Yên, Quảng Ninh, Hà Nam, Hoà Bình, Đà Nẵng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Yên Bái, Hà Giang, Nghệ An, Bình Định, Bắc Ninh, Lai Châu, An Giang, Kiên Giang, Khánh Hoà, Đồng Nai, Lạng Sơn, Cao Bằng, Thái Bình, Gia Lai, Nam Định,...

²⁹ Như: Giám sát chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19; việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn; giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hiện công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế; việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư một số dự án trọng điểm, chậm tiến độ, đầu tư dở dang, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân.

Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 17/11/2022 về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao; Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 123-KL/TW, ngày 24/01/2025 về Đề án bổ sung phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên...

Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 34-NQ/TW, ngày 09/01/2023 về một số định hướng, chủ trương lớn triển khai đường lối đối ngoại Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 14/5/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 14/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 70-NQ/TW, ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ Nhân dân; Kết luận số 119-KL/TW, ngày 20/01/2025 về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật; Kết luận số 126-KL/TW, ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; Kết luận số 152-NQ/TW, ngày 02/5/2025 về tăng cường thực hiện

triển khai, thực hiện; kịp thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy chế làm việc của cấp uỷ, tổ chức đảng cụ thể, rõ ràng hơn, nhất là về trách nhiệm, thẩm quyền của tập thể và cá nhân. Đảng lãnh đạo xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và thể chế hoá cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ" ngày càng hiệu quả hơn³⁰. Thực hiện nghiêm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo, quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị và công tác cán bộ. Các cấp uỷ, tổ chức đảng thường xuyên, chú trọng đổi mới phong cách, phương pháp lãnh đạo, lề lối công tác. Công tác vận động, tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục được đổi mới đồng bộ. Trách nhiệm nêu gương đã được thể chế hoá thành quy định cụ thể, nhất là trách nhiệm nêu gương toàn diện của người đứng đầu. Việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kiểm soát quyền lực được đặc biệt coi trọng, triển khai toàn diện, đồng bộ, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu, sự đoàn kết, thống nhất, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt và tài tình của Đảng là nhân tố quyết định những kết quả, thành tựu của đất nước thời gian qua, quyết định sự thành công của sự nghiệp đổi mới.

Đạt được những ưu điểm trên do nhiều nguyên nhân, nổi bật là các nguyên nhân chủ yếu sau: (1) Kế thừa những kinh nghiệm, bài học quý và phát huy hiệu quả những thành tựu xây dựng Đảng qua 40 năm đổi mới; xác định đúng thời cơ cách mạng và yêu cầu nhiệm vụ, công tác lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ với quyết tâm chính trị cao, thông tin đầy đủ, kịp thời, phát huy dân chủ, kiên định mục tiêu, bản lĩnh, nói đi đôi với làm của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tổng Bí thư, cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp. (2) Sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng; sự tham gia tích cực, hiệu quả của các tổ chức trong hệ thống chính trị và Nhân dân; đa số cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, nỗ lực nâng cao trình độ, tích cực rèn luyện, trưởng thành trong thực tiễn, giữ vững phẩm chất, đạo đức, lối sống, có ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của Đảng, của dân tộc. (3) Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng; các thành tựu của công cuộc đổi mới và sự đồng tình,

chức năng, nhiệm vụ của Ban Bí thư...

Các ban đảng ở Trung ương đã ban hành quy trình nghiệp vụ đáp ứng trên môi trường số; ban hành một số quy định về an toàn thông tin, an ninh mạng, vận hành hệ thống mạng diện rộng của Đảng; hạn tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước đã được kết nối thông suốt từ Trung ương đến cấp xã phục vụ gửi, nhận văn bản và xử lý hồ sơ công việc toàn trình đến cấp tỉnh, cấp xã. Có giải pháp tương thích giữa hệ thống mạng thông tin diện rộng của Đảng và mạng truyền số liệu chuyên dùng của Chính phủ. Xây dựng, triển khai ứng dụng "Số tay đảng viên điện tử" hỗ trợ các đảng viên trong sinh hoạt đảng; xây dựng cơ sở dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên và cán bộ, công chức, viên chức; 4 thủ tục hành chính trực tuyến của Đảng trên môi trường điện tử. Triển khai bước đầu phong trào "Bình dân học vụ số", các chương trình truyền hình "Công dân số", "Ánh sáng tri thức".

³⁰ Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày 24/11/2023, về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc...

ủng hộ của Nhân dân đã tạo điều kiện thuận lợi để tiến hành công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức có mặt còn hạn chế. Một số cấp uỷ, người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền nhận thức chưa sâu sắc, đầy đủ, vi phạm quy chế làm việc, các nguyên tắc của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ. Một số cán bộ, đảng viên bản lĩnh chính trị thiếu vững vàng, hoài nghi, mơ hồ về mục tiêu, lý tưởng của Đảng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Tự phê bình và phê bình ở một số nơi chưa thường xuyên. Công tác dự báo, nắm tình hình, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu chiến lược, lý luận có mặt, có lúc chưa đáp ứng được yêu cầu. Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng có lúc, có nơi còn bị động, nhất là trên không gian mạng.

Cơ chế phối hợp giám sát, phản biện xã hội chưa đồng bộ; việc góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền có mặt hiệu quả chưa cao; việc nắm bắt và đánh giá tình hình cơ sở có lúc, có nơi chưa sát thực tiễn, thiếu kịp thời.

Việc thực hiện đồng thời sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã trên quy mô lớn, không tổ chức cấp huyện và thay đổi phương thức làm việc, đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong thời gian đầu còn gặp một số khó khăn, vướng mắc liên quan đến năng lực, trình độ của cán bộ cấp cơ sở, điều kiện hạ tầng trang thiết bị, trụ sở... phần nào đã ảnh hưởng đến việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp tại một số nơi.

Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức đảng còn yếu; một số ít tổ chức cơ sở đảng nội bộ mất đoàn kết, có nơi mất sức chiến đấu; sinh hoạt đảng ở một số nơi còn hình thức, công tác đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ hiệu quả chưa cao. Công tác xây dựng tổ chức đảng, phát triển đảng viên ở một số nơi, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo và khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước còn gặp nhiều khó khăn. Công tác quản lý đảng viên còn một số khó khăn, bất cập.

Công tác cán bộ vẫn còn những tồn tại, yếu kém nhất định; công tác đánh giá cán bộ còn chưa toàn diện, chính xác, đầy đủ; kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, quản lý cán bộ cấp chiến lược có mặt còn hạn chế. Năng lực của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, hạn chế trong thực hiện trách nhiệm nêu gương, vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ ở một số cấp uỷ có mặt chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao, nhất là vấn đề chính trị hiện nay.

Công tác kiểm tra, giám sát ở một số nơi thiếu chủ động, thiếu quyết liệt, chưa hiệu quả; công tác giám sát thường xuyên còn nhiều hạn chế, chất lượng, hiệu quả chưa cao; việc tự kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm của một số cấp uỷ, tổ chức đảng chưa được quan tâm đúng mức; việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kết luận sau kiểm tra, giám sát còn thiếu quyết liệt; nhiều tổ chức đảng, đảng viên thực hiện yêu cầu trong các kết luận còn thiếu nghiêm túc, chưa triệt để, tiến độ còn chậm, kéo dài. Tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trên một số lĩnh vực vẫn còn diễn biến phức tạp. Cơ chế phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực có mặt chưa hiệu quả.

Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị có mặt còn hạn chế. Một số chủ trương, định hướng lớn của Đảng chưa được thể chế hoá kịp thời, đầy đủ. Chưa khắc phục được tình trạng nội dung một số văn bản còn chung chung, chậm được bổ sung, sửa đổi, thay thế. Việc xây dựng và thực hiện quy chế làm việc của một số cấp uỷ chưa khoa học, chưa hiệu quả. Vẫn còn tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo ở một số cấp uỷ, tổ chức đảng. Cải cách hành chính trong Đảng chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới; việc triển khai chuyển đổi số ở một số địa phương, đơn vị vẫn còn chậm, có nhiều hạn chế về phương pháp, cơ chế, chính sách, hạ tầng, nhân lực.

Những hạn chế trên do nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là những nguyên nhân sau: (1) Bối cảnh quốc tế có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp, khó lường, tác động, ảnh hưởng đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch; mặt trái của cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế; các quy định của pháp luật ở một số lĩnh vực còn thiếu đồng bộ và chưa chặt chẽ; công tác đánh giá cán bộ vẫn là một khâu khó. (2) Nhận thức của một số cấp uỷ, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu chưa đầy đủ, toàn diện, sâu sắc về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện của một số cấp uỷ, tổ chức đảng chưa chủ động, sáng tạo, sâu sát, thiếu quyết liệt; năng lực, kinh nghiệm, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu còn hạn chế; một số cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; chính sách cán bộ còn một số bất cập, chưa khuyến khích, phát huy hết năng lực, tâm huyết với công việc, khó thu hút cán bộ có chuyên môn cao về làm việc ở những lĩnh vực mới, khó, phức tạp; một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện và chưa thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương, còn tình trạng đùn đẩy, né tránh, ngại va chạm.

3. Bài học kinh nghiệm

Một là, kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, Điều lệ Đảng, Cương lĩnh chính trị. Thường xuyên coi trọng tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển lý luận nhằm khẳng định vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng là nhân tố hàng đầu, then chốt quyết định mọi thắng lợi của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Lãnh đạo, chỉ đạo, thể chế hoá, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, liên thông giữa quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Hai là, giữ vững, củng cố, tăng cường đoàn kết, thống nhất giữa nhận thức và hành động trong toàn Đảng, trong hệ thống chính trị, trước hết là trong đội ngũ lãnh đạo chủ chốt và cấp uỷ các cấp. Lãnh đạo, chỉ đạo phải toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, chủ động, sáng tạo, quyết liệt, hiệu quả; có sự chủ động, thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát định kỳ, kịp thời nắm bắt tình hình, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh và phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, tổ chức. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm sự lãnh đạo tập thể, phát huy vai trò, trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu trong tổ chức thực hiện; kiên trì, cầu thị, lắng nghe; không cầu toàn, không chủ quan nóng vội, mất cảnh giác và không tự mãn với thành tích đã đạt được. Đối với những công việc lớn, quan trọng, mới và khó khăn, phức tạp, Trung ương đề ra chủ trương, quyết sách đúng đắn, linh hoạt, sáng tạo, phải xác định quyết tâm chính trị cao nhất, tập trung lãnh đạo, đột phá trong tổ chức thực hiện với tư duy mới, cách làm mới.

Ba là, coi trọng xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; kết hợp chặt chẽ, đồng bộ, toàn diện, hiệu quả giữa xây dựng và chỉnh đốn Đảng; trong đó, xây dựng Đảng là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược lâu dài, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, cấp bách; tăng cường kỷ luật, kỷ cương; kiên quyết, kiên trì, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Xác định đúng nhiệm vụ trọng tâm, đột phá trong từng giai đoạn phát triển. Xây dựng Đảng phải gắn kết chặt chẽ với lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

Bốn là, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Thực hiện nghiêm các nguyên tắc, quy định, kiểm soát chặt chẽ quyền lực trong công tác cán bộ; bố trí đúng người, đúng việc, kịp thời sàng lọc, thay thế những cán bộ không đáp ứng

yêu cầu, nhiệm vụ. Nêu cao trách nhiệm, vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, người đứng đầu và cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp theo phương châm chức vụ càng cao càng phải gương mẫu. Phát huy tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh, sợ trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Năm là, phải làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, tăng cường tuyên truyền, vận động, thuyết phục tạo sự thống nhất cao trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội, không để các thế lực thù địch, các phần tử xấu lợi dụng xuyên tạc, chống phá, chia rẽ nội bộ. Quán triệt sâu sắc, thực hiện hiệu quả quan điểm "Dân là gốc", "Dân là trung tâm", "Dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng", phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" và mọi chủ trương của Đảng hướng tới mục tiêu vì người Dân. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân tích cực tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

II- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XIV

Bối cảnh, tình hình thế giới và trong nước đan xen cả thời cơ, thuận lợi, khó khăn, thách thức lớn, đòi hỏi chúng ta phải kiên định lập trường, lý tưởng cách mạng, có quyết tâm chính trị cao, lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyết liệt, linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả trong tình hình mới.

1. Phương hướng

Trước yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ phát triển mới, hướng đến hiện thực hoá hai mục tiêu 100 năm, nhiệm kỳ Đại hội XIV, đánh dấu thời điểm đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc, Đảng ta tiếp tục thực hiện tốt "bốn kiên định" bằng tinh thần sáng tạo, theo phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh để xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Thực tiễn đã khẳng định sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, vì vậy trong thời kỳ mới, trước những yêu cầu mới rất cao, cần đặc biệt chú trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, xác định sứ mệnh chính trị của Đảng lãnh đạo đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới. Phải tiếp tục tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống

chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, thành tựu đổi mới của Nhân dân ta, dân tộc ta. Đẩy mạnh, tạo sự chuyển biến căn bản trong công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức, cán bộ. Trong nhiệm kỳ tới, công tác xây dựng Đảng cần tập trung cao cho việc tiếp tục hoàn thiện, triển khai hiệu quả mô hình tổ chức bộ máy mới. Xác định rõ cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy đơn vị hành chính mới đạt kết quả bước đầu, nhiệm vụ đặt ra trong thời gian tới hết sức quan trọng. Để cho bộ máy thực sự vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, ổn định lâu dài cần tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước phù hợp với mô hình tổ chức mới; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức trong từng cơ quan, đơn vị, bảo đảm các cơ quan, tổ chức hoạt động thông suốt, đồng bộ, nhịp nhàng, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản trị quốc gia; chất lượng, hiệu quả giám sát, phản biện xã hội và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Triển khai có hiệu quả cơ chế phân cấp, phân quyền giữa Trung ương và địa phương gắn với nâng cao năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa phương; tăng cường chuyển đổi số trong công tác xây dựng đảng. Củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng ở cơ sở và chất lượng đội ngũ đảng viên; tăng cường củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng. Chú trọng và tăng cường đoàn kết trong Đảng, lấy đoàn kết trong Đảng là cơ sở, nền tảng xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân; phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược thật sự tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, phẩm chất, năng lực và uy tín. Tăng cường kiểm tra, giám sát có trọng tâm, trọng điểm và có tính đột phá; kiểm soát quyền lực chặt chẽ, hiệu quả; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực với phương châm "không ngừng, không nghỉ", "không có vùng cấm", "không có ngoại lệ".

2. Nhiệm vụ, giải pháp

2.1. Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị

Kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng để xây dựng

và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, thống nhất của Đảng trên mọi lĩnh vực; tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Tiếp tục phát triển lý luận, bảo đảm vai trò tiên phong, tính dự báo, tầm nhìn vượt trước, dẫn dắt, định hướng; kim chỉ nam, quyết định sự đúng đắn trong đường lối lãnh đạo của Đảng và chiến lược phát triển đất nước. Thực hành dân chủ gắn liền với tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Kiên quyết đấu tranh phòng, chống có hiệu quả những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, xét lại, giáo điều, bảo thủ, bè phái, cục bộ, những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ. Tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng công tác dự báo, hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; nâng cao năng lực thể chế hoá, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, kiên quyết khắc phục những yếu kém, trì trệ, tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm; kiểm tra, giám sát chặt chẽ, xác định rõ trách nhiệm tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu.

2.2. Coi trọng xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng

Công tác tư tưởng phải được tiến hành chủ động, tích cực, thường xuyên, sát thực tiễn. Tăng cường công tác tuyên truyền sâu rộng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giáo dục truyền thống cách mạng của Đảng ta qua 100 năm thành lập và phát triển. Tập trung thực hiện tốt công tác chính trị, tư tưởng tạo sự thống nhất cao trong Đảng, trong hệ thống chính trị và sự đồng thuận trong Nhân dân về cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ việc học tập, quán triệt chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bảo đảm thiết thực, hiệu quả³¹. Tăng cường bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. Chủ động phổ biến, cập nhật kiến thức lý luận chính trị, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, khách quan để phòng, chống "diễn biến hoà bình", thông tin xấu, độc trên Internet, mạng xã hội. Hiện đại hoá cơ sở vật chất phục vụ công tác tuyên truyền, báo chí, xuất bản đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên số; phát huy hơn nữa vai trò của báo chí, văn học, nghệ thuật và sự tham gia tích cực của đội ngũ văn nghệ sĩ, nhà báo trên mặt trận tư tưởng³². Nâng cao chất lượng công tác điều tra dư luận xã hội và đánh giá sự hài lòng của người dân; chủ động nắm bắt, nghiên cứu, dự báo tình hình, tư tưởng, kịp thời xử lý thông tin, định hướng tư

³¹ Tổng kết Chỉ thị số 23-QĐ/TW, ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới.

³² Tổng kết Nghị quyết số 16-QĐ/TW, ngày 01/8/2007 Hội nghị lần thứ Năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới.

tưởng và dư luận xã hội. Hoàn thiện hệ thống lý luận cơ bản về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong giai đoạn cách mạng mới. Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới, lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Thúc đẩy hoạt động đối ngoại của Đảng, đưa hoạt động trao đổi lý luận của Đảng ta với một số đảng cộng sản và chính đảng trên thế giới đi vào chiều sâu, hiệu quả. Nghiên cứu xây dựng chiến lược công tác tư tưởng trong bối cảnh chuyển đổi số. Có cơ chế, chính sách thúc đẩy, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học lý luận chính trị. Đổi mới căn bản nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục lý luận chính trị theo hướng khoa học, sáng tạo, hiện đại và gắn lý luận với thực tiễn. Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức cho cấp uỷ viên và cán bộ làm công tác xây dựng Đảng các cấp. Chú trọng bồi dưỡng, giác ngộ về chính trị, tư tưởng, tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống cho đoàn viên, hội viên và Nhân dân, đặc biệt ở vùng dân tộc thiểu số, tôn giáo, vùng sâu, vùng xa. Tăng cường giáo dục chính trị, lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá, nâng cao tinh thần "tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc", nuôi dưỡng hoài bão, khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc; nêu cao tinh thần, trách nhiệm của thanh niên đối với đất nước, với xã hội.

2.3. Tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức

Nâng cao hơn nữa nhận thức của các cấp uỷ, tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên về vai trò đặc biệt quan trọng, vấn đề cấp bách của công tác xây dựng Đảng về đạo đức. Nghiên cứu, tiếp tục hoàn thiện lý luận xây dựng Đảng về đạo đức, xây dựng Đảng thật sự "là đạo đức, là văn minh" trong tình hình mới, tăng cường tính tiên phong, không ngừng nâng cao trí tuệ, bản lĩnh của Đảng cầm quyền để thực hiện sứ mệnh lãnh đạo, dẫn dắt đất nước phát triển vì hạnh phúc của Nhân dân, bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc và trách nhiệm quốc tế. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, hiệu quả các quy định, chỉ thị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục, thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư và những điều đảng viên không được làm, trách nhiệm nêu gương, tự giác tự phê bình và phê bình trong Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI, khoá XII, Kết luận Trung ương 4 khoá XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; kết hợp giữa "xây" và "chống", lấy "xây" là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược lâu dài, "chống" là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách

thường xuyên³³; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực thi công vụ, nâng cao đạo đức, văn hoá liêm chính, tính chuyên nghiệp của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; coi trọng xây dựng văn hoá Đảng; kiên quyết đấu tranh loại bỏ những phần tử cơ hội, suy thoái đạo đức, lối sống ra khỏi bộ máy của các cơ quan Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị. Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh bằng việc làm cụ thể hằng ngày, bằng sự nêu gương của cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên, tạo sự lan toả sâu rộng, tích cực trong Đảng và toàn xã hội. Đề cao ý thức, trách nhiệm phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, coi trọng danh dự sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật của cán bộ, đảng viên; chấm dứt tình trạng né tránh, đùn đẩy, không dám làm, thiếu trách nhiệm trong công việc³⁴. Nâng cao chất lượng, hiệu quả trách nhiệm giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu và cán bộ chủ chốt.

2.4. Tăng cường công tác dân vận, thắt chặt và làm sâu sắc hơn mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng

Tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đối với công tác dân vận của hệ thống chính trị trong tình hình mới³⁵. Tích cực đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác dân vận. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo mô hình tổ chức mới, ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp xã, hướng mạnh về cơ sở, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới và hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng tổ chức cán bộ, đoàn viên, hội viên, có năng lực thích ứng, bảo đảm cầu nối giữa Đảng với Nhân dân. Tăng cường phối hợp, thực hiện quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị; tiếp tục đẩy mạnh công tác dân vận chính quyền, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả cơ chế phối hợp giữa chính quyền, các cơ quan, tổ chức với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; khơi dậy, phát huy giá trị văn hoá, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Đổi mới phương thức lãnh đạo, vận động, tập hợp và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách về dân tộc, tôn giáo, tăng cường xây dựng lực lượng nòng cốt là người có uy tín trong đồng bào dân tộc

³³ Sơ kết việc thực hiện Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá".

³⁴ Xây dựng hệ thống thể chế đủ mạnh nhằm kiểm soát, ngăn chặn, xử lý nghiêm minh các hành vi lệch chuẩn, sai phạm.

³⁵ Tổng kết Quyết định số 23-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị.

thiếu số, đồng bào theo tôn giáo; nắm chắc tình hình Nhân dân, có cơ chế đặc thù, hiệu quả để theo dõi, tổng hợp tình hình Nhân dân, dân tộc, tôn giáo, các giai tầng xã hội, các vấn đề bức xúc trong Nhân dân; chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện xử lý dứt điểm những điểm nóng, vụ việc phức tạp. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại giữa người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền với Nhân dân và kịp thời giải quyết kiến nghị chính đáng, hợp pháp của Nhân dân. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác dân vận của lực lượng vũ trang, củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa quân và dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân và thế trận lòng dân vững chắc. Tiếp tục cụ thể hoá, thể chế hoá các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân chủ ở cơ sở bảo đảm đồng bộ, hiệu quả. Tích cực phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị thông qua cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ" và phương châm "Lấy dân là gốc", "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội, đóng góp ý kiến của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân và việc tiếp thu, giải trình ý kiến, kiến nghị của cử tri, nhân dân sau giám sát, phản biện xã hội³⁶. Đẩy mạnh thực hiện tốt phong trào thi đua "Dân vận khéo", "Bình dân học vụ số" vì mục tiêu xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.

2.5. Bảo đảm hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân

Vận hành tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo mô hình mới thông suốt, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển đất nước trong giai đoạn mới; sơ kết, tổng kết, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện. Tập trung xây dựng các cơ quan lãnh đạo của Đảng ở Trung ương thực sự là hạt nhân trí tuệ, là "bộ tổng tham mưu", đội tiên phong lãnh đạo cơ quan nhà nước; đổi mới mạnh mẽ hoạt động của các ban, cơ quan của Đảng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ tham mưu chiến lược cho Trung ương. Đổi mới mạnh mẽ công tác xây dựng pháp luật, và nâng cao chất lượng các dự án luật; tiếp tục hoàn thiện việc phân định thẩm quyền, trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp, trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương và giữa các cấp địa phương; tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai các quy định mới về phân cấp, phân quyền, bảo đảm đúng mục tiêu Trung ương tăng cường quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến

³⁶ Tổng kết Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 30/7/2021 của Ban Bí thư về phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; Quy định 213-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú.

lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát, địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm; Chính phủ tập trung cụ thể hoá, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch, hiệu quả; tiếp tục đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, các cơ quan thanh tra, điều tra, thi hành án, bổ trợ tư pháp đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp; Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tập trung cho cơ sở, gắn bó với đoàn viên, hội viên, đáp ứng yêu cầu công tác vận động quần chúng của Đảng; xây dựng các cơ quan tham mưu của cấp uỷ, của chính quyền địa phương thực sự tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan, điều lệ các tổ chức, bảo đảm các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị hoạt động thông suốt, phục vụ tốt người dân và xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Hoàn thiện chức năng tham mưu, tổ chức thực hiện công tác dân vận, tập hợp vận động quần chúng; mô hình quản lý các cơ quan truyền thông, báo chí quốc gia, 2 viện hàn lâm khoa học xã hội và khoa học công nghệ phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới. Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và sắp xếp, tinh gọn tổ chức bên trong của các cơ quan, tổ chức theo nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính, bảo đảm hoạt động hiệu năng, hiệu lực, phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính triệt để, hiệu quả; số hoá tài liệu, quản lý và sử dụng trụ sở, tài sản sau sắp xếp tổ chức tránh lãng phí, phù hợp với điều kiện thực tiễn. Tập trung xây dựng chính quyền số, xã hội số, công dân số, bình dân học vụ số; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, dữ liệu chuyên ngành và liên thông với dữ liệu quốc gia; xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã; tổ chức một cửa liên thông số, kết nối dân cư - đất đai - an sinh - doanh nghiệp..., cập nhật thời gian thực từ cơ sở tới Trung ương; đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm vận hành đồng bộ các hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia, quản trị địa phương, nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp, phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp.

Tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, trường học, cơ sở giáo dục, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước theo đúng định hướng của Trung ương, phù hợp với từng ngành, lĩnh vực, địa bàn; trong đó, quan tâm các lĩnh vực giáo dục, y tế ở địa bàn khó khăn, vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa. Sắp xếp các thôn, tổ dân phố ở xã, phường, đặc khu và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới.

2.6. Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên

Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên, quan tâm vùng dân tộc thiểu số, vùng tôn giáo, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, ngoài nước. Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện mô hình tổ chức đảng trong các đơn vị hành chính, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, bảo đảm lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng. Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và phát triển tổ chức đảng, các tổ chức chính trị - xã hội trong khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước, nhất là doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và thực hiện tốt các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác, quy chế làm việc của các loại hình tổ chức cơ sở đảng phù hợp với thực tiễn, yêu cầu, nhiệm vụ mới³⁷. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, phải coi sinh hoạt đảng là cuộc họp quan trọng nhất; chú trọng đổi mới nội dung và phương pháp tổ chức, gắn với nhiệm vụ, quyền hạn và phân công nhiệm vụ cho cấp uỷ và đảng viên; phát huy dân chủ trong thảo luận, tranh luận, gắn với đề cao kỷ luật, kỷ cương, khắc phục triệt để tình trạng thờ ơ, mất sức chiến đấu trong sinh hoạt đảng, sinh hoạt chi bộ; kiểm tra, giám sát kịp thời góp ý, nhắc nhở, phê bình, xử lý nghiêm chi bộ, đảng viên vi phạm nguyên tắc và chế độ sinh hoạt chi bộ, xem đây là kỷ luật nghiêm khắc nhất của Đảng. Tiếp tục thực hiện thí điểm sinh hoạt đảng trực tuyến ở đảng bộ cơ sở, chi bộ có tính chất đặc thù hoặc trong hoàn cảnh đặc biệt và sinh hoạt đảng theo tổ đảng ở chi bộ có đông đảng viên bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, tránh hình thức. Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác kiểm điểm tự phê bình và phê bình, đánh giá chất lượng tổ chức đảng, đảng viên, khắc phục biểu hiện hình thức, nể nang, né tránh, ngại va chạm. Đánh giá việc thực hiện các mô hình thí điểm, nhân rộng cách làm hiệu quả, phù hợp với thực tiễn. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về tổ chức đảng, đảng viên từ Trung ương xuống cơ sở và liên thông với hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức và cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư. Nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, kỹ năng và nghiệp vụ công tác đảng, công tác quần chúng, công tác dự báo, đánh giá tình hình, năng lực cụ thể hoá và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng cho đội ngũ cấp uỷ viên và cán bộ chuyên trách công tác đảng tại cơ sở, nhất là bí thư cấp uỷ. Thực hiện chủ trương bí thư cấp uỷ đồng thời là thủ trưởng của cơ quan, đơn vị, người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước; bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ

³⁷ Sơ kết, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết số 21-NQ/TW khoá XIII, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương; Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư về tăng cường xây dựng tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân; các quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các loại hình tổ chức cơ sở đảng.

dân phố hoặc trưởng ban công tác mặt trận. Xây dựng, hoàn thiện, đồng bộ cơ chế, chính sách khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên; chế độ đảng phí; có chính sách hỗ trợ hoạt động của tổ chức đảng ở những nơi khó khăn và cán bộ đảng, đoàn thể ở cơ sở.

Tăng cường quản lý đảng viên, chú trọng quản lý đảng viên ở ngoài nước và đảng viên ra nước ngoài công tác, học tập, lao động³⁸; đẩy mạnh chuyên đổi số, xây dựng, phát triển các nền tảng số an toàn trong công tác quản lý đảng viên và sinh hoạt đảng; kịp thời rà soát, sàng lọc, xử lý đảng viên vi phạm, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng³⁹. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên; phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong tạo nguồn phát triển đảng viên, đặc biệt ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo, vùng sâu, vùng xa, khu dân cư⁴⁰; quan tâm phát triển đảng viên trong đội ngũ trí thức, lực lượng vũ trang, học sinh, sinh viên⁴¹, công nhân, người lao động, cán bộ quản lý trong doanh nghiệp. Nghiên cứu, hoàn thiện quy định, hướng dẫn về phát triển đảng viên trong khu vực kinh tế tư nhân, đảng viên làm kinh tế tư nhân trong bối cảnh phát triển kinh tế tư nhân thực sự là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế, vừa phát huy tối đa nguồn lực, năng lực làm giàu chính đáng cho bản thân, gia đình và đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội⁴². Nghiên cứu, hoàn thiện quy định, hướng dẫn về giới thiệu sinh hoạt đảng và sinh hoạt đảng tạm thời phù hợp với tình hình thực tiễn, nhất là đối với đảng viên thường xuyên đi làm xa nơi sinh hoạt đảng chính thức, bộ đội xuất ngũ, sinh viên sau khi tốt nghiệp chưa có việc làm, nơi ở ổn định, đảng viên ra nước ngoài ngắn hạn vì việc riêng.

2.7. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ; tăng cường bảo vệ chính trị nội bộ

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện, đồng bộ công tác cán bộ; bảo đảm thực hiện nghiêm nguyên tắc Đảng lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ

³⁸ Nghiên cứu ban hành Chỉ thị về "Tăng cường công tác xây dựng tổ chức đảng, phát triển và quản lý đảng viên ở nước ngoài trong tình hình mới".

³⁹ Tổng kết Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

⁴⁰ Nghiên cứu, hoàn thiện quy định, hướng dẫn về công tác đảng viên (Quy định số 05-QĐi/TW, ngày 28/8/2018 của Ban Bí thư về việc kết nạp người vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình vào Đảng; Quy định số 06-QĐi/TW, ngày 28/8/2018 của Bộ Chính trị về một số điểm về kết nạp đảng viên đối với người theo tôn giáo và đảng viên là người theo tôn giáo tham gia sinh hoạt tôn giáo...).

⁴¹ Nghiên cứu ban hành Chỉ thị về "Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng viên từ đoàn viên thanh niên".

⁴² Tổng kết Nghị quyết số 10-QĐ/TW, ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tổng kết Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư về tăng cường xây dựng tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân; sửa đổi, bổ sung Quy định số 15-QĐ/TW, ngày 28/8/2006 của Ban Chấp hành Trung ương về đảng viên làm kinh tế tư nhân; Hướng dẫn số 08-HD/BTCTW, ngày 27/9/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về kết nạp chủ doanh nghiệp tư nhân vào Đảng.

cán bộ của hệ thống chính trị. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, kiên quyết ngăn chặn và đẩy lùi có hiệu quả tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ. Phải có tầm nhìn xa trong chuẩn bị đội ngũ cán bộ, bảo đảm sự kế thừa, tiếp bước vững vàng giữa các thế hệ. Xây dựng cơ chế lựa chọn, bố trí đúng cán bộ tốt, hội tụ đủ đức, đủ tài, đủ tâm, đủ tầm, đủ sức, đủ nhiệt huyết cách mạng để gánh vác trọng trách lịch sử đất nước vào các vị trí lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị. Thực hiện nghiêm các quy định về công tác cán bộ ở các cấp, nhất là cấp chiến lược theo nguyên tắc công khai, minh bạch, công bằng, công tâm; quyền lực đi đôi với trách nhiệm; nhiệm vụ gắn với nguồn lực, điều kiện thực hiện; sử dụng gắn với chính sách, chế độ đãi ngộ phù hợp với thực tiễn và yêu cầu công việc; đồng thời bảo đảm triển khai hiệu quả cơ chế sàng lọc, đưa ra khỏi vị trí công tác đối với những người không đủ phẩm chất, năng lực, uy tín theo đúng chủ trương "có vào, có ra", "có lên, có xuống". Nhận diện rõ, đấu tranh quyết liệt, hiệu quả với các hành vi chạy chức, chạy quyền; đồng thời, coi trọng giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao ý thức trách nhiệm, lòng tự trọng và danh dự của cán bộ. Sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả, tác động của các chủ trương, mô hình thí điểm trong công tác cán bộ. Nhận xét, đánh giá cán bộ theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, có tiêu chí gắn với hiệu quả, kết quả thực hiện nhiệm vụ, thông qua sản phẩm cụ thể; coi trọng uy tín trong Đảng và tín nhiệm trong Nhân dân. Nghiên cứu cơ chế nhằm phát huy đầy đủ, thực chất vai trò của Nhân dân trong giám sát, đánh giá cán bộ. Tiếp tục rà soát, chuẩn hoá, thực hiện chặt chẽ công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ; quan tâm, tạo nguồn cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ là người dân tộc thiểu số, cán bộ khoa học, kỹ thuật; tăng cường cán bộ cho các địa bàn khó khăn, lĩnh vực trọng yếu, nơi triển khai mô hình mới để thử thách, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo toàn diện của cán bộ. Đổi mới và có quy trình chặt chẽ trong công tác bầu cử, bổ nhiệm, bố trí, sử dụng cán bộ theo hướng cơ cấu hợp lý, tinh giản số lượng và nâng cao chất lượng, không nhất thiết địa phương, cơ quan, đơn vị nào cũng phải có cấp uỷ viên. Cơ bản bố trí bí thư cấp uỷ đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân cùng cấp. Có cơ chế, quy định trách nhiệm của lãnh đạo và cấp uỷ viên trong việc phát hiện, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ có bản lĩnh, năng lực nổi trội và triển vọng phát triển vào vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả vượt cấp, nhất là cán bộ trẻ; quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ. Kịp thời miễn nhiệm, cho từ chức, cho thôi giữ chức vụ, thay thế những cán bộ có kết quả thực hiện nhiệm vụ yếu kém mà không chờ hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm, xử lý nghiêm những người có sai phạm. Khẩn trương triển khai Chiến lược quốc gia về thu hút và trọng dụng nhân tài, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi

nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững; nghiên cứu cơ chế tạo sự liên thông giữa khu vực công và khu vực tư. Kiên quyết không để lọt vào cấp uỷ, lãnh đạo quản lý trong hệ thống chính trị những cán bộ không có bản lĩnh chính trị vững vàng, không kiên định quan điểm của Đảng, giảm sút uy tín, gây mất đoàn kết, đùn đẩy trách nhiệm, có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực, "tư duy nhiệm kỳ", tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "lợi ích nhóm", cục bộ địa phương, có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", vi phạm trách nhiệm nêu gương. Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo động lực để cán bộ phấn đấu, cống hiến⁴³. Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị ảnh hưởng do sắp xếp tổ chức, bộ máy. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp thực sự tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, phẩm chất, đạo đức, năng lực nổi trội, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, là hạt nhân đoàn kết⁴⁴. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức cấp xã, đặc biệt là cán bộ trẻ, cán bộ kiêm nhiệm và cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, tư tưởng, lý luận, văn hoá, văn nghệ; xây dựng đội ngũ cấp uỷ viên, cán bộ lãnh đạo, chỉ huy các cấp trong quân đội, công an đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Củng cố, nâng cao ý thức trách nhiệm và tính Đảng đối với cán bộ trong các doanh nghiệp nhà nước. Hoàn thiện chính sách để khuyến khích cán bộ làm việc ở những vùng, ngành nghề khó khăn, phức tạp; cán bộ chuyên môn, nhất là đội ngũ chuyên gia có tay nghề cao; thực hiện cải cách chế độ tiền lương, phụ cấp phù hợp với yêu cầu thực tiễn về sắp xếp, tổ chức lại bộ máy và tinh giản biên chế. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng Đảng, nhất là cán bộ cấp chiến lược; coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác tổ chức, cán bộ.

Tiếp tục tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ; nắm chắc lịch sử chính trị, chú trọng vấn đề chính trị hiện nay; gắn công tác bảo vệ chính trị nội bộ với công tác quản lý cán bộ, đảng viên. Đổi mới công tác hồ sơ cán bộ trên cơ sở số hoá từ cơ sở và kết nối liên thông đồng bộ giữa các cơ quan. Tăng

⁴³ Tổng kết Kết luận số 14-KL/TW, ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung. Cải cách chính sách tiền lương. Nghiên cứu hoàn thiện quy định về chế độ phụ cấp kiêm nhiệm; chính sách nhà ở xã hội đối với cán bộ, công chức, viên chức có khó khăn về nhà ở; chính sách bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công phù hợp thực tiễn; ban hành thực hiện khoản phương tiện đi lại, tiếp tục hoàn thiện các quy định về chế độ xe ô tô phục vụ công tác, điện thoại, khám chữa bệnh, nghỉ hè, nghỉ dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức.

⁴⁴ Tổng kết Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

cường công tác bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước. Chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động "diễn biến hoà bình", chống phá của các thế lực thù địch, tổ chức phản động, phần tử cơ hội, bất mãn chính trị; bảo vệ cán bộ, đảng viên; bảo vệ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2.8. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

Tiếp tục nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng, đặc biệt là trách nhiệm của cấp uỷ và người đứng đầu cấp uỷ trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; phát hiện nhân tố mới tích cực, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đột phá vì lợi ích chung; kịp thời phát hiện những vi phạm, khuyết điểm của tổ chức, đảng viên và "tự soi", "tự sửa", chủ động khắc phục, kịp thời chấn chỉnh khuyết điểm, yếu kém, không để dẫn đến vi phạm. Tổng kết Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030^{45, 46}; xây dựng, hoàn thiện thể chế về công tác kiểm tra, giám sát bảo đảm khoa học, chặt chẽ, phù hợp với điều kiện thực tiễn, thống nhất, đồng bộ, liên thông giữa quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Thực hiện nghiêm việc kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán. Chú trọng nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát ngay từ chi bộ. Đổi mới mạnh mẽ tư duy, phương pháp, cách thức tổ chức công tác kiểm tra, giám sát, chuyển trọng tâm sang phòng ngừa, cảnh báo vi phạm; chuyển từ bị động sang chủ động, nắm chắc tình hình, không để có "khoảng trống", "vùng tối" mà công tác kiểm tra, giám sát của Đảng không vươn tới được. Có cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, việc thực thi quyền lực của cán bộ lãnh đạo, quản lý; kiểm tra, giám sát việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập bảo đảm thực chất, công khai, minh bạch. Tập trung kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", vi phạm nguyên tắc, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vi phạm quy định về những điều đảng viên không được làm và trách nhiệm nêu gương; những lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác dễ xảy ra vi phạm, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; những nơi có vấn đề nổi cộm, gây bức xúc trong xã hội và khiếu kiện kéo dài. Việc xử lý kỷ luật phải bảo đảm nghiêm minh, chính xác, kịp thời, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, gắn với tăng cường giáo dục, quản lý, làm cho tổ chức đảng, đảng viên thấy được vi phạm, khuyết điểm để khắc phục, sửa chữa, tiến bộ hơn, làm tốt hơn. Chú trọng công tác tự kiểm tra, tự giám sát của các cấp uỷ, tổ chức đảng, kịp

⁴⁵ Kết luận số 34-KL/TW, ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị.

⁴⁶ Nghiên cứu thí điểm mô hình đại hội bầu uỷ ban kiểm tra các cấp.

thời phát hiện từ nội bộ để chấn chỉnh ngay những vi phạm từ khi mới phát sinh, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành vi phạm lớn. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát từ cấp cơ sở, chú trọng giám sát việc thực hiện các kết luận sau kiểm tra, giám sát. Giải quyết tố cáo, khiếu nại kịp thời, đúng quy định, khắc phục tình trạng khiếu nại, tố cáo kéo dài, vượt cấp. Phối hợp chặt chẽ, kịp thời, đồng bộ, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án của Nhà nước và giám sát của Đảng với giám sát của Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Thực hiện nghiêm việc bố trí chức danh chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp uỷ cấp tỉnh, cấp xã không phải là người địa phương. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; công khai kết quả xử lý các vụ việc trên phương tiện thông tin đại chúng. Thực hiện nghiêm quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng. Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, triển khai quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu "kiểm tra, giám sát trên dữ liệu" trong toàn Ngành Kiểm tra.

2.9. Tiếp tục đẩy mạnh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phải tiến hành kiên quyết, kiên trì, thường xuyên, liên tục, không ngừng, không nghỉ, với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động mạnh mẽ, quyết liệt, tích cực, chủ động, hiệu quả từ Trung ương đến cơ sở, chi bộ đảng. Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, không có vùng cấm, không có ngoại lệ; trong đó, phòng ngừa là chính, là cơ bản, lâu dài, phát hiện, xử lý là quan trọng, đột phá. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết, khuyến khích, bảo vệ những người đổi mới, sáng tạo, phục vụ đắc lực nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tập trung hoàn thiện, kiên quyết thực hiện đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả thể chế để "không thể" tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nhất là, hoàn thiện thể chế về kiểm soát quyền lực, kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ; về trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu; về bảo vệ, khuyến khích người tích cực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, sáng tạo vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kiểm soát chặt chẽ, phòng, chống tham

những, lãng phí, tiêu cực trong việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật. Chú trọng xây dựng và thực hiện nghiêm chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử, các quy định nội bộ của cơ quan, tổ chức để phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế về phòng, chống lãng phí theo hướng tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ cho việc giám sát, kiểm tra, phát hiện, xử lý mạnh, có tính răn đe cao đối với các hành vi lãng phí; tổ chức thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và phòng, chống lãng phí; nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tăng cường hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng, truy bắt, dẫn độ những đối tượng bỏ trốn. Tăng cường phối hợp chặt chẽ, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan chức năng; triển khai quyết liệt, thường xuyên, toàn diện, đồng bộ công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu, then chốt, lĩnh vực mới, tiềm ẩn nguy cơ cao tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực; xử lý kịp thời, đồng bộ, bảo đảm vừa nghiêm minh, vừa nhân văn; ưu tiên áp dụng các biện pháp dân sự, kinh tế, hành chính, tổ chức, trường hợp đến mức phải xử lý hình sự thì cho phép chủ động khắc phục hậu quả kinh tế trước, nhưng có thời hạn thực hiện cụ thể; bảo vệ người đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; chú trọng thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, không có vùng cấm, không có ngoại lệ để "không dám" tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực. Kết hợp kiểm tra, giám sát của cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra các cấp với kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng theo quy định. Phát huy tốt hơn vai trò, trách nhiệm của các cơ quan và đại biểu dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, Nhân dân và các cơ quan truyền thông, báo chí trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới; kiên trì xây dựng văn hoá liêm chính, tiết kiệm, không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, trước hết là người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể các cấp và trong các tầng lớp Nhân dân, hướng đến xây dựng quốc gia liêm chính, xã hội liêm chính để "không muốn" tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thực sự bản lĩnh, trung thực, công tâm, liêm khiết, tận tụy, chuyên nghiệp; được trả lương và đãi ngộ phù hợp với cống hiến, tài năng để "không cần" tham nhũng, tiêu cực.

2.10. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng

Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về Đảng cầm quyền trên cơ sở khoa học, dân chủ, hiệu quả, thiết thực, sát thực tiễn cách mạng Việt Nam và xu thế thời đại, giữ vững nguyên tắc Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất cầm quyền ở Việt Nam. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, thống nhất nhận thức và thực hiện đồng bộ, có hiệu quả phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, không để xảy ra tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng. Thể chế hoá, cụ thể hoá và thực hiện hiệu quả mối quan hệ "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ"⁴⁷. Đổi mới, nâng cao chất lượng ban hành và tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao nhất các chủ trương, đường lối của Đảng theo hướng rõ trọng tâm, bảo đảm nghị quyết thực sự đi vào cuộc sống. Mọi chủ trương, nghị quyết phải thực sự mang tính bao trùm, đột phá, dẫn dắt, mở đường cho nhân tố mới phát triển; cụ thể hoá, thể chế hoá kịp thời, đồng bộ; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Thực hiện nghiêm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, quản lý đội ngũ cán bộ và biên chế của hệ thống chính trị. Kiên định Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với lực lượng vũ trang. Tập trung củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; tạo chuyển biến rõ rệt về chất lượng hoạt động của các loại hình cơ sở đảng, nhất là tổ chức đảng trong các đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, sinh hoạt của chi bộ. Kịp thời kiện toàn tổ chức đảng đồng bộ, thống nhất với tổ chức của hệ thống chính trị, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ở tất cả các cấp. Nêu gương phải thực sự trở thành một nội dung quan trọng trong phương thức lãnh đạo của Đảng. Kịp thời chấn chỉnh những hành vi thiếu gương mẫu của cán bộ, đảng viên; kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị, trí tuệ, gương mẫu, tiên phong, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tăng cường kiểm soát quyền lực. Đổi mới mạnh mẽ phong cách lãnh đạo, phương pháp công tác, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở bảo đảm dân chủ, kỷ cương, trách nhiệm, sâu sát, khoa học, chuyên nghiệp, hiệu quả^{48, 49}.

⁴⁷ Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011); Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng.

⁴⁸ Sửa đổi, bổ sung Quy chế số 01-QC/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XIII.

⁴⁹ Ban hành Chương trình công tác của Ban Chấp hành Trung ương nhiệm kỳ khoá XIV.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách thúc đẩy mạnh mẽ cải cách hành chính trong Đảng; tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hoá hạ tầng phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Xây dựng và vận hành hệ thống dữ liệu cán bộ, đảng viên thống nhất, liên thông; triển khai hiệu quả các phần mềm, ứng dụng dùng chung trong Đảng và mạng truyền số liệu chuyên dùng đồng bộ, an toàn, hiện đại.

3. Giải pháp đột phá

Tiếp tục cụ thể hoá, triển khai quyết liệt, đồng bộ ba đột phá đã được xác định trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Trong giai đoạn mới, tiếp tục tập trung vào ba nhóm giải pháp chủ yếu sau:

3.1. Nâng cao năng lực tự đổi mới, tự hoàn thiện để tăng cường hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, củng cố và tăng cường niềm tin của Nhân dân. Tập trung hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng; đổi mới việc xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, nhất là việc ban hành nghị quyết. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, tạo bước đột phá đi đầu về chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng, tập trung đẩy mạnh, tạo nền tảng hình thành hệ sinh thái số đồng bộ phục vụ hoạt động của Đảng, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

3.2. Triển khai hoạt động có hiệu quả tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo mô hình mới bảo đảm vận hành thông suốt, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ bảo đảm khách quan, dân chủ, thực chất, hiệu quả, nhất là công tác thẩm định, đánh giá cán bộ theo đúng chủ trương "có vào, có ra", "có lên, có xuống"; tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược, cán bộ cấp cơ sở có tư duy, năng lực quản trị tiên tiến, phù hợp với mô hình tổ chức mới và yêu cầu phát triển bứt phá của đất nước; đổi mới tư duy, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài, đặc biệt trong các ngành, lĩnh vực chiến lược, mũi nhọn, khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung làm động lực cho sự phát triển nhanh, bền vững đất nước.

3.3. Tăng cường siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đẩy mạnh phân cấp, kiểm soát quyền lực chặt chẽ, hiệu quả. Đặc biệt chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; kiên quyết, kiên trì đẩy mạnh công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.